

# THÔNG LUẬN

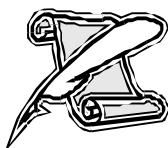
## NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le N° 0708 G 88353

Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication: Nguyễn Văn Huy

Xã luận



Revue mensuelle Thông Luận, imprimée en France par la SARL Point Concept - 51 avenue Paul-Vaillant Couturier - 94400 Vitry sur Seine.  
Prix du numéro : 3,5 EUR - Abonnement un an (11 numéros) : 35 EUR

ISSN 1145-9557 - Số 231 - Năm thứ 21, tháng 12-2008

## Chấm dứt một phép mầu giả tạo

Ngày 10 tháng 11 vừa qua chính quyền Bắc Kinh đã tuyên bố dự chi 586 tỷ USD cho một kế hoạch cứu nguy kinh tế, gần bằng số tiền 700 tỷ USD mà Hoa Kỳ đã bỏ ra để đương đầu với cuộc khủng hoảng toàn cầu đang diễn ra và cao hơn số tiền mà các nước Châu Âu dự trù cho cùng một mục đích. Nếu chúng ta ý thức rằng GDP (tổng sản lượng nội địa) của Trung Quốc (3.300 tỷ USD) chỉ bằng 22% GDP của Hoa Kỳ (14.600 tỷ USD) thì phải hiểu rằng Trung Quốc bị khủng hoảng nặng gấp nhiều lần Hoa Kỳ và Châu Âu.

Dẫu vậy các xí nghiệp Trung Quốc vẫn tiếp tục ô ạt phá sản, kéo theo thảm kịch cho hàng chục triệu công nhân. Vào giờ này người ta đã có thể quả quyết rằng ngay cả tổng số tiền dự trữ của Trung Quốc - được ước lượng ở mức 2.000 tỷ USD - cũng không đủ để chặn đứng đà suy thoái. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, 12% năm 2007, sẽ chỉ còn khoảng 3% năm 2008, thậm chí có thể là âm. 2009 sẽ là một năm cực kỳ đen tối. "Phép màu kinh tế Trung Hoa" đã chấm dứt.

Cần nhấn mạnh một điều : Trung Quốc không phải chỉ là nạn nhân của một cuộc khủng hoảng tài chính do Hoa Kỳ gây ra. Chính Trung Quốc cũng là thủ phạm. Cuộc khủng hoảng đang xảy ra không phải chỉ đơn thuần là một cuộc khủng hoảng tài chính ; nếu như thế thì những biện pháp cứu nguy của các quốc gia đã quá dù và vấn đề đã giải quyết xong rồi. Nó cũng không phải chỉ là một cuộc khủng hoảng kinh tế ; nếu chỉ có thể thì mức độ trầm trọng của nó đã không lớn như chúng ta đang thấy, bởi vì các hoạt động kinh tế tự chúng có khả năng điều chỉnh những sai lầm trước khi chúng trở thành quá nghiêm trọng. Đây là một cuộc khủng hoảng về chính sách và định hướng.

Mô thức Trung Quốc mà từ nhiều năm qua Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã liên tục cảnh giác về sự nghịch lý độc hại và sự phá sản chắc chắn có thể tóm lược như sau : mở cửa về kinh tế nhưng vẫn giữ nguyên chính sách độc tài toàn trị ; biến Đảng Cộng Sản Trung Quốc, với hơn 70 triệu đảng viên, thành một giai cấp thống trị ; bóc lột tối đa sức lao động của nhân dân Trung Quốc để xuất khẩu với giá rẻ mạt, thực tế là phá giá, để chiếm giữ các thị trường trên thế giới ; bắt chấp mọi quan tâm về môi trường để hạ thấp giá thành của các sản phẩm ; xóa bỏ các chi tiêu về y tế và liên dối xã hội để đạt tỷ lệ tăng trưởng kinh tế tối đa. Nếu một chính sách như vậy mà có thể thành công thì

thế giới đã tiến rất xa dưới các chế độ quân chủ chuyên chính rồi, không cần phải đợi có dân chủ mới có các tiến bộ ngoạn mục về mọi mặt. Chính sách của Bắc Kinh là chính sách thành tích. Thành tích trên hết và là tất cả. Vì thành tích thu gọn trong tỷ lệ tăng trưởng kinh tế. Các con số tăng trưởng trên 10% và các nhà chọc trời ở Thương Hải đã che khuất những vi phạm nhân quyền và có lúc đã làm mờ mắt nhiều người. Trung Quốc đã lôi kéo theo nhiều quốc gia khác, trong đó có Việt Nam, đi theo mô thức tệ hại này và góp phần quyết định tạo ra một "phân công lao động quốc tế" quái đản trong đó các nước giàu được giao vai trò tiêu thụ trong khi các nước nghèo có nhiệm vụ sản xuất và cho các nước giàu vay tiền nếu cần để họ tiêu thụ tối đa.

Trách nhiệm của Trung Quốc trong cuộc khủng hoảng này rất lớn. Mô thức này, đã từng cho phép Trung Quốc huyên hoang thách thức nhân quyền và xuất hiện như là nước lãnh đạo của cả một liên minh chống dân chủ trên thế giới, nay đã bắt đầu phá sản và ngay cả tổng số tiền dự trữ của Trung Quốc cũng không thể cứu vãn được nó. Một lý do giản dị là khi thị trường xuất khẩu suy sụp thì chỉ còn một cách là gia tăng tiêu thụ nội địa, nhưng người dân Trung Quốc đã bị bóc lột quá đáng và đã quá nghèo để có thể tiêu thụ thêm ; hơn nữa, với sự thiếu vắng của hệ thống y tế công cộng, sức khỏe trở thành mối ám ảnh hàng ngày của họ, ngay cả nếu thu nhập gia tăng họ cũng để dành để phòng khi đau ốm chứ không mua sắm.

Sau sự phá sản chắc chắn này sẽ chỉ còn lại một đất nước Trung Quốc bị ô nhiễm tàn phá một cách không thể phục hồi và một xã hội Trung Quốc với phân hoá giàu nghèo thách đố như chưa bao giờ thấy, giữa những con người cũng như giữa các địa phương.

Việt Nam cũng đã dại dột đi theo mô thức Trung Quốc nhưng chưa đạt đến trình độ của Trung Quốc. Chúng ta cũng sẽ gặp nhiều khó khăn, về mặt kinh tế còn khó khăn hơn cả Trung Quốc, nhưng chúng ta chưa đi sâu vào sai lầm như Trung Quốc và do đó cũng dễ thoát hiểm hơn. Với điều kiện là chúng ta đủ sáng suốt để đảo ngược hướng đi và nhìn nhận một sự thực mà kinh nghiệm của mọi dân tộc đã và đang chứng tỏ : phát triển phải đi đôi với dân chủ.

Thông Luận

## APEC và ASEAN : nguy cơ và cơ hội

Nguyễn Minh

Trong hai tháng 11 và 12-2008 vừa qua, hai hội nghị lớn liên quan đến các quốc gia trong khu vực Thái Bình Dương và Đông Nam Á đã được tổ chức tại Lima, thủ đô Peru, và Cheng Mai, một thành phố phía bắc Thái Lan.

Tại sao có tới hai hội nghị và với mục đích gì ?

Trước cuộc khủng hoảng tài chánh và suy thoái kinh tế toàn cầu, những quốc gia đang phát triển chịu nhiều thiệt hại nhất. Nguồn thu nhập chính, và cũng là thước đo tăng trưởng kinh tế của những quốc gia này, phần lớn dựa vào dịch vụ xuất khẩu, và chỉ xuất khẩu sang các quốc gia phát triển phương Tây. Khi khả năng tiêu thụ tại các quốc gia phương Tây suy giảm, nguồn thu nhập do xuất khẩu mang lại giảm theo. Vấn đề của các quốc gia đang phát triển là nguồn lợi do xuất khẩu mang lại chiếm từ 50 đến 70% tổng sản lượng quốc gia (GDP), trong khi tại các quốc gia phát triển tỷ lệ này chỉ ở mức từ 5 đến 15%, sự thiệt hại sẽ không nhiều bằng những quốc gia chỉ sống nhờ xuất khẩu. Cuộc họp mặt giữa những nhà lãnh đạo trong hai khu vực địa lý nói trên chính vì vậy để tìm ra một giải pháp vượt lên sự khó khăn này.

### Tuyên bố Lima

Trong hai ngày 22 và 23-11-2008, Hội nghị hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC) đã được tổ chức một cách trọng thể tại Lima (Peru). Hội nghị đã kết thúc với một tuyên bố đặc biệt về sinh hoạt kinh tế thế giới, gọi là Tuyên bố Lima.

Tuyên bố này nói gì ? Đó chỉ là một lời tuyên bố suông bày tỏ quyết tâm từ bỏ các biện pháp rào cản, bảo vệ sinh hoạt kinh tế của từng quốc gia và các định mức về xuất khẩu (quota) mới. Tính đặc biệt của tuyên bố này là lời "thề" chống những biện pháp đó trong vòng... một năm.

Như những hội nghị thương đỉnh trước đó, nội dung các cuộc thảo luận trong hội nghị thương đỉnh lần này chỉ nhằm củng cố sự hợp tác kinh tế và thương mại với các quốc gia phát triển như lời kêu gọi của hội nghị thương đỉnh G20, được tổng thống Bush triệu tập tại Washington ngày 5-11 vừa qua, nhằm giải quyết cuộc khủng hoảng tài chánh và suy thoái kinh tế đang hoành hành tại các quốc gia trên toàn cầu.

Trong cuộc họp mặt thương đỉnh G20 lần cuối cùng trong nhiệm kỳ của ông, tổng thống Bush đã bày tỏ sự lo lắng khi lên án "chính sách bảo vệ kinh tế dẫn đến sự hủy hoại sinh hoạt kinh tế trên qui mô toàn cầu". Lãnh đạo các quốc gia phát triển G20 khác cũng chia sẻ ưu tư này và đồng thanh lên án chính sách bảo vệ mậu dịch đang mạnh nha tại một số quốc gia đang phát triển, đặc biệt là tại Đông Á và Đông Nam Á.

Từ khi Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO) được thành hình năm 1995 và qui tụ hơn 150 quốc gia, sinh hoạt và trao đổi thương mại thế giới đã đi vào nề nếp, hàng hóa và dịch vụ được tự do lưu thông, sự phân công lao động và sản xuất kinh tế cũng tương đối bình đẳng. Không còn cảnh cá lớn nuốt cá bé, các quốc gia giàu mạnh áp đặt điều kiện trên các quốc gia nghèo khó thi hành, v.v. Ngày nay các quốc gia đang phát triển hay đang trên đường phát triển được quyền phát biểu một cách bình đẳng trong các hội nghị quốc tế về trao đổi thương mại, như hội

nghi APEC lần này tại Lima. Nói chung, chủ trương Tổ Chức Thương Mại Thế Giới là thúc đẩy sự tự do trao đổi hàng hóa và dịch vụ, qua xuất nhập khẩu, nhằm giúp các quốc gia thuộc thế giới thứ ba có thể thu vào thật nhiều ngoại tệ để từ đó làm bàn đạp tiến lên, hay vượt qua nghèo khó, bằng cách tái đầu tư hoặc canh tân lại hệ thống hạ tầng cơ sở để kêu gọi đầu tư quốc tế.

Tuy không có định chế tài chánh và tiền tệ quốc tế nào nói ra, yếu tố đầu tiên để thúc đẩy phát triển kinh tế lâu dài và ổn vững là phải có dân chủ và một xã hội dân sự tự do. Hiện nay tuy có nhiều quốc gia độc tài có tỷ lệ tăng trưởng cao nhờ xuất khẩu, như trường hợp Trung Quốc, nhưng không thể đi xa hơn vì đã đạt tới mức giới hạn. Lý do là các chế độ độc tài thường bỏ qua hay coi nhẹ thị trường quốc nội, do đó không làm một cố gắng nào để nâng cao mức sống của dân chúng trong nước như tăng lương hay tăng trợ cấp xã hội. Bất cứ một sự cố nào trên thị trường quốc tế cũng để lại những ảnh hưởng tai hại cho sinh hoạt kinh tế quốc nội và đời sống người dân vì không đặt ra một định mức giới hạn an toàn. Khi hàng hóa dành cho xuất khẩu không xuất khẩu được, tai họa liền xảy ra : xí nghiệp phả sản, sa thải hàng loạt, xuống đường đòi trả lương, v.v.

Chính vì không tiền liệu được những gì sẽ xảy ra trong tương lai, khi gặp biến cố bất lợi, các chính quyền độc tài thường đơn phương lấy những quyết định tai hại : đánh thuế cao các nguồn hàng xuất nhập khẩu, ngăn chặn sự xâm nhập của hàng hóa hay nguồn vốn đến từ nước ngoài để khai thác tài nguyên nội địa, cấm nhập khẩu, v.v. Những biện pháp này tuy có mục đích bảo vệ hàng hóa nội địa nhưng đồng thời cũng tiêu diệt luôn sinh hoạt trao đổi quốc tế, vì những quốc gia khác cũng sẽ lập những hàng rào quan thuế hay ban hành những biện pháp ngăn chặn tương tự. Cuối cùng chính các quốc gia đó bị chế tài : xí nghiệp đóng cửa và sa thải nhân công nhân vì hàng hóa không bán được, trong khi thị trường trong nước chưa quen tiêu dùng những loại hàng hóa dành riêng cho xuất khẩu hay sức mua yếu kém... cuối cùng dẫn đến suy thoái kinh tế.

Trong hội nghị thương đỉnh APEC lần này, nhiều cấp lãnh đạo quốc gia tham dự hội nghị không che giấu lo ngại trước lời thề "chống các biện pháp bảo vệ kinh tế" trong một năm này. Trả lời phỏng vấn một hãng truyền thông quốc tế, ông Mali Banguesto, bộ trưởng thương mại Indonesia, nói rằng sinh hoạt nông nghiệp của Indonesia sẽ gặp khó khăn lớn nếu không có những biện pháp bảo vệ ngành này từ một đến hai năm tới. Lý do là hiện nay các công ty khai thác lâm nghiệp trong và ngoài nước đang thi nhau chặt đốn cây rừng để xuất khẩu, hoặc đốt rừng để lấy đất trồng trot gây ô nhiễm của một vùng rộng lớn trong một thời gian dài. Đây cũng là trường hợp của những nước Brazil, Malaysia, Lào, Myanmar và Việt Nam.

Ngoài "lời thề" nói trên, hội nghị APEC lần này cũng lên tiếng ủng hộ tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường trên qui mô toàn cầu : các loại rừng thiên nhiên, bãi san hô và nhất là chống sa thải bừa bãi các loại chất độc hóa học.

Nói tóm lại, lời thề "một năm" của hội nghị APEC lần này chỉ có một mục đích duy nhất là kéo dài thời gian để chờ xem ê kíp của vị tổng thống vừa đắc cử của Mỹ, Barack Obama, đưa ra

những biện pháp nào để phục hồi nền kinh tế của Mỹ và ngăn chặn đà suy thoái kinh tế trên toàn cầu. Thái độ chần chờ này cũng là một hình thức nhìn nhận vai trò lãnh đạo kinh tế thế giới của Hoa Kỳ. Nếu sau một năm, suy thoái kinh tế vẫn tiếp tục kéo dài, chính sách bảo vệ kinh tế nội địa có nguy cơ bùng phát trở lại.

Cũng nên biết diễn đàn APEC được thành lập từ 1989 để ủng hộ sự tự do trao đổi. Hiện nay diễn đàn này qui tụ 21 quốc gia thành viên khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (Australia, New Zealand, Papua New Guinea, Trung Quốc, Nam Hàn, Nhật Bản, Đài Loan, Hongkong, Canada, Hoa Kỳ, Mexico, Peru, Chili, Nga và 7 quốc gia Đông Nam Á : Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan, Việt Nam), tập trung 41% dân số thế giới (2,6 tỷ người), với 61% tổng sản lượng thế giới và 47% trao đổi quốc tế.

### Mâu thuẫn giữa Mỹ-Nga-Nhật-Trung trong hội nghị

Bên lề hội nghị APEC lần này đã xảy ra nhiều bất đồng giữa các quốc gia tham dự hội nghị.

Đầu tiên là giữa Mỹ và Nga. Ngày 22-11, tổng thống Bush đã hội đàm với tổng thống Nga Medvedev về cuộc chiến tại Georgia hồi đầu tháng 8 vừa qua. Lý do là tổng thống Bush muốn tổ chức kỷ niệm 5 năm cuộc cách mạng hoa hồng, tức cuộc chiếm chính quyền qua bầu cử tự do tại Georgia năm 2003, sự kiện không làm tổng thống Medvedev của Nga hài lòng và trả đũa bằng những thăm viếng những quốc gia chống Hoa Kỳ tại Trung Mỹ như Venezuela và Cuba. Phía Mỹ cho biết trong cuộc hội đàm cấp cao hai nước lần này, tổng thống Bush cho biết "giữa chúng tôi có sự bất đồng ý kiến, ý kiến không trùng hợp nhưng cả hai phía đều nỗ lực tạo một quan hệ tốt từ tận đáy lòng". Tổng thống Medvedev cũng lập lại y hệt "dù có sự khác biệt lớn, chúng tôi cũng nỗ lực làm tốt hơn và đã làm tốt hơn".

Thứ hai là giữa Nhật Bản và Nga. Trong cuộc hội đàm giữa tổng thống Nga Medvedev và thủ tướng Nhật Aso, hai bên chỉ trích sự chậm trễ trong việc giao trả hai hòn đảo nhỏ phía Bắc nước Nhật trong quần đảo Sakhaline do Nga chiếm giữ năm 1945. Thủ tướng Putin của Nga dự định sẽ chính thức viếng thăm Nhật để xúc tiến việc trao trả này. Lý do là Nga rất cần vốn đầu tư và kỹ thuật của Nhật trong việc khai thác các nguồn tài nguyên vùng đông Siberia và Sakhaline sau khi tài nguyên vùng tây Siberia bị khô kiệt và xuống giá.

Thứ ba là giữa Trung Quốc và Nhật Bản. Giữa hai nước có nhiều mâu thuẫn lớn về chủ quyền trên những hòn đảo ngoài khơi biển Vàng, sự tăng cường bất bình thường khả năng quân sự của Trung Quốc và tiến trình hóa giải kho vũ khí nguyên tử của Bắc Triều Tiên. Cuộc gặp gỡ tuy ngắn ngủi (20 phút) giữa chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào và thủ tướng Nhật Taro Aso nhưng cũng đã làm dịu êm những mâu thuẫn giữa hai nước về những vấn đề vừa nêu trên. Tóm tắt nội dung cuộc gặp gỡ này, thủ tướng Nhật Taro Aso nói : "tình bằng hữu chỉ là phương tiện chứ không phải mục đích ; mục đích là lợi ích chung của cả hai phía Nhật-Trung". Chủ tịch Hồ Cẩm Đào chỉ có thể gật đầu vì, tuy không nói ra, nền kinh tế của Trung Quốc đang suy sụp trầm trọng, nguồn vốn khổng lồ và kỹ thuật cao cấp của Nhật sẽ là những chiếc phao cứu con tàu Trung Quốc đang chìm giữa biển khơi suy thoái. Cũng nên biết Nhật vừa cho Quỹ Tiền tệ Quốc tế vay 100 tỷ USD để tài trợ những quốc gia đang phát triển bị lâm nguy. Trung Quốc dự định sẽ bỏ ra 586 tỷ USD tài trợ các thị trường nội địa nhưng chưa biết bằng cách nào.

### ASEAN+3 : có thể bị dời lại

Hội nghị thượng đỉnh ASEAN + 3 lần thứ 14 dự định sẽ tổ chức trong 5 ngày, từ 14 đến 18-12-2008 tại Cheng Mai, một thành phố du lịch phía bắc Thái Lan, có thể sẽ bị dời lại. Lý do là những người đối lập đã tràn vào hai phi trường quốc tế Suvarnabhumi và Don Muang và ngăn cản các chuyến bay quốc tế trong nhiều ngày từ 26-11 đến 2-12-2008, dẫn đến sự từ chức của thủ tướng Somchai Wongsawat hồi đầu tháng 12 vừa qua.

Theo dự trù hội nghị thượng đỉnh 10 quốc gia ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản và Nam Hàn lần này sẽ bàn về những biện pháp đối phó với cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái thế giới.

Từ khi cuộc khủng hoảng này bắt đầu xuất hiện tại Anh năm 2007 và sau đó tại Hoa Kỳ và châu Âu trong suốt năm 2008, cả thế giới thắc mắc tại sao châu Á lại bình lặng trước cơn bão tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Đến nay thì mọi việc đã rõ ràng, châu Á cũng như cả thế giới không có phép màu nào để chống đỡ suy thoái kinh tế và khủng hoảng tài chính quốc tế này. Những hậu quả xấu tại châu Á sở dĩ không được nhắc tới vì các chính quyền châu Á không khuyến khích và để dư luận quốc tế khai thác cuộc khủng hoảng tài chính tại các quốc gia phương Tây. Đây cũng là một phản ứng rất phương Đông, cam chịu và chờ sóng gió qua đi.

Chỉ mới gần đây, vào cuối tháng 11-2008, Bắc Kinh tuyên bố sẽ bỏ ra 590 tỷ USD để cứu nguy nền kinh tế của Trung Quốc. Nói tóm lại, tất cả các quốc gia phát triển Đông Á như Nhật, Nam Hàn, Đài Loan, Singapore, và đang phát triển như Trung Quốc, Ấn Độ không những đều lâm vào khó khăn mà còn khó khăn nặng. Bởi vì nguồn lợi tức thu được, trừ Nhật Bản và Đài Loan, phần lớn do xuất khẩu sang các quốc gia phương Tây, nay các thị trường phương Tây hạn chế việc nhập khẩu hàng hóa từ các quốc gia đang vươn lên, nguồn lợi tức này bị cắt đứt.

Vấn đề của các quốc gia đang phát triển tại Đông Á và Đông Nam Á này là đã không dự trù trường hợp bị khủng hoảng, nguồn ngoại tệ dự trữ vốn, trừ Nhật Bản và Đài Loan, đã không nhiều lại còn được dùng để mua công khố phiếu của Hoa Kỳ kiếm lời, hoặc dùng cho những mục tiêu cá nhân (tham nhũng) nên hoàn toàn trắng túi khi lâm sự. Nhưng thay vì rên la như các quốc gia phương Tây (Ireland, Tiệp, Ukraine, v.v.), các quốc gia Đông Nam Á đã lặng lẽ kêu gọi sự giúp đỡ của các định chế tài chính quốc tế và sự rộng lượng của các quốc gia Đông Á giàu có. Tất cả mọi tin tức về lãnh thổ hay quyền lợi kinh tế đều được gác lại trong cố gắng tương trợ và hồi phục sau cơn khủng hoảng.

Sau khi tình hình chính trị tại Thái Lan ổn định trở lại, chắc chắn chính quyền mới sẽ mau chóng tổ chức hội nghị thượng đỉnh ASEAN này vì Thái Lan là quốc gia ở trong tình trạng khó khăn nhất so với các quốc gia khác trong vùng vì là lợi tức chính của Thái Lan là xuất khẩu xe gắn máy, các sản phẩm điện khí và dịch vụ du lịch.

Rất tiếc hội nghị thượng đỉnh ASEAN+3 lần này bị cuộc khủng hoảng chính trị tại Thái Lan che khuất tầm quan trọng. Chương trình nghị sự chính là xây dựng một hiến chương kiểu Châu Âu để thành lập một liên hiệp các quốc gia Đông Nam Á về chính trị. Cũng nên biết trong tháng 4-2008 vừa qua Hoa Kỳ là quốc gia đầu tiên thành lập chức vụ đại sứ tại ASEAN, tiếp đến là Nhật Bản, Úc, New Zealand, Trung Quốc, Nam Hàn, Ấn Độ cũng thành lập các chức vụ đại sứ ASEAN.

**Nguyễn Minh (Tokyo)**

# Một New Deal ấn bản Obama ?

Obama là một cột mốc lớn nhưng chưa chắc đã là con người của tình thế

Nguyễn Gia Kiểng

Khi Barack Hussein Obama được chọn làm ứng cử viên tổng thống của đảng Dân Chủ, ký giả Đinh Quang Anh Thái của đài Little Saigon Radio hỏi tôi nếu là người Mỹ thì sẽ bầu cho Obama hay McCain. Tôi trả lời là tôi đánh giá cao cả con người Obama lẫn việc ông được chọn làm ứng cử viên của đảng Dân Chủ nhưng tôi chọn McCain. Đó chỉ là một lá phiếu giả tưởng bởi vì tôi không phải là công dân Mỹ.

Sau đại hội đảng Cộng Hòa ít lâu tôi thay đổi lập trường và "bầu" Obama. Tôi vẫn rất kính phục McCain ; lý do khiến tôi chuyển sang Obama cũng chính là lý do khiến trước đây tôi ủng hộ McCain : nước Mỹ cần một tổng thống am hiểu các vấn đề của thế giới. McCain chắc chắn hiểu biết thế giới hơn hẳn Obama nhưng ông đã làm tôi lo sợ khi chọn bà Sarah Palin, một phụ nữ dễ mến nhưng rất ít hiểu biết về thế giới, làm đồng đội. Dù quý trọng Obama đến đâu tôi cũng không thể chấp nhận viễn tượng bà Palin thay McCain làm tổng thống Mỹ, một điều có thể xảy ra vì McCain đã 72 tuổi. Trong khi đó thì Obama đã chọn làm ứng cử viên phó tổng thống ông Joseph Biden một người rất nhiều kinh nghiệm về đối ngoại để bù đắp thiếu sót mà tôi e ngại nhất nơi ông.

Sự thay đổi lập trường của tôi cũng có một lý do khác, đó là lời tuyên bố của McCain sau khi cuộc khủng hoảng kinh tế trở thành nghiêm trọng. McCain tỏ ra không bi quan lầm vì những fundamentals (dữ kiện cơ bản) của kinh tế Hoa Kỳ đủ mạnh. Câu nói này đã làm ông mất nhiều phiếu, kể cả "phiếu" của tôi. Người ta không nói tới các dữ kiện cơ bản trong một cuộc khủng hoảng ; cũng như người ta không nói tới tình trạng nhà bếp, phòng khách của một căn nhà đang bốc cháy. Một cuộc khủng hoảng tài chính có thể làm phá sản những công ty bình thường rất lành mạnh. Hơn nữa các fundamentals của Mỹ cũng không tốt. McCain chứng tỏ ông không ý thức được mức độ trầm trọng của cuộc khủng hoảng này. Phải nói rằng sự thay đổi lập trường của tôi đã rất nhức nhối vì từ lâu tôi vẫn dành cho McCain một cảm tình đặc biệt.

Giữa tháng 10 tôi dùng cơm tối với một người trách nhiệm một tổ chức nhân quyền lớn tại Mỹ sang công tác tại Châu Âu. Bà này hỏi tôi : "Nếu là công dân Mỹ ông sẽ bầu cho ai ?". Tôi đáp : "Obama !". Nhưng tôi cũng nói thêm rằng nếu sau khi Obama đã đắc cử tổng thống mà tôi bắt buộc phải chọn lựa giữa hai vinh dự dùng cơm với Obama hay với McCain chắc chắn tôi sẽ chọn McCain.

Tôi đang ở Hierapolis, Thổ Nhĩ Kỳ, lúc các đài loan tin Obama đắc cử. Các đài truyền hình chiếu cảnh dân Thổ Nhĩ Kỳ reo mừng. Tôi cũng thấy cảnh này ngay khu phố của tôi. Người Thổ coi thắng lợi của Obama như thắng lợi của chính



họ. Nhưng sự vui mừng của người Thổ không thể so sánh được với những reo hò tại các thủ đô Hồi Giáo khác như tôi cũng được nhìn trên Tivi. Châu Âu thì tôi biết đã ủng hộ cuồng nhiệt Obama từ lâu. Châu Phi Da Đen thì khỏi phải nói, ngày 4-11-2008 đã là ngày lịch sử trọng đại của lục địa này. Một cách dốt ngắt, cả thế giới trở thành thân Mỹ. Tôi có cảm tưởng rằng nếu Obama thua sẽ có hàng tỷ người ghét Mỹ vì thất vọng. Khi bầu Obama người Mỹ đã vô tình chinh phục được trái tim của cả thế giới. Việc Obama đắc cử tự nó đã là một thắng lợi lớn của Hoa Kỳ. Tự nhiên tôi thấy mình ngớ ngẩn. Tại sao không thấy việc người Mỹ bầu Obama là lẽ dĩ nhiên ? Tôi được giải tỏa hoàn toàn khỏi sự lưu luyến với McCain. Tuy vậy chỉ vài ngày sau, khi những tiếng reo mừng đã im bặt sự phân vân lại trở lại với tôi. Obama chưa chắc

đã là con người của tình thế.

Xét cho cùng thì thắng lợi của Obama không có gì là phi thường. Sau tám năm với một tổng thống Cộng Hòa việc cử tri Mỹ bầu một tổng thống Dân Chủ là rất tự nhiên. Từ sau Thế Chiến II chỉ có một lần, năm 1988, họ bầu một ứng cử viên Cộng Hòa để thay thế một tổng thống Cộng Hòa mãn nhiệm. Hơn nữa Obama lại có ít nhất hai lợi điểm khác : vị tổng thống Cộng Hòa mãn nhiệm đã

phá mọi kỷ lục về mất lòng dân và đối thủ của ông đã 72 tuổi. Chưa kể là ở một mức độ nào đó bà Sarah Palin cũng đã là một đồng minh quan trọng. Với tất cả những yếu tố đó Obama đáng lẽ đã phải thắng một cách áp đảo hơn nhiều. Nước da đen của ông đã che khuất một điều khá hiển nhiên.

Obama đã là một cột mốc trọng đại đánh dấu sự toàn thắng của một cuộc chiến đấu kiên trì chống lại tệ kỷ thị chủng tộc và màu da. Niềm tin nền tảng của cuộc chiến đấu này là chỉ có một giống người với cấu tạo và bản chất như nhau, với những tiềm năng như nhau, do đó phải được kính trọng và được dành những quyền ngang nhau. Việc một người da đen đắc cử tổng thống Mỹ và trở thành nhân vật quyền lực nhất thế giới đã là một kết thúc lộng lẫy của cuộc chiến đấu vinh quang này. Càng lộng lẫy vì Hoa Kỳ là quốc gia duy nhất trên thế giới mà việc mua bán nô lệ da đen được ghi ngay trong hiến pháp vào lúc thành lập. Hơn thế nữa, người da đen đó lại mang tên đệm Hồi Giáo trong một quốc gia gần như thuần túy Thiên Chúa Giáo. Từ nay không còn gì có thể được viện dẫn để phủ nhận sự bình quyền giữa những con người. Một cột mốc của nền văn minh thế giới vừa đạt tới. Không thể có thắng lợi nào đẹp hơn. Có thể là quá đẹp đến nỗi không hoàn toàn trung thực.

Không ai phủ nhận tài năng xây dựng hình ảnh và tổ chức tranh cử của Obama nhưng ông không phải là tác nhân mà chỉ là người thụ hưởng thắng lợi của một cuộc chiến đấu dai

dảng qua nhiều thế hệ của hàng triệu người quảng đại và dũng cảm. Hoa Kỳ đã phải trải qua một cuộc nội chiến đẫm máu để bãi bỏ chế độ nô lệ và đã phải tiếp tục phán đấu thêm hơn một thế kỷ nữa để xóa bỏ hàn tết kỳ thị màu da. Các lực lượng kỳ thị đã chống trả bằng mọi phương tiện, từ bạo lực, khủng bố, ám sát đến những nghị sĩ nói trường giang đại hải cho hết thời giờ của các khóa họp quốc hội để trì hoãn từ năm này qua năm khác đạo luật chống kỳ thị. Dẫu vậy không gì mạnh bằng một ý kiến đã chín muồi, năm 1964 đạo luật cấm kỳ thị được biểu quyết và tháng 11 năm 1968 qui định phân biệt đối xử cuối cùng bị hủy bỏ. Từ đó các tiến bộ dần dập theo nhau. Đã có những người da đen lên cấp tướng trong quân đội, làm thị trưởng các thành phố lớn, đắc cử vào nghị viện tiểu bang và liên bang, làm bộ trưởng, thẩm phán tòa án tối cao v.v. Trong 8 năm gần đây, hai người da đen kế tiếp nhau làm ngoại trưởng, chức vụ quan trọng nhất sau tổng thống trong chính quyền Mỹ. Nước Mỹ xấu hổ và ăn năn cố gắng tẩy xóa thật nhanh vết nhơ kỳ thị. Màu da của Obama đã có lợi cho ông hơn là có hại.

Obama đã là một cột mốc lớn nhưng chưa chắc đã là vị tổng thống tốt. Đúng là thắng lợi của Obama tự nó đã giải quyết một số vấn đề quan trọng. Nó đã hòa giải nước Mỹ với nhiều quốc gia sau tám năm của một chính quyền Bush bị nhiều nước cáo buộc là đơn phương và trich thượng. Nó cũng đã xóa bỏ hình ảnh của một nước Mỹ tiêu diệt thổ dân da đỏ và dày dặn những người nô lệ da đen, và hòa giải nước Mỹ với thế giới. Với Obama Hoa Kỳ đã đột ngột chiếm được cảm tình của cả thế giới, điều mà hàng ngàn tỷ đô-la cũng không mua được. Tuy nhiên Obama có thực sự có những khả năng của một lãnh tụ mà Hoa Kỳ và thế giới cần trong giai đoạn này hay không còn là một dấu hỏi.

Nếu bỏ qua màu da thì việc Obama đắc cử cũng chỉ phản ánh tâm lý quen thuộc của người Mỹ : trọng hình ảnh, thích người mới, trẻ đẹp, có bằng cấp cao dù chưa cống hiến gì cho đất nước và cũng chưa chứng tỏ bản lĩnh và ý chí. Dưới lớp da nâu, thực ra Obama thuộc giới trí thức thượng lưu và không khác bao nhiêu so với Clinton và Bush. Cũng như Bush, ông là một sản phẩm của đại học danh tiếng Harvard. Cũng như Clinton, ông nhờ tuổi trẻ và chiều bài đổi mới mà đánh bại được một vị anh hùng đã từng liều thân vì đất nước và đã có những đóng góp to lớn. Cũng như Bush và Clinton khi ra ứng cử, Obama kêu gọi thay đổi nhưng không đưa ra ý kiến nào thực sự mới.

Trong suốt cuộc tranh cử tổng thống sôi nổi và được cả thế giới theo dõi, Obama không tỏ ra có một sự hiểu biết và một tầm nhìn nào về thế giới. Người ta không thể biết ông biết gì và nghĩ gì về tiến trình dân chủ hóa phức tạp tại Châu Mỹ La Tinh, về sự lột xác của Ấn Độ, về sự bế tắc sắp tới của Trung Quốc, về chính sách cần có đối với khối Hồi Giáo trên một tỷ người đang trải qua một cuộc xét lại lớn tương

tự như Thiên Chúa Giáo trong thế kỷ 18 v.v. Các tổng thống Mỹ giống nhau ở một điểm : họ không nghiên cứu địa lý, lịch sử và văn hóa các nước khác và lý luận về nước Pakistan như lý luận về công ty General Motors. Quan trọng hơn, Obama không nói gì về trào lưu dân chủ hóa trên thế giới ; hình như thúc đẩy phong trào dân chủ không phải là ưu tiên hàng đầu của ông. Obama cũng vẫn nằm trong truyền thống chính trị của Hoa Kỳ, một quốc gia do sức mạnh kinh tế và quân sự có vai trò lãnh đạo thế giới nhưng những người lãnh đạo lại rất ít hiểu biết và quan tâm đến thế giới bên ngoài. Đây là một tai hại cho thế giới và cả cho Hoa Kỳ. Roosevelt đã cho phong trào cộng sản một sức bật lớn khi nhượng Đông Âu cho Stalin sau Thế Chiến II vào lúc mà Liên Xô đã kiệt quệ và hoàn toàn không có khả năng thách thức phương Tây. Các chính quyền Mỹ kế tiếp nhau đã ủng hộ những chế độ độc tài quân phiệt tại Nam Mỹ và cũng đã lấy những quyết định sai một cách bi đát tại Việt Nam và nhiều quốc gia khác.

Người Mỹ và chính giới Mỹ hình như vẫn chưa ý thức được rằng những khó khăn và thiệt hại lớn nhất của họ đến từ sự thiếu hiểu biết các vấn đề đối ngoại. Chính sách nhu nhược của Clinton đã cho phép Al Qaeda phát triển và trở thành một đe dọa cho Hoa Kỳ ; những sai lầm tại Iraq của chính phủ

Bush đã gây thiệt hại lớn cho nước Mỹ về cả tiền bạc, nhân mạng lẫn uy tín. Sự thiếu hiểu biết về Afghanistan và Pakistan cũng là lý do giúp cho loạn quân Taliban hồi sinh. Chỉ gần đây chính quyền Mỹ mới chỉ khám phá ra rằng chìa khóa giải quyết vấn đề Afghanistan nằm tại Pakistan. Không thể bào chữa rằng các tổng thống Mỹ đều có những cố vấn tài ba về các vấn đề quốc tế. Trên những chọn lựa chiến lược lớn người ta không thể

trông cậy hết vào các cố vấn, ngay cả nếu thực sự có những cố vấn giỏi. Một khác cả phó tổng thống Joseph Biden lẫn ngoại trưởng Hillary Clinton đều không phải là những nhà chiến lược lớn. Điều đáng lo ngại là Obama hình như không ý thức được sự cần thiết của một sự hiểu biết sâu rộng về thế giới. Về điểm này thì ông cũng giống như hầu hết các tổng thống Mỹ, ông là một chính trị gia made in America chính hiệu.

Ngoài ra Obama còn có một vấn đề mà chưa có vị tổng thống Mỹ nào có : thế giới quá mến mộ ông và chờ đợi quá nhiều ở ông. Cảm tình mà dư luận thế giới dành cho ông không phải chỉ có mặt lợi, nó cũng có thể trói tay ông và khiến ông không dám dám lấy những quyết định dứt khoát trong khi lúc này chính là thời điểm của những chọn lựa quan trọng. Thí dụ : cuộc khủng hoảng kinh tế đang gây khốn đốn cho các chính quyền chống dân chủ tại Nga, Trung Quốc, Iran và Venezuela ; tùy chính sách và thái độ của các nước phương Tây, đứng đầu là Hoa Kỳ, họ có thể nhượng bộ và hợp tác hay ngược lại cũng có thể hung hăng gây hấn với bên ngoài để xoa dịu những bất mãn bên trong. Nước Mỹ của Obama sẽ ứng xử như thế nào ? Obama phần nào đã thắng McCain



nhờ có cuộc khủng hoảng kinh tế làm cản trở Mỹ tập trung mọi chú ý vào các vấn đề nội bộ và quên đi các vấn đề quốc tế, nhưng ông sẽ nhanh chóng bị các vấn đề đối ngoại đuổi kịp.

Có thể Obama không phát biểu về thế giới vì đang phải tập trung mọi quan tâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế, nhưng đây là một cuộc khủng hoảng toàn cầu và không thể có một giải pháp thuần túy nội bộ Hoa Kỳ. Điều đáng lo âu là Obama rất có thể sẽ sai lầm lớn trong cách giải quyết cuộc khủng hoảng. Đảng Dân Chủ có khuynh hướng cổ vũ cho những can thiệp của nhà nước vào sinh hoạt kinh tế. Những gì Obama đã nói chứng tỏ chính ông cũng có khuynh hướng này. Có nhiều triển vọng Obama sẽ có những biện pháp tương tự như Franklin Delano Roosevelt đã từng làm 80 năm trước đây : cứu vớt tối đa các công ty lỗ lã, giảm lãi suất và nới lỏng kiểm soát tín dụng, tung ra những chi tiêu công cộng lớn để tạo công ăn việc làm, kích thích tiêu thụ v.v. Bộ tham mưu kinh tế của ông gồm nhiều nhân vật đã từng thuộc ê-kíp Clinton trước đây, những người đã chủ trương chính sách này. Chúng ta sắp có một New Deal ấn bản Obama ?

Một trong những vấn đề cấp bách mà Obama sẽ phải quyết định ngay khi nhận chức là có cứu ba công ty chế tạo ôtô General Motors, Ford và Chrysler hay không ? Cả ba công ty này đều đang nguy ngập và nếu phá sản có thể sẽ tạo thêm hơn hai triệu người thất nghiệp. Để các công ty này phá sản sẽ rất thất nhân tâm. Có nhiều triển vọng Obama sẽ ra tay nghĩa hiệp và sẽ được hoan hô. Cái tai hại của những lãnh tụ chưa có công lao gì mà lại rất được lòng dân là họ không dám lấy những quyết định nhức nhối dù là đúng. Nhưng đây sẽ là một sai lầm lớn kéo theo nhiều sai lầm khác. Các công ty chế tạo ôtô của Mỹ đáng chết và phải để cho chúng chết. Hoa Kỳ đứng đầu thế giới về mọi mặt nhưng ôtô của Hoa Kỳ lại là những ôtô dở nhất, kềnh càng, đắt tiền, phẩm chất kém và uống nhiều xăng. Trong nhiều thập niên họ đã không chịu cải tiến mặc dù có những phương tiện áp đảo, không những thế họ còn lobby (chạy chọt) để ngăn cản những chương trình phát triển chuyên chở công cộng. Nếu cứu các công ty này thì phải cứu mọi công ty lỗ vốn khác. Nhưng cứu tất cả mọi công ty thua lỗ là điều vừa không thể làm vừa không nên làm. Những cuộc khủng hoảng không phải chỉ gây thiệt hại, chúng cũng là dịp để sửa sai và cải tổ. Quá nhiều thuốc có thể chữa bệnh mau chóng nhưng cũng để lại những di hại lâu dài cho bệnh nhân.

Càng ngày càng có nhiều người đánh giá lại chính sách New Deal của Franklin Roosevelt. Cần phân biệt những biện pháp cứu nguy cấp bách với những định hướng lâu dài. Chúng thường đối nghịch với nhau. Một thí dụ mà chúng ta đang nhìn thấy trước mắt trong lúc này là mọi người đều đồng ý rằng sự duy trì lãi suất cơ bản ở mức thấp quá lâu và những qui định quá dễ dãi về tín dụng đã là nguyên nhân đưa tới cuộc

khủng hoảng bi đát này, nhưng các chính quyền và các ngân hàng trung ương đã làm gì ? Họ đã hạ lãi suất và nới lỏng tín dụng ! Họ không có chọn lựa nào khác. Sai lầm của Roosevelt và bộ tham mưu kinh tế của ông là đã lấy những biện pháp cứu nguy có tác động lâu dài, và để lại những tật nguyền cho kinh tế Mỹ. Trong một chừng mực nào đó, cuộc khủng hoảng hiện nay cũng là hậu quả của New Deal ; dừng quên là hai ngân hàng Freddie Mac và Fannie Mae, những thủ phạm chính của cuộc khủng hoảng này, là những đứa con đẻ của New Deal.

Nhà nước phải can thiệp khi cần, điều này không ai có thể chối cãi. Nhưng với điều kiện là chỉ can thiệp khi thực sự cần thiết và rút lui ngay sau đó về vai trò đích thực của một nhà nước : qui định luật chơi, trọng tài những tranh tụng và chế tài những sai phạm. Sự can thiệp thường xuyên của nhà nước trong hoạt động kinh tế chưa bao giờ là một điều tốt, và nếu có một bài học mà chúng ta có thể rút ra từ cuộc khủng hoảng này thì đó là mọi nhà nước đều phải rất dè dặt trong chính sách kích thích tiêu thụ.

Nói như thế không có nghĩa là phải coi nhẹ các ưu tư về an sinh xã hội. Dấn thân chính trị chỉ có ý nghĩa nếu nhằm những mục tiêu xã hội, nghĩa là trước hết nhằm phục vụ những người yếu kém và thiểu may

mắn. Ngay về mặt thuần túy kinh tế một mạng lưới y tế công cộng mạnh cũng là một yếu tố cần thiết. Trung Quốc dự định bỏ ra 590 tỷ USD để cứu vãn hoạt động sản xuất của họ bằng cách kích thích tiêu thụ nội địa sau khi biết chắc thị trường xuất khẩu sẽ sút giảm lớn trong nhiều năm, nhưng số tiền khổng lồ này chắc chắn sẽ không có tác dụng mong muốn vì ngay cả nếu thu nhập của họ gia tăng, người Trung Quốc cũng sẽ không tiêu xài mà chỉ dành dụm để phòng hờ khi yếu bệnh, do sự thiếu vắng một mạng lưới y tế công cộng. Không thể có một nền kinh tế mạnh đặt nền tảng trên một quần chúng nghèo khổ. Tất cả vấn đề là tổ chức liên dời xã hội thế nào để nó không trói tay các công ty và làm tê liệt sinh hoạt kinh tế. Có nguy cơ chính quyền Obama sẽ can thiệp quá đà.

Tất cả những nhận xét trên không có nghĩa là tương lai Hoa Kỳ sẽ đen tối. Bằng cách này hay cách khác nước Mỹ sẽ ra khỏi cuộc khủng hoảng này và tiến tới. Vấn đề chỉ là với giá nào và trong điều kiện nào. Dẫu sao Hoa Kỳ là một nước dân chủ và sẽ luôn luôn là một nước dân chủ. Từ ngày lập quốc nó đã không biết một thể chế nào khác ngoài dân chủ. Một thể chế dân chủ có thể sai lầm nhưng đặc tính của nó chính là khả năng điều chỉnh để không để xảy ra những sai lầm quá đáng kể dài quá lâu. Đó đã là lý do khiến Hoa Kỳ dù đã mắc nhiều sai lầm vẫn là quốc gia hùng mạnh nhất thế giới từ hơn một thế kỷ nay và còn trong một thời gian dài trước mắt.

**Nguyễn Gia Kiểng**



# Dân chủ thực sự và sự đắc cử tổng thống Hoa Kỳ của Obama

Tôn Thất Thiện

Cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ là một chuyển biến gây sôi nổi trên toàn thế giới. Không những nhân dân Hoa Kỳ, mà từ châu Âu sang châu Á và châu Úc, từ Trung Đông đến châu Phi và Nam Mỹ, khắp nơi, từ những thành thị lớn đến ngay những xóm hẻo lánh, mọi người đều nao nức theo dõi cuộc bầu cử này từng ngày từng giờ, và đồng thanh reo hò vang trời khi TV loan tin tiểu bang Ohio, một tiểu bang từng được coi như một pháo đài của đảng Cộng Hòa, ngả về Obama, lúc 11g30 đêm (giờ New York, tức 5g30 sáng giờ GMT). Có nhiều người quá xúc động đã khóc.

Obama đã thắng trong cuộc tranh cử sơ khởi để được chọn làm ứng cử viên đại diện cho đảng Dân Chủ và đã đánh bại luôn ứng cử viên đại diện của đảng Cộng Hòa trong những cuộc tranh cử rất gay go, dài và tốn kém. Lần đầu tiên một người Mỹ gốc châu Phi - thường được gọi là "negro" (da đen) - táo bạo đứng ra ứng cử để tranh chức vụ cao cấp nhất của một quốc gia không những đa số dân chúng là người da trắng mà còn là cường quốc số một thế giới. Tổng thống Hoa Kỳ là người có quyền lực nhất của Hoa Kỳ và cũng là người có nhiều quyền lực nhất thế giới. Obama là người da đen đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ đắc cử vào chức vụ đó !

Không ai phủ nhận rằng sự thắng của Obama là một biến cố phi thường. Nhiều từ ngữ đã được dùng để mô tả sự phi thường đó. Hai từ ngữ được dùng nhiều nhất là : "Unthinkable" (không thể tưởng tượng nổi) và "miracle" (phép lạ). Hai điều này đã được báo chí và các đài truyền hình, truyền thanh đề cập đến và bình luận rất nhiều và đầy đủ nên ở đây chỉ cần bàn xét một số khía cạnh không được dư luận để ý lắm, nhưng lại có tầm quan trọng rất lớn đối với các nước mà dân chúng say mê Obama và mơ ước được sống cuộc "American Dream" (giấc mơ Hoa Kỳ), nhưng điều kiện lại rất khác điều kiện của Hoa Kỳ.

Có nhiều lý do giải thích sự thắng cử của Obama, nhưng chiến thắng vẻ vang của ông có thể tóm tắt vào năm điều kiện.

Điều kiện thứ nhất là biệt năng lôi cuốn dân chúng, điều mà học giả chính trị Tây phương gọi là "charisma" (sức hấp dẫn). "Charisma" là kết hợp của nhiều yếu tố, trong đó có : dáng bộ tự tin, ăn nói lưu loát hùng hồn, lý luận trôi chảy có khả năng thuyết phục dễ dàng, khả năng gây tin tưởng. Đây là một biệt năng "thiên phú" (Trời cho). Nhưng song song với "charisma" phải có những đức tính luyện tập : văn hóa cao và kiến thức rộng, óc phán xét tinh tường, tinh thần kỷ luật, ý chí kiên cường, tham vọng lớn, và óc tổ chức (sẽ được bàn chi tiết ở đoạn dưới). Obama là một nhân vật có tất cả những đức tính trên đây. Ông ta đã vận dụng tất cả các yếu tố thuận lợi đó để tạo cho mình một cái thể mà không ứng cử viên nào thuộc đảng Dân Chủ có thể có được, kể cả bà Hillary Clinton, một ứng cử viên được coi như là có điều kiện để đoạt địa vị ứng cử viên chính thức của đảng Dân Chủ. Ông

cũng đã thắng lớn trong cuộc tranh cử với McCain, ứng cử viên đại diện đảng Cộng Hòa, một cựu chiến binh nổi tiếng là "anh hùng dân tộc", và một thượng nghị sĩ có 23 năm thâm niên, trong khi Obama không có thành tích quân sự nào và chỉ là một thượng nghị sĩ có ba năm thâm niên.

Điều kiện thứ hai giúp Obama thắng cử là ông đã gặp thời vận tốt và đã trở thành một anh hùng. Nhưng Obama là một anh hùng tạo ra thời thế, hay thời thế đã tạo ra anh hùng Obama ? Có thể nói là cả hai đều đúng. Obama đã xuất hiện đúng thời : sau 8 năm cai trị của tổng thống Bush và Đảng Cộng Hòa, dân chúng Mỹ muốn có một sự thay đổi lớn vì tình trạng đất nước đang tồi tệ, và tháng 9 năm nay, Hoa Kỳ rơi vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng : kinh tế suy sụp, hàng triệu người mất việc, hàng triệu người khác lo âu vì sắp mất việc, và hàng trăm nghìn người bị mất nhà. Cuộc khủng hoảng này bùng nổ đúng vào giai đoạn gay cấn nhất trong cuộc tranh cử. Tình hình này thuận lợi cho ông Obama. Khẩu hiệu tranh cử của ông là "Thay Đổi". Đồng thời ông cũng trấn an với khẩu hiệu "Hy Vọng". Hai điều này phù hợp với tâm trạng của cử tri. Obama đã gặp thời vận tốt. Nhưng ông cũng đã rất khôn khéo khai thác tối đa thời vận tốt này.

Điều kiện thứ ba là : có một tổ chức rất hữu hiệu. Obama đã dựng lên được một tổ chức đại quy mô, một mạng lưới rộng mênh mông, bao trùm tất cả 50 tiểu bang Hoa Kỳ, gồm rất đông nhân viên, mà phần lớn là người tình nguyện, có văn phòng khắp nơi để vận động cử tri đi bỏ phiếu ; đặc biệt là Obama dùng phương tiện truyền thông điện toán cập nhật nhất. Nhờ tổ chức như vậy nên Obama đã quyên được một số tiền khổng lồ (650 triệu đô la, chỉ riêng tháng 9 được 150 triệu). Những số tiền đóng góp cá nhân nhỏ (5 hoặc 10, hoặc 20 đô la), nhưng số người đóng góp lên đến hơn ba triệu ! Nhờ phương tiện tài chánh dồi dào nên Obama có thể đặt rất nhiều phòng đại diện, ngay cả ở những nơi mà phe Dân Chủ thường được coi là yếu, và ông ta đã vung tiền ra dùng TV để áp đảo đối phương.

Ba giải thích kể trên chỉ là những điều kiện căn bản. Nhưng chưa đủ để tạo cho một người da đen như Obama cái thể cần thiết để đoạt chức tổng thống Hoa Kỳ, một quốc gia mà đa số dân là người da trắng và từ ngày sáng lập vẫn được coi là thuộc khối Tây phương. Như vậy cần phải có một điều kiện tiên quyết : một chế độ dân chủ thực sự. Nghĩa là một chế độ trong đó mọi công dân đều có thể tự do và an toàn bầu cho đảng và người mình thích, và ứng cử vào tất cả các chức vụ, kể cả chức vụ cao cấp nhất, là chức vụ tổng thống, mà không bị các tổ chức trái hình hay chính hiệu của nhóm cầm quyền - mặt trận, đảng này đảng nọ mang danh nhân dân, tổ quốc, công an, mật vụ - ngăn trở, đe dọa, hành hung, kết tội, cầm tù...

Cuộc bầu cử ngày 4 tháng 11 vừa qua đã xảy ra một cách êm thắm : không có uy hiếp cử tri, không có gian lận trong

việc đếm phiếu. Điều đáng ghi là Obama đã thắng lớn nhờ ông được sự ủng hộ của rất nhiều người da trắng. Và sự dắc cử của ông ta cũng được những người da trắng thuộc phe Cộng Hòa chấp nhận. Sự kiện ông ta, một người da đen, được trao chức tổng thống không gây sóng gió gì cả. Dân chủ thực sự đã được mọi người Mỹ tôn trọng.

Cuối cùng, sự dắc thắng của Obama cũng là kết quả của một cuộc đấu tranh kiên trì, gay go, kéo dài 150 năm, qua nhiều thế hệ. Obama xuất hiện đúng vào lúc tình thế đã chín muồi, lúc phong trào đòi dân quyền coi như đã thắng. Khung cảnh của bài này không cho phép đi vào chi tiết của cuộc đấu tranh. Ở đây chỉ nhắc lại vài mốc lớn của nó.

Cuộc tranh đấu bắt đầu với cuộc Nội Chiến 1861-1865 giữa các tiểu bang miền Bắc chủ trương bỏ chế độ lệ, và các tiểu bang miền Nam muốn duy trì chế độ đó. Năm 1863 tổng thống A. Lincoln tuyên bố mục tiêu chiến tranh là bãi bỏ chế độ nô lệ, và sau khi miền Bắc thắng, năm 1866 Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua đạo Luật về dân quyền. Luật này không những bãi bỏ chế độ nô lệ, mà còn coi tất cả những người sinh ra trên lãnh thổ Hoa Kỳ là công dân Hoa Kỳ, một quyền mà trước đây họ không được hưởng. Nhưng cũng năm đó, những giới chống việc bãi bỏ chế độ nô lệ lại lập ra tổ chức Ku Klux Klan (KKK). Tổ chức này phổ cập ở các tiểu bang miền Nam. mục đích chính của nó là ngăn cản sự thăng tiến xã hội của người da đen và duy trì ưu thế (supremacy) của người da trắng. Họ dùng đủ mọi thủ đoạn hợp pháp (luật lệ tiểu bang) và bất hợp pháp (đoạ nát, uy hiếp, hành hung, ám sát), để tạo một chế độ kỳ thị (discrimination) và phân cách (segregation) triệt để giữa người da đen và người da trắng. Đặc biệt là "lynching" (xử treo cổ không có tòa phán án). Từ 1892 đến 1901 có 1856 vụ lynching, và từ 1900 đến 1920 có 1 000 vụ. Về ám sát thì cũng xảy ra rất nhiều vụ. Đặc biệt là vụ ám sát mục sư Martin Luther King, lãnh tụ phong trào tranh đấu đòi dân quyền, ngày 4-4-1968, tại Memphis, tiểu bang Missouri, trong lúc ông ta đọc diễn văn trong một hội họp lớn có mặt nhiều chính khách.

Những sự uy hiếp, kỳ thị và phân cách trên đây tất nhiên gây chống đối và dẫn đến sự xuất hiện của Phong trào đấu tranh đòi dân quyền. (Civil Rights Movement). Năm 1909 hội NAACP (National Association For the Advancement Of Coloured Peoples, tức Hội Cải Tiến Tình Trạng Người Da Đen Toàn Quốc) được thành lập. Sau Thế Chiến II, và nhất là sau Chiến Tranh Triều Tiên, phong trào đòi dân quyền phát triển mạnh và mau. Trong số những sự kiện đáng ghi có hai chuyện sau đây.

- Năm 1955, tại Montgomery, tiểu bang Alabama, một tiểu bang kỳ thị và phân cách nặng, bà Rosa Parks từ chối nhường chỗ dành cho người da trắng. Bà bị cưỡng bách đẩy xuống xe, đưa ra tòa và bị phạt. Bà kháng cáo, kiện hãng xe buýt và chính quyền địa phương lên Tối Cao Pháp Viện. Pháp Viện

xử cho bà thắng, và ra lệnh cho chính quyền địa phương phải bãi bỏ luật phân cách. Nhưng điều làm rung động dư luận là bà, cùng mục sư Luther King phát động một cuộc tẩy chay hãng xe buýt. Cuộc tẩy chay này được hưởng ứng rộng rãi, kéo dài 381 ngày, và chỉ chấm dứt ngày được tin về quyết định của Pháp Viện. Ngay ngày sau đó, bà và mục sư King chèm chệ ngồi xe buýt ngay ở những hàng ghế dành cho người da trắng mà không bị phiền rầy gì nữa. Và khắp nơi trên Hoa Kỳ, tệ phân cách trắng đen trên xe buýt và các loại xe công cộng khác cũng hoàn toàn chấm dứt.

- Sự kiện đáng ghi thứ hai là sự thành công của phong trào tranh đấu đòi dân quyền do mục sư Martin Luther King phát động. Tháng 3 năm 1963, mục sư King tổ chức một cuộc di bộ từ Salma đến Montgomery, tiểu bang Alabama, để yểm trợ cho phong trào tranh đấu đòi dân quyền. Cuộc di bộ này bị cảnh sát dùng hơi ngạt, roi và dùi cui ngăn chặn : 50 người bị bắt và bỏ tù. Trong đó có mục sư King. Hành động của cảnh sát gây rúng động trong dư luận và ngay cả trong chính giới Hoa Kỳ, trong đó có tổng thống Kennedy và em ông, Robert, lúc đó giữ chức bộ trưởng tư pháp. Tháng 5 năm đó, mục sư King lại tổ chức một cuộc di bộ lớn hơn, lần này vào thẳng vào thủ đô Washington, cũng để yểm trợ phong trào đòi dân quyền. Cuộc di bộ này được 250 000 người tham gia, nhưng không bị chính phủ cấm đoán. Trái lại. Kết quả là tổng thống Kennedy quyết định đưa ra một đạo luật chấm dứt các cuộc kỳ thị vì lý do chủng tộc, màu da, tôn giáo, hay nơi sinh. Ông không kịp làm việc này vì bị ám sát tháng 11-1963. Nhưng tổng thống L.B. Johnson, người kế vị ông, đã ký luật này vào tháng 2, năm 1964. Sự thông qua đạo luật này là một bước dài trên đường chấm dứt tình trạng kỳ thị phân cách đối với người Mỹ da đen. Sự chấm dứt này được hoàn tất với đạo luật cấm kỳ thị trong việc mua bán nhà do tổng thống Johnson ký tháng 11-1968. Một điều đáng ghi ở đây là Quốc Hội Hoa Kỳ quyết định ngày 4-4-1968, ngày mục sư King bị ám sát, là một ngày quốc lễ. Phần khác, những cuộc tranh đấu đòi dân quyền đều mang tính cách bất bạo động.

Sự kiện phong trào tranh đấu đòi dân quyền càng ngày càng lan rộng và càng táo bạo, nhưng không bạo động, gây ảnh hưởng lớn trong dư luận, mà ngay cả về thái độ của các giới chính trị Hoa Kỳ, buộc họ lấy một số quyết định nhằm nói rõ dân quyền. Năm 1948, tổng thống Truman ký quyết định chấm dứt phân cách trong quân đội Hoa Kỳ và trong các cơ quan hành chánh Hoa Kỳ. Tháng 10-1952, Đại học Mississippi thu nhận sinh viên da đen đầu tiên. Năm 1957, tổng thống Eisenhower dùng quân đội bảo vệ một số học sinh da đen vào một trường trung học ở Little Rock, Alabama, bị thống đốc ở đó cấm đoán. Năm 1963, như đã kể ở đoạn trên, các cuộc biểu tình do mục sư Luther King tổ chức không bị tổng thống Kennedy cấm đoán. Tháng 8-1964, tổng



© Callie Shell/Aurora/Evevine

## **Phê bình chỉ trích hay đánh phá phá hoại !?**

Trần Việt Trình

So với trên tám chục triệu dân trong nước con số ba triệu người Việt quốc gia ở hải ngoại chỉ là một con số NHỎ nhưng lại chính là mối lo sợ LỚN của bạo quyền cộng sản Việt Nam. Thật vậy, đây là một cộng đồng trãi rộng khắp năm châu, đầy đủ thực lực từ nguồn chất xám, khả năng tài chánh đến vai trò chính trị.

Tinh thần đoàn kết của người Việt hải ngoại là mối lo lớn nhất của tập đoàn cộng sản Việt Nam. Muốn đánh bại cộng đồng người Việt hải ngoại cách tốt nhất là phá thối và gây chia rẽ nội bộ. Chính quyền cộng sản Việt Nam tung ra Nghị Quyết 36 với những mỹ từ "đóng góp, xây dựng và phát triển quê hương tổ quốc" nhưng mục đích chính là lừa bịp, mua chuộc và phá hoại cộng đồng dưới nhiều hình thức.

Hà Nội đặt vấn đề phá hoại cộng đồng lên hàng đầu và đã chi ra nửa tỷ dollars cho chương trình kiều vận và phá hoại qua nghị quyết này. Các tòa đại sứ cộng sản được cấp những ngân sách khổng lồ để thi hành nghị quyết.

Chúng tổ chức những đội ngũ cán bộ để len lỏi vào cộng đồng, đảng phái, đoàn thể, các cơ sở của người Việt hải ngoại như báo chí, truyền thanh, truyền hình, hoặc dùng tiền để mua chuộc từ cá nhân đến tập thể

trong các tổ chức này để chúng theo dõi, bôi xấu, hù dọa, chụp những chiếc mũ cộng sản cho những ai mà Hà Nội cho là thành phần cực kỳ phản động, có hành động gây phương hại cho chế độ của chúng. Đây mới chính là trọng tâm và là môt chìm của nghị quyết 36 !

Chụp mũ là một thủ đoạn của cộng sản. Đối với cộng sản là một thương sách, vừa ít tốn kém mà lại tạo được nhiều kết quả mà chúng mong muốn. Hành động này là nghề nghiệp của những cán bộ công an núp bóng trong hàng ngũ ty nạn.

Bất cứ ai có tên trong sổ đỏ và thuộc thành phần "cực kỳ phản động" mà chế độ cộng sản Việt Nam không thể hù dọa hay mua chuộc thì cứ chỉ thị cho tay chân bộ hạ đội ngay lên đầu họ một cái nón cối thật lớn là xong chuyện.

Vì cộng sản thừa biết rằng, cộng đồng người Việt Tự Do hải ngoại không những căm thù những người cộng sản chính hiệu mà còn xa lánh, bài trừ và tẩy chay những tay sai nối giáo cho giặc nên cứ việc chụp mũ cộng sản lên đầu người nào thì, không nhiều thì ít, danh dự người đó cũng sẽ bị tổn thương.

Một khi Hà Nội chỉ thị phải đánh một nhân vật nào thì ta phải nghĩ rằng người đó là cái gai trước mắt mà chúng

chức vị quân sự cao nhất của quân lực Hoa Kỳ. Sau đó, năm 2003, ông lại được bổ nhiệm làm bộ trưởng ngoại giao. Người kế vị ông, bà Condoleezza Rice, lại cũng là một người Mỹ gốc châu Phi. Như vậy, người Mỹ gốc châu Phi đã lần lượt nắm giữ tất cả các chức vị cao nhất của quốc gia Hoa Kỳ, trừ chức vị tổng thống. Năm 1984 và 1988, mục sư Jessie Jackson ra ứng cử vào chức vị này, nhưng không thành công. Tình hình lúc đó chưa chín mùi. Nhưng ngày 4-11-2008 ông Obama đã giành được chức vị này, qua một cuộc bầu cử hoàn toàn tự do và dân chủ.

Qua những điều đã nêu ở trên, chúng ta thấy rõ rằng sự đắc cử của Obama là kết quả của năm điều kiện : sức hấp dẫn, thời cơ thuận lợi, một tổ chức hữu hiệu, một chế độ dân chủ thực sự, một cuộc tranh đấu kiên trì. Thiếu một trong những điều kiện này thì rất khó thành công. Nhưng rõ ràng rằng trong năm điều kiện này, điều kiện tiên quyết là phải có dân chủ thực sự.

Hoa Kỳ đã được điều kiện dân chủ như vừa nói là nhờ sự sáng suốt của những vị "founding fathers" (người sáng lập) sau khi giành được độc lập năm 1776. Họ đã thảo một Hiến pháp với những bảo đảm vững chắc cho dân chủ, đặc biệt là tự do ngôn luận, quyền ứng cử và bầu cử, và sự độc lập của tư pháp. Nhờ đó mới có "American Dream" và "phép lạ Obama".

Làm sao cho nước mình cũng có được "American Dream" và "phép lợ Obama" là một vấn đề cần được các giới tranh đấu cho tự do dân chủ suy ngẫm và tìm cho ra... giải đáp.

Tôn Thất Thiện (Ottawa, 11-2008)

cần phải thanh toán, cần phải nhổ bỏ, cần phải tách rời người đó ra khỏi cộng đồng người Việt.

Đây là sách lược "Chống - Chống Cộng", một sách lược nguy hiểm của cộng sản với mục đích làm suy yếu hàng ngũ những người đấu tranh cho Dân Chủ ở hải ngoại nhằm phá hoại tinh thần đoàn kết quốc gia cũng như gây hoang mang chia rẽ hồn làm mất uy tín những nhân vật chống cộng.

Tuy nhiên, không phải ai cũng sợ chiếc nón cối. Một số người chống cộng nhiệt tình và có lý tưởng từ trong huyết thống không bao giờ sợ cái nón cối đánh gục họ. Đối với những người này, càng bị chụp mũ họ càng đứng dậy, đứng hiên ngang tiếp tục con đường đấu tranh.

Mấy năm gần đây nhiều báo điện tử được chế độ cộng sản Việt Nam tung tiền lập ra để nhằm phục vụ cho mục đích đánh phá của chúng. Vô số diễn đàn được dựng lên với âm mưu đen tối. Cộng sản áp dụng song song hai thể loại.

Thể loại chửi lòn hạ cấp với ngôn từ gay gắt, chửi bới, mạt lị tục tĩu và thể loại ra vẻ trí thức, có dàn bài, có bố cục và tiêu đề hẳn hoi. Nhiều bài viết xuất hiện với những tác giả lạ mặt lật tên, phân tích tình hình chính trị, văn hóa, và sinh hoạt của những người chống cộng, để mò mẫm, tìm ra những khe hở của những nhân vật đó, rồi hạ bệ họ.

Ví dụ như có một nhân vật chống cộng triệt để nợ đã viết "Chiến tranh đã chấm dứt vào tháng 4-1975, khi Bắc Việt hoàn tất cuộc giải phóng miền Nam bằng vũ lực". Lập tức, có một bài viết lên án, kết tội nhân vật này đã sử dụng danh từ "giải phóng", đề cao cộng sản, và gán ghép nhân vật này là "tay sai cộng sản".

Và cũng có người chỉ vì phát biểu hay viết mà sử dụng một vài chữ không thích hợp, ví dụ như mình không phải là người miền Bắc lại sử dụng những từ của người miền Bắc như "buồng giam", "bố", "ngô", ... lập tức đang từ hàng ngũ chống cộng lại biến thành cộng sản.

Mới đọc qua bài phê bình, người đọc sẽ có cảm tưởng như người phê bình là một người chống cộng kiên định. Nhưng thật ra, nếu để ý kỹ, sẽ thấy người phê bình đó, không bao giờ cho một câu đả kích chế độ cộng sản, mà chỉ phân tích, nhằm bôi bẩn và triệt hạ nhân vật kia mà thôi.

Đọc kỹ hơn, chúng ta sẽ thấy tất cả những ai bị phê bình, đều là những người chống cộng triệt để bằng hành động chứ không chỉ bằng lời nói.

Như vậy, kẻ phê bình kia, chỉ qua một bài viết tầm thường, đã cố tình loại ra khỏi vòng chiến những nhân vật chống cộng thứ thiệt, còn những kẻ "chống" cộng bằng mồm đó, chưa hề có một hành động chống cộng nào ngoài mấy bài viết lè tè, lèn án phe ta kịch liệt.

Những bài viết gây hoang mang loại này tác hại hơn việc chụp mũ hạ cấp. Ngôn từ, dĩ nhiên, trí thức hơn phương pháp chụp mũ bừa bãi. Người đọc không tinh ý sẽ cảm thấy bài viết có giá trị.

Nếu không bình tĩnh, người đọc sẽ rơi vào mê hồn trận để một là nhập cuộc cùng đánh phá, chống lại phe ta, hai là nhụt chí, chán nản, và bỏ cuộc.

Nếu bình tĩnh, giữ im lặng, không để bị rơi vào bẫy chia rẽ, không nhiều thì ít, người bị đánh phá cũng thấy phần nào mất đi nhuệ khí và lấy làm buồn lòng. Công việc chống cộng cũng vì đó mà mất đi một ít sức mạnh, tiêu hao một ít nỗ lực và bớt đi một số nhân lực.

Rồi thì cuối cùng cộng sản cũng có lợi.

Hiện có rất nhiều tên xuất hiện thường xuyên trên những trang báo điện tử công cụ của chính quyền cộng sản cũng trên những diễn đàn ảo nhưng sự thật chỉ một vài cá nhân nấp dưới tên giả, đọc giả để ý sẽ nhận biết ngay qua phong cách sử dụng từ ngữ và lối hành văn của họ.

Không gì lạ hơn ngoài việc lặp đi lặp lại những giọng điệu trước sau như một, đánh hết người này đến người khác, bóp méo sự thật và chửi bới đến nơi đến chốn.

Các tay chân bộ hạ của chế độ cộng sản nấp bóng người ty nạn thường sử dụng nhiều tên ảo, dùng những lời hạ cấp, thô tục trên các diễn đàn, email, để chửi bới và hăm dọa.

Phương thức này không được hoàn hảo lắm vì những lời hăm dọa chửi bới dưới tên giả không gây xáo trộn cộng đồng bằng những tác giả có thật. Người đọc nghe thường không chú ý, nhưng nghe mãi cũng thấm vào đầu.

Đó là chiến thuật tuyên truyền của cộng sản, nói đi nói lại, nói tới nói lui mãi, không nhiều thì ít, thế nào cũng còn lưu lại trong đầu người nghe. Kết quả cộng sản đã thắng bằng lối tuyên truyền cổ hữu, không mất một viên đạn mà sát hại cả đàn chim.

Lưu ý là một số báo điện tử có những bài bản với nội dung kêu rầm rộ như "Vạch mặt bọn Cộng Sản gian manh đang nấp bóng Người Quốc Gia-Ty Nạn", "Những ổ rắn độc của việt gian cộng sản tại hải ngoại", ... lại chính là một kho đạn vĩ đại chuyên cung cấp bom đạn đánh phá những nhân vật cùng những cơ quan truyền thông báo chí chống cộng hàng đầu và tiêu biểu, không chừa một ai.

Người đọc, nếu bản tính cả tin, có thể sẽ nghĩ rằng những kẻ phê bình kia là người chống cộng triệt để và tự nhiên giảm bớt sự ủng hộ người bị phê bình.

Rồi một đồn mười, mười đồn một trăm, tự nhiên một nhân vật chống cộng sẽ bị loại ra khỏi vòng chiến. Nếu không bị loại, thì cũng bức mình, nản chí mà bỏ cuộc. Tự dung chúng ta lại lọt bẫy của Việt Cộng.

Điều tệ hại nhất là một số ít người trong cộng đồng thiếu suy nghĩ, thiếu phán xét, thiếu tìm hiểu nạn nhân để chặn đứng và vạch trần âm mưu của cộng sản. Nhờ vào những việc làm thiếu suy nghĩ của những người này mà cộng sản đã phân tán và loại được một số người mà chúng liệt vào loại "cực kỳ phản động" và nguy hiểm trong hàng ngũ chống cộng hải ngoại.

Như vậy vô tình hay hữu ý những người này đã nói giáo cho giặc. Chúng ta cần phải tìm hiểu, nghiên cứu thật chính xác về đời tư, quá trình hoạt động của đối tượng để tránh việc xét đoán lầm người.

Việc vạch mặt chỉ tên những tên cộng sản nằm vùng phá hoại cộng đồng là một việc phải làm của tất cả mọi người Việt Quốc Gia.

Trần Việt Trình (4 tháng 12, 2008)

# Thay gì sau những phiên tòa?

Cho đến giờ phút này, khi năm 2008 sắp khép lại, dư luận Việt Nam đã xôn xao vì ba phiên tòa được xét xử trong nước.

Phiên tòa đầu tiên, ông Nguyễn Văn Hải tức blogger Điếu Cày, đã bị xử hai năm rưỡi tù giam vì tội "trốn thuế".

Phiên tòa thứ hai, nhà báo Nguyễn Việt Chiến của báo *Thanh Niên* đã phải nhận án hai năm tù giam, nhà báo Nguyễn Văn Hải của báo *Tuổi Trẻ* nhận án hai năm tù treo. Cả hai bị cáo buộc với tội danh : "Cố ý làm lộ bí mật công tác và lợi dụng quyền tự do dân chủ".

Phiên tòa thứ ba, vừa kết thúc chiều 8/12, đã tuyên tạm bị can là giáo dân Thái Hà từ 15 tháng cải tạo không giam giữ đến 15 tháng tù treo vì đã phạm tội "Phá hoại tài sản xã hội chủ nghĩa và gây rối mất trật tự công cộng".

## Đằng sau cáo trạng

Tất cả các bị can này nhận án nhưng người dân ngầm hiểu rằng họ đi tù vì "tội" khác với những gì viết trong cáo trạng.

Với blogger Điếu Cày, người ta tin rằng nguyên nhân thật sự khiến ông vào tù là bởi người này đã tham gia biểu tình chống Trung Quốc chiếm hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa của Việt Nam và hăng hái viết bài trên blog của mình để đả phá những vô lý của hệ thống chính trị trong nước.

Với hai nhà báo Nguyễn Việt Chiến và Nguyễn Văn Hải, đa số người dân tin rằng họ trở thành tội nhân bởi những bài viết của mình trong loạt bài chống tham nhũng ở PMU18.

Với 8 bị can là giáo dân Thái Hà, lại càng khó khăn để thuyết phục dư luận tin vào những gì mà tòa án quận Đống Đa (Hà Nội) đã cáo buộc. Điều này thể hiện qua việc hàng trăm giáo dân đã vây quanh nơi diễn ra phiên tòa trong suốt thời gian xét xử và hô vang "Vô tội" để bày tỏ sự chia sẻ với những người đang đứng trước vành móng ngựa đồng thời thể hiện sự phản đối những phán quyết của tòa án.

Không một chính quyền công minh nào trên thế giới lại phải dùng tòa án để làm nơi đe nẹt, trấn áp ý chí của người dân. Không một chính quyền công minh nào trên thế giới lại phải dùng tòa án để làm nơi đe nẹt, trấn áp ý chí của người dân. Phiên tòa xử tạm giáo dân bị bao vây bởi hàng trăm cảnh sát, an ninh chìm nổi cùng hàng rào, dây thép, dùi cui điện, bình hơi cay, xe phá sóng điện thoại, vòi rồng.

## Bảo vệ cho ai ?

Nỗi ám ảnh về những cuộc bạo loạn lật đổ khiến chính quyền Hà Nội luôn căng thẳng với những lần tụ tập biểu tình của dân chúng.

Người ta còn nhớ những đám đông bao vây nhà thờ Thái Hà quậy phá, la hét đòi phá nhà thờ, giết các giáo sĩ và cha xứ cách đây vài tháng. Không một ai trong đám người gây rối mất trật tự công cộng này bị bắt và đem ra xét xử, dù trước đó lực lượng công an đông đảo luôn túc trực 24/24 ở khu vực này khi giáo dân thắp nến cầu nguyện ôn hòa.

Vào ngày 6-12, những cuộc biểu tình phản đối Trung Quốc khoan thâm dò dầu khí trong khu vực hai quần đảo Trường Sa - Hoàng Sa của sinh viên, thanh niên tại Hà Nội và Sài Gòn đã không thể diễn ra.

Lực lượng công an, mật vụ dày đặc bao quanh các cơ quan ngoại giao của Trung Quốc đã thành công trong việc ngăn chặn các cuộc biểu tình.

Người dân buộc phải tự hỏi : " Họ đang bảo vệ cho ai ? " khi nhu cầu lên tiếng phản đối việc xâm phạm lãnh thổ là hoàn toàn hợp pháp và cùng một ý chí với chính quyền, như những gì người phát ngôn của chính phủ đã tuyên bố.

Báo Trung (Hà Nội)

# Lời cầu chúc trước phiên tòa

Trước khi có những cuộc cầu nguyện của người Công giáo kéo dài hàng tháng trời, người Hà Nội mơ mộng nhất cũng không bao giờ dám nghĩ đến hai khu đất lớn tại Thái Hà và phố Nhà Chung nằm giữa thủ đô lại được chuyển thành vườn hoa công cộng.

Trong khi già nhà đất của Hà Nội đang được xếp vào loại đất nhất thế giới và quyền lực nhà nước vẫn tỏ ra bất lực trước việc các "công bộc" lạm dụng nhà công vụ hoặc cả gan bê cong cả một con đường dân sinh thì động lực làm cho hai khu đất "vàng" trên trở thành công viên. Thật đáng khâm phục !

Bất luận thế nào, những người đóng góp vào động lực đó đã giúp cho quyền lực nhà nước tìm lại được uy quyền (cần có) trước các thế lực núp bóng nhà nước nhằm trực lợi hai mảnh đất trên đây. Những người đã tham gia cầu nguyện chắc chắn cũng không có mong ước gì hơn là hai mảnh đất trên phải được sử dụng vì lợi ích cộng đồng. Điều suy đoán này đã được minh chứng bằng việc các cuộc cầu nguyện đã tự chấm dứt khi hai mảnh đất trên đã được chuyển thành nơi vui chơi cho tất cả mọi người dân.

Uy quyền của nhà nước có thể đã được định hình ngay khi thiết lập hoặc cũng có thể được bồi tạo hoặc sói mòn trong khi vận hành. Một cách thẳng thắn, những căng thẳng không đáng có như xô xát giữa người cầu nguyện và nhân viên công lực, những chiến dịch bôi nhọ, hăm dọa, tấn công bằng truyền thông hay con người đối với cộng đồng Công giáo đều là những sói mòn lớn cho uy quyền nhà nước và uy tín của người cầm quyền. Nhưng quyết định chuyển hai khu đất thành công viên là một quyết định có thể khởi tạo lại những uy tín bù đắp cho những sói mòn đã mất nếu những người có quyền (với tư cách là một bộ máy) dám vượt qua sự băn khoăn cá nhân để quyết định thêm một bước nữa là ghi nhận công lao những người đã kiên trì cầu nguyện hay đã góp công sức để dỡ bỏ bức tường cần phải phá bỏ cho việc xây dựng công viên được diễn ra như chính quyền đã tiến hành.

Những người cầu nguyện và góp công sức đó có thể hàng trăm hàng nghìn người, nhưng trước hết cần ghi nhận tám người đầu tiên : Nguyễn Thị Nhi, Ngô Thị Dung, Nguyễn Thị Việt, Lê Thị Hợi, Lê Quang Kiện, Phạm Chí Năng, Nguyễn Đắc Hùng, Thái Thanh Hải.

Thực tế đã rõ ràng là chừng nào hai công viên Thái Hà và Hàng Trống còn là vườn hoa công cộng thì hình ảnh của tám người kể trên cũng đã trở thành một phần trong sự biết ơn của nhân dân sở tại hoặc những du khách hàng ngày tới công viên du ngoạn. Do đó việc nhà nước chối bỏ hay quên lãng công lao của tám công dân trên đây không thể phù hợp với uy quyền của một nhà nước chính nghĩa. Trong khi sự ghi nhận trong trường hợp này chỉ cần một hành động rất khiêm tốn và đơn giản là phán quyết "Vô Tội" cho cả tám công dân nói trên vào phiên tòa ngày 8-12-2008 sắp tới. Phán quyết này chắc chắn sẽ xóa tan mọi căng thẳng không đáng có giữa bộ máy nhà nước đang cần sự ủng hộ của dân chúng và cộng đồng Công giáo hơn sáu triệu người, sẽ mở ra nhiều niềm hân hoan cho xã hội. Phán quyết đó cũng hoàn toàn đúng đắn về phương diện pháp luật !

Trong trường hợp ngược lại, khi tòa án vẫn cố cáo buộc tám công dân trên như cáo trạng đã viết thì đó là một quyết định không chỉ làm vô giá trị quyết định chuyển thành công viên mà còn là một quyết định cục kỳ lạc thời, vì có biết bao linh hồn đang yên nghỉ trong nghĩa trang Mai Dịch hay nghĩa trang Thủ Đức cũng đã từng bị kết tội "Gây rối trật tự công cộng" hay "Hủy hoại tài sản". Vậy xin chân thành cầu chúc để linh hồn các bậc tiền nhân không bị khuấy động trong ngày 8-12-2008 tới đây.

Phạm Hồng Sơn (Hà Nội, 6-12-2008)

# Vô phương chống đỡ trước sự phát triển của blog

Trần Kiều Thảo, Hà Thị Đông Xuân  
và nhóm sinh viên

Thưa các bạn sinh viên,

Chúng ta đang chiếm 60 hay 70% số chủ nhân blog ở Việt Nam. Chúng ta đang chờ đợi sự ra đời chính thức của cái thông tư về "quản lý blog" của bộ Thông tin - Truyền thông, mà theo ấn định nó phải có mặt trong tháng 12 này.

Ở một đất nước mà báo chí tư nhân bị cấm đoán, sự tự do báo chí được quốc tế xếp vào loại "bét", nhà báo đều là công chức, mọi tờ báo đều phải có "cơ quan chủ quản"... nếu chúng ta hỏi nhau rằng thông tư này nhằm phát triển hay hạn chế blog thì sẽ là thừa.

## Đảng lo lắng chuyện nở rộ của cộng đồng blog

Theo Đảng cộng sản Việt Nam thì dân trí Việt Nam chưa cao (lời ông Lê Doãn Hợp, ủy viên trung ương đảng, bộ trưởng bộ Thông Tin - Tuyên Truyền, trong buổi giao lưu trực tuyến trên báo điện tử Vietnamnet), nên chưa thể ban cho dân đầy đủ dân chủ. Tự do ngôn luận cũng do đó mà bị hạn chế.

Khốn nỗi, từ khi có blog (phương tiện giúp cho mỗi cá nhân thực hiện quyền tự do ngôn luận của mình) thì cả một "rừng blog" cứ mọc lên, hàng triệu và hàng triệu. Blog ở Việt Nam lan tỏa với tốc độ ghê gớm. Tuyệt đa số chủ nhân blog là giới trẻ "có học": học sinh, sinh viên. Nhiều nhà văn, nhà báo, nhà khoa học cũng tạo blog riêng. Điều đó nói lên rằng quyền tự do ngôn luận vốn bị kìm hãm, nay bùng phát nhờ có phương tiện thích hợp. Nó cũng chứng tỏ dân trí Việt nam không đến nỗi thấp - như ông Lê Doãn Hợp nói.

Thật ra điều khiến đảng lo ngại là trong "rừng blog" này có quá nhiều blog chính trị - với "chính kiến khác biệt". Nó phản ánh tình trạng người dân không còn chấp nhận tình cảnh bị bịt miệng về chính trị nên phải tìm blog để nói lên suy nghĩ của mình.

Đảng quá nhạy cảm để thấy rằng các trang blog đó đang lật tẩy những vi phạm dân chủ và nhân quyền trong chủ trương và chính sách của đảng. Vậy, phải "quản lý" chúng, đưa chúng vào "lề phải".

Chúng ta nên chính thức nói với những người e ngại (hoặcvin cớ để e ngại) rằng tuyệt đa số bloggers có đủ hiểu biết để không vi phạm những quy định về tự do ngôn luận. Chúng ta không nói trái đạo đức, kém văn hóa, không xúc phạm nhân phẩm của ai, không xâm phạm quyền tự do của người khác, không moi móc chuyện riêng tư của mỗi cá nhân. Tất nhiên, chúng ta cũng không tuyên truyền chiến tranh, khuyến khích tội ác, kỳ thị tôn giáo và chủng tộc.

Đảng cộng sản Việt Nam khỏi lo những chuyện này, vì (nếu có) là rất cá biệt, sẽ bị chính cộng đồng bloggers phản đối. Ngược lại, chúng ta có cơ sở và bằng chứng để lo rằng đảng cộng sản sẽ cấm chúng ta nói về sự vi phạm dân chủ và nhân quyền của đảng.

## Lúng túng hay bế tắc chuyện quản lý blog ?

Quản lý blog là chủ trương của đảng. Khỏi ai cần nghi ngờ. Đảng giao cho bộ Thông Tin - Tuyên Truyền lo chính sách đối phó, còn người chịu trách nhiệm cụ thể là ông thứ trưởng Đỗ Quý Doãn. Tháng 12-2008 (còn vài ngày nữa) ông Doãn phải có bản thông tư về quản lý blog, do vậy ngày 27-11 vừa qua ông đã chủ trì một hội thảo có tên là "Xây dựng thông tư về hoạt động cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử cá nhân (blog) để lấy ý kiến chung.

Chỉ cần hai từ khóa (key word) là "quản lý blog" và "đỗ quý

doãn", chúng ta có ngay 14 ngàn hay 15 ngàn trang web liên quan. Nó nói lên rằng, nhà nước và dân đều đang rất quan tâm chuyện quản lý blog.

Nếu thêm một từ khóa nữa, là 27/11, chúng ta sẽ thu được tới 1500 kết quả (!). Điều này chứng tỏ cái hội thảo nói trên được dư luận hết sức chú ý. Rất nhiều tờ báo đã đưa tin, bình luận, nhiều cá nhân đã phát biểu trên blog.

Sau khi đọc những bài quan trọng nhất, chúng ta thấy... ông thứ trưởng Đỗ Quý Doãn tỏ ra rất khổ sở, lúng túng và bất lực. Ông đang ở thế "trên đe, dưới búa" :

- Ông vừa phải thực hiện ý đồ của đảng về "quản lý" blog - theo nghĩa răn đe, bịt miệng ;

- Ông lại phải tỏ ra cởi mở với quyền tự do ngôn luận của dân. Ông nói, quản lý blog không phải là hạn chế blog (mà hạn chế sao nỗi?) ;

- Ông còn phải dè chừng sự theo dõi của thế giới vốn rất thành kiến với đảng cộng sản về dân chủ và nhân quyền...

- Ông đã không giải đáp và không trả lời được nhiều thắc mắc, chất vấn, phản biện tại hội thảo. Gọi là thông tư, lẽ ra nó phải rất cụ thể, thì thực tế nó lại rất chung chung, coi như chỉ là "sự định hướng" để dân blog biết cái gì có thể làm và nên làm, cái gì nên tránh. Không có thuồng nếu làm tốt, không có phạt nếu vi phạm (!).

Khi cần xử lý một blog vi phạm, ông thứ trưởng Đỗ Quý Doãn bảo rằng cứ... áp dụng luật báo chí. Nhưng ông lại không muốn (không dám) coi blog là báo chí. Ông nói : (ai viết blog mà) "biến thông tin blog thành thông tin báo là phạm luật". Khổ nỗi, điều số sờ là vô số blog ở Việt Nam đang mang dáng dấp thật sự, hoặc đang trở thành, báo chí tư nhân. Các blogger đã được nhiều người gọi là "nhà báo công dân" hoặc "nhà báo tự do" (với ý không phải nhà báo viết theo "lề phải").

Chả lẽ, ông Doãn lại dám thay mặt đảng mà thú nhận rằng "đã tới lúc không còn có thể cấm được báo chí tư nhân" ?

## Nguyên nhân lúng túng và bất lực

Trước hết, ông Doãn không định nghĩa được blog là gì. Bởi vì, nội hàm của blog đang thay đổi. Ở các xứ có dân chủ và tự do, người ta không cần định nghĩa blog, hoặc có định nghĩa thì nó hao hao giống... tờ báo cá nhân (xem wikipedia). Còn ông Doãn lại muốn đưa ra định nghĩa để hạn chế nội dung blog và bó tay người viết blog. Ông khổ sở vì không còn dám coi blog chỉ là nhật ký (của cá nhân) nữa như khái niệm ban đầu nữa.

Thứ hai, đảng và chính phủ của đảng không đủ ba đầu sáu tay để đọc và kiểm soát từng trang blog, trong khi blog cứ nở rộ hàng ngày, hàng giờ.

Thứ ba, dấu đảng có là đỉnh cao trí tuệ thì cũng khó mà đối phó nổi với hàng triệu cái đầu tim mọi cách an toàn để có thể nói được mọi điều cần nói, vân vân.

Nhưng nguyên nhân "gốc" khiến ông Doãn và đảng lúng túng và bất lực trong quản lý blog là... ông và đảng của ông đang bơi ngược trào lưu, ngược xu thế tự do dân chủ trên thế giới mà Việt Nam buộc phải hội nhập.

Nhân kỷ niệm 60 năm ngày ra đời bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền, nhóm sinh viên chúng tôi xin trình bày (như dưới đây) trước các thầy, các bạn những thu hoạch của nhóm sau khi học bài về Quyền Tự Do Ngôn Luận

Không ai cấm nổi mọi người tự do suy nghĩ (tự do tư tưởng).

Giới sinh viên chúng ta có hàng triệu cái đầu khác nhau, do vậy người này có thể suy nghĩ không giống người khác. Suy nghĩ là quá trình diễn ra trong não mỗi người, không ai có thể cấm đoán nổi. Nội dung và kết quả của sự suy nghĩ nếu không biểu lộ ra ngoài cũng khó ai biết nổi.

Khốn nỗi, chúng ta là... người. Do vậy, ngoài khả năng suy nghĩ, chúng ta còn có khả năng thể hiện suy nghĩ bằng lời nói

(ngôn) và chữ viết (ngữ). Con vật rất ít năng lực suy nghĩ và (do vậy) cũng rất ít nhu cầu thể hiện sự suy nghĩ. Con người, nhất là khi đã tốt nghiệp hành để thành sinh viên, có nhu cầu rất cao về thể hiện các suy nghĩ và do vậy cũng tạo ra nhu cầu trao đổi với người khác. Chính nhờ trao đổi mà đi đến chân lý và tạo ra sự đồng thuận thúc đẩy tiến bộ xã hội.

#### Cách hành xử độc đoán, độc tài

Không cấm nổi mọi người suy nghĩ khác nhau, các chế độ độc tài - dù ở thời đại nào cũng vậy - tìm mọi cách cấm đoán mọi người thể hiện ý nghĩ. Cụ thể là cấm biểu lộ những suy nghĩ chống độc tài. Chúng dùng muôn cách, nhưng chung quy vẫn là làm cho mọi người suy nghĩ giống nhau về "sứ mạng cai trị dân của chúng". Ví dụ, giai cấp phong kiến nhồi vào đầu mọi người cái "chân lý" rằng... vua là con Trời. Ngôi vua do Trời đặt. Mệnh vua là mệnh Trời. Chống vua là chống Trời... Nhưng, truyền thống lừa bịp chính là một nguyên nhân khiến chế độ phong kiến bị thay thế bằng chế độ công hoà, dân chủ.

Đảng cộng sản nào khi đã "cướp" được chính quyền đều nhất loạt nhồi vào đầu mọi người, từ trẻ em tới cụ già, cái "chân lý" rằng... thời đại này là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ; tiến lên chủ nghĩa xã hội là quy luật tất yếu ; chỉ có đảng cộng sản là đảng duy nhất đưa dân lên chủ nghĩa xã hội ; địa vị ăn trên ngồi trôc của đảng cộng sản là do Lịch Sử giao phó. Chống Đảng là chống chân lý, chống quy luật...

Nếu có ai không suy nghĩ như vậy, thì giới độc tài cấm họ thể hiện và phổ biến suy nghĩ. Ví dụ, không cho phép những ý kiến "khác biệt" xuất hiện trong cộng đồng, hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng...

Nếu không cấm nổi thì cấm tự do ngôn luận, cấm thảo luận các ý kiến "khác biệt". Ví dụ, không cho phép báo chí nắm ngoài sự khống chế của cường quyền (chọn tổng biên tập, biến nhà báo thành công chức ăn lương, tờ báo nào cũng phải có cơ quan chủ quản), cấm báo chí tư nhân...

#### Làm người, phải có quyền tự do ngôn luận

Con người khác con vật ở chỗ có tiếng nói và chữ viết. Nhưng tiếng nói và chữ viết sẽ dùng để làm gì nếu con người không có quyền thể hiện sự suy nghĩ, không được phép trao đổi, bàn luận với nhau ?

Tự do thể hiện sự suy nghĩ và tự do ngôn luận chính là một trong những quyền làm người được nêu trong bản Tuyên Ngôn về Quyền Làm Người được Liên Hợp Quốc công bố tháng 12 năm 1948 mà nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam long trọng cam kết thực hiện cách đây đã 20 năm.

Trong tháng 12 này toàn thế giới sẽ long trọng kỷ niệm 60 năm ngày Liên Hợp Quốc công bố bản Tuyên Ngôn phổ quát về các Quyền để mỗi con người thật sự trở thành Con Người. Vậy mà nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong suốt 20 năm qua chưa một lần nào cho phép báo chí ở Việt Nam công bố nguyên văn Bản Tuyên Ngôn mà họ đã ký và cam kết thực hiện, nói gì tới chuyện cho chúng ta bàn luận, trao đổi; càng không thể nói đến chuyện thực hiện.

Nhóm sinh viên sư phạm xin tiếp tay kêu gọi :

Thế giới sẽ kỷ niệm 60 năm ngày ra đời của bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền : 10-12-1948 - 10-12-2008. Năm 1988 nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã long trọng ký kết sẽ nghiêm chỉnh thực thi bản Tuyên Ngôn lịch sử này.

Để kỷ niệm 20 năm ngày ký, Chúng tôi khẩn thiết đề nghị, trong dịp này Đảng Cộng Sản Việt Nam và Nhà Nước Việt Nam hãy để các báo đăng lần đầu tiên nguyên văn bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền (1948) mà Việt Nam đã ký kết.

**Trần Hiền Thảo, Hà Thị Đông Xuân  
và nhóm sinh viên**

#### Đọc báo trong nước

## Không thể chống tham nhũng nếu không có báo chí

**Tuổi Trẻ** - "Có những nơi, những cơ quan, những cá nhân né tránh, dùn đẩy thông tin nên nhà báo phải tìm đến những nguồn thông tin không chính thống, do đó có thể xảy ra những sai sót trong khi tác nghiệp".

Đó là một trong những tiếp thu của thứ trưởng Bộ thông tin - truyền thông Đỗ Quý Doãn tại phiên đối thoại lần thứ 4 với các nhà tài trợ, một số sứ quán, tổ chức phi chính phủ... về phòng chống tham nhũng với chủ đề "Vai trò của báo chí trong phòng chống tham nhũng" ngày 28-11. Phiên đối thoại do Thanh tra Chính phủ và Văn phòng Ban chỉ đạo trung ương về PCTN tổ chức.

Liên quan đến việc xây dựng thể chế phòng chống tham nhũng, tổng thanh tra chính phủ Trần Văn Truyền cho biết hệ thống pháp luật về phòng chống tham nhũng đang được hoàn thiện, Việt Nam đang xem xét phê chuẩn công ước quốc tế về phòng chống tham nhũng và chuẩn bị ban hành chiến lược quốc gia về phòng chống tham nhũng đến năm 2020 với những giải pháp cụ thể, đồng bộ và dài hạn. Minh chứng đầu tiên là việc chính phủ sẽ hạn chế các thông tin quy định mật, tạo điều kiện công khai để báo chí đăng tải và thực hiện giám sát.

#### Kê khai tài sản chưa phải là công khai (!)

Theo đại diện nhà tài trợ Na Uy, các nhà báo có thể có một số nhầm lẫn nhưng cần coi trọng nhà báo, cơ quan báo chí và vai trò tích cực trong việc điều tra phanh phui tham nhũng chính xác.

"Không nên nhầm bắn những người đưa tin", đại diện sứ quán Na Uy nêu ý kiến. Để báo chí hoạt động hiệu quả, cần phải có khuôn khổ cho báo chí hoạt động, để khuyến khích động viên báo chí đăng tải các bài viết về chống tham nhũng.

Đại diện sứ quán Phần Lan đặt vấn đề công tác đấu tranh chống tham nhũng của Việt Nam trong thời gian qua có phải đang chùn xuống ? Theo vị đại diện này, qua nghiên cứu tại chín tỉnh, phía Phần Lan đã đưa ra đánh giá Việt Nam hiện chưa có cơ chế triển khai thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng chống tham nhũng.

Thứ nhất, một số nội dung thực hiện có mâu thuẫn về lợi ích, ví dụ như chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đồng thời là trưởng ban phòng chống tham nhũng, điều này sẽ có mâu thuẫn về lợi ích. Thứ hai, việc kê khai tài sản đối với cán bộ công chức đã sát thực chưa, vì hiện chưa được cung cấp cho nhân dân, chưa công khai kết quả kê khai này. Thứ ba, các nhóm, tổ chức xã hội dân sự chưa thật sự mạnh trong đấu tranh phòng chống tham nhũng.

Tương tự, các nhà tài trợ khác đều đề nghị có sự minh bạch về kê khai tài sản, kêu gọi ký kết các hiệp định và công ước quốc tế về đấu tranh chống tham nhũng. Đại diện sứ quán Đan Mạch cho rằng : "Đối với công khai tài sản, không nên chỉ công bố số liệu thống kê 360.000 người phải kê khai tài sản mà cần xác minh về kê khai đó. Cần đảm bảo phải thực hiện giám sát kiểm tra việc kê khai, cung cấp công khai thông tin cho toàn dân và các bên liên quan được biết để thực hiện giám sát"...

## Sẽ hạn chế các thông tin quy định "mật"

Chánh văn phòng Ban chỉ đạo trung ương về phòng chống tham nhũng Vũ Tiến Chiến khẳng định không có việc công cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng bị chùng xuống. Về nội dung trưởng ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng tại địa phương là chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có xảy ra tình trạng vừa đá bóng vừa thổi còi hay không, ông Chiến cho rằng trong quá trình xử lý, nếu vụ việc tham nhũng xảy ra tại địa phương có liên quan đến chủ tịch thì có thể có những hạn chế.

Tuy nhiên, chính phủ Việt Nam kiên quyết xử lý bất kỳ cá nhân nào có hành vi sai phạm, không phân biệt chức vụ, do đó không thể có chuyện tập trung xử lý cấp dưới mà bỏ qua cấp trên. Đối với cán bộ như chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố còn có Ban chỉ đạo trung ương về phòng chống tham nhũng và các cơ quan cấp trên xử lý.

Về nội dung kê khai tài sản, tổng thanh tra chính phủ Trần Văn Truyền cho biết kê khai nhằm tiến tới minh bạch tài sản. "Hiện nay, Việt Nam mới chỉ thực hiện kê khai, vấn đề minh bạch được quy định khi có yêu cầu đánh giá cán bộ, ví dụ người nào tham gia bầu cử, được bổ nhiệm mới xem xét. Ngoài ra nếu có đơn thư tố cáo cần thẩm tra xác minh mới tiến hành kiểm tra" - ông Truyền nói. Ông Truyền cũng thừa nhận công tác kê khai tài sản hiện nay mới chỉ là giao cho cơ quan có thẩm quyền quản lý, chưa phải là công khai.

## Báo chí đóng vai trò quan trọng

"Trong nhiều trường hợp, cơ quan báo chí và các thành viên trong xã hội biết về các hành vi tham nhũng và người tham nhũng rõ hơn các cơ quan nhà nước hay Đảng. Nhưng biết thôi chưa đủ - sẽ chẳng có gì xảy ra trừ khi các thành viên trong xã hội, trong đó có nhà báo, biết rằng họ được phép và được khuyến khích thông tin về tham nhũng mà không phải chịu rủi ro bị trừng phạt" - ông Rolf Bergman, đại sứ Thụy Điển, đánh giá về vai trò của báo chí và điều cần thiết phải có một cơ chế bảo vệ người phát hiện, thông tin về tham nhũng.

Đánh giá vai trò của báo chí trong phòng chống tham nhũng, đại diện Tổ chức Minh bạch Quốc tế khẳng định không thể có chuyện đấu tranh chống tham nhũng nếu không có các phương tiện thông tin đại chúng. Tổ chức này đánh giá cao vai trò của báo chí trong công tác tuyên truyền pháp luật và đấu tranh phòng chống tham nhũng.

Đồng tình với nhận định này, bà Catherine McKinley, đại diện Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP), cho rằng cơ quan báo chí là công cụ hữu hiệu trong phòng chống tham nhũng. Đối với phòng chống tham nhũng, bà Catherine nói "báo chí có vai trò theo dõi phân tích hoạt động của nhà nước, phản ánh các vụ việc về tham nhũng và tạo ra diễn đàn cho thảo luận của công chúng về phòng chống tham nhũng". Theo khảo sát của UNDP, báo chí Việt Nam hiện chỉ mới thực hiện nhiệm vụ giám sát phòng chống tham nhũng chứ chưa tập trung được vào phanh phui các vụ việc, hành vi, cá nhân tham nhũng. Đây là một hạn chế của báo chí Việt Nam hiện nay.

## Sẽ sửa đổi, bổ sung Luật báo chí

Tiếp thu ý kiến từ các nhà tài trợ, thứ trưởng Bộ thông tin - truyền thông Đỗ Quý Doãn trao đổi : pháp luật Việt Nam nói chung, hệ thống pháp luật về báo chí và chống tham nhũng luôn tạo điều kiện thuận lợi cho báo chí tham gia thông tin và đấu tranh phòng chống tham nhũng. Chính phủ Việt Nam không có

văn bản và quy định nào hạn chế, cản trở việc thực thi nhiệm vụ báo chí.

Về việc cung cấp thông tin cho báo chí, thứ trưởng thừa nhận "có những nơi, những cơ quan, những cá nhân né tránh, dùn đẩy thông tin nên nhà báo phải tìm đến những nguồn thông tin không chính thống, do đó có thể xảy ra những sai sót trong khi tác nghiệp". Theo ông Đỗ Quý Doãn, hiện nay phòng chống tham nhũng đã có khung pháp lý và việc thực hiện tốt sẽ tạo điều kiện cho báo chí tác nghiệp. Việt Nam đang tiến hành sửa đổi, bổ sung Luật báo chí nên ý kiến đóng góp từ các nhà tài trợ sẽ là một tham khảo tốt để hoàn thiện dự thảo Luật báo chí trình Quốc hội thông qua vào cuối năm 2009.

## Liên quan đến vụ ông Huỳnh Ngọc Sĩ

Lập ban chuyên án điều tra vụ án : Nhận định về tình hình đấu tranh chống tham nhũng, chánh văn phòng Ban chỉ đạo trung ương về phòng chống tham nhũng Vũ Tiến Chiến cho biết đã xuất hiện những vụ tham nhũng có quan hệ đến nước ngoài.

Cụ thể, báo cáo tại cuộc đối thoại, Ban chỉ đạo trung ương về phòng chống tham nhũng cho biết : theo thông tin từ phía Nhật Bản, khi thực hiện dự án ở thành phố Hồ Chí Minh, các quan chức Công ty tư vấn quốc tế Thái Bình Dương (PCI) đã hai lần đưa hối lộ cho ông Huỳnh Ngọc Sĩ, giám đốc Ban quản lý dự án đại lộ đồng-tây và dự án môi trường nước thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền là 820.000 USD, năm 2003 đưa 600.000 USD và 2006 là 220.000 USD. Việc đưa hối lộ để nhận được các hợp đồng tư vấn cho dự án từ nguồn vốn ODA. Phía Nhật Bản đã bắt bối cựu quan chức của PCI về tội danh đưa hối lộ và vi phạm pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh của Nhật Bản.

Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao đã có văn bản yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra, Bộ công an tiến hành điều tra, làm rõ. Sau đó, cơ quan điều tra đã thành lập ban chuyên án và đang tiến hành điều tra vụ án. Thủ tướng chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan chức năng của Việt Nam phối hợp với Nhật Bản điều tra vụ việc, đồng thời chỉ đạo các bộ, ngành và cơ quan liên quan phối hợp với Nhật Bản thành lập ủy ban phối hợp đấu tranh, ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng trong sử dụng nguồn vốn ODA.

Liên quan đến các vụ việc tham nhũng có yếu tố nước ngoài, đại diện sứ quán Mỹ cho biết trong nỗ lực điều tra phòng chống tham nhũng, Hoa Kỳ cũng đang tiến hành điều tra hai công dân Mỹ đã hối lộ cho quan chức của Việt Nam. Phía Hoa Kỳ sẽ nhanh chóng điều tra và phối hợp với Việt Nam để xử lý vụ việc.

Về nghi án quan chức PCI đưa hối lộ cho ông Huỳnh Ngọc Sĩ, trao đổi với báo chí bên lề cuộc đối thoại, ông Vũ Tiến Chiến cho biết ban chỉ đạo đã được nghe báo cáo và đang theo dõi, đôn đốc cơ quan điều tra thực hiện điều tra vụ án. Nghi án này, theo ông Chiến, đã gây ra những hình ảnh xấu về Việt Nam. Do đó, cơ quan điều tra sẽ phải nhanh chóng kết luận có hay không việc nhận hối lộ. Nếu có vi phạm phải kiên quyết xử lý.

MINH QUANG

"Quốc gia Việt Nam phải được quan niệm như là một không gian liên đới và một dự án tương lai chung. Trong quan niệm này, nhà nước chỉ là công cụ để thực hiện một đồng thuận dân tộc, dúc kết của những nguyện ước cá nhân được phát biểu một cách tự do. Nhà nước ấy phải ở trong và ở dưới quốc gia, và phải xuất phát từ chọn lựa tự do của dân chúng". (*Thành Công Thế kỷ 21*, trang 133)

# RSF VINH DANH NHÀ BÁO NGUYỄN VIỆT CHIẾN

Tổ chức Phóng viên Không Biên giới (RSF-Reporters Sans Frontière), hôm thứ Năm 4-12 đã cử hành lễ trao giải thưởng cho các ký giả, phóng viên, blogger có công trong sứ mạng ủng hộ, bảo vệ quyền tự do báo chí và ngôn luận. Một trong những nhà báo được đề cử có ông Nguyễn Việt Chiến, phóng viên tờ Thanh Niên, bị ngồi tù vì đã phanh phui tham nhũng.

Để tìm hiểu ý nghĩa và mục tiêu của giải thưởng này, Đỗ Hiếu hỏi chuyện Bà Clothilde Le Coz, Trưởng Văn Phòng Internet và Tự Do Báo Chí của RSF, trụ sở tại Paris.

## Vinh danh các ngòi bút can đảm

**Đỗ Hiếu :** Xin bà cho biết vài chi tiết về buổi lễ phát giải thưởng dành cho các nhà báo hữu công, khắp nơi, do RSF tuyển chọn và tổ chức năm nay ?

**Clothilde Le Coz :** Từ nhiều năm qua, Tổ Chức Phóng Viên Không Biên Giới với sự trợ giúp tích cực của Hội EDF (Electra Fondation de France), có văn phòng tại Paris, là một sáng hội chuyên hoạt động về các lãnh vực lịch sử, văn hóa, xã hội, nhân bản... Chúng tôi thường xuyên cử hành lễ trao giải thưởng này, nhằm vinh danh những người cầm bút có công, có thành tích đáng kể, trong việc phục vụ ngành truyền thông, báo chí trên toàn cầu.

**Đỗ Hiếu :** Thưa bà, vậy mục đích chính của những phần thưởng này là những vấn đề gì ?

**Clothilde Le Coz :** Lễ trao giải thưởng cho những thành phần được tuyển chọn được tổ chức ngay tại trụ sở của Hội EDF, vào lúc 11 giờ sáng thứ Năm 4-12-2008, đặt dưới sự chủ tọa của ông Shirin Ebadi, từng được tặng giải Nobel Hòa Bình.

Các phần thưởng được chia thành ba loại :

Thứ nhất dành cho một nhà báo kiên cường bênh vực cho quyền tự do ngôn luận, qua công việc hàng ngày của mình, phục vụ cho lẽ phải, công lý và sự thật. Vì tôn trọng những nguyên tắc cao thượng đó, mà hầu như những người cầm bút chân chính, không chịu khuất phục bạo quyền, bẻ cong ngòi bút, đều bị xử lý, sách nhiễu, cầm tù, đầy đọa, không ai được yên thân.

Giải thưởng thứ hai được dành cho một nhân vật từng tham gia vào công cuộc đấu tranh cho quyền tự do được thông tin trung thực, chống mọi sự bưng bít, bóp méo sự thật, từ phía các chế độ độc tài, toàn trị.

Giải thưởng thứ ba sẽ được trao cho một blogger hoặc một nhân vật bất đồng chính kiến, mạnh dạn lên tiếng vì lý tưởng dân chủ, tự do, nhân quyền, qua mạng lưới Internet.

Nói về mục đích của việc tuyển chọn và trao giải thưởng được RSF và EDF tổ chức tại Paris chính là để vận động, đấu tranh cho quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin, trên khắp hoàn cầu, chứ không chỉ riêng tại Pháp, một lục địa hay quốc gia nào.

Chúng tôi xin nhắc đến một thí dụ cụ thể được RSF trao tặng giải thưởng trước đây, đó là trường hợp của ông Karry Mamer, một blogger là công dân Ai Cập bị chính phủ Cairo kết án 4 năm tù, hồi năm 2005 chỉ vì những tài liệu kêu gọi dân chủ, nhân quyền mà ông đã phổ biến qua Internet, gây bất lợi cho nhà nước cùng giới lãnh đạo.

Xin được nói thêm với quý dài rằng, đây là một phần thưởng tinh thần rất xứng đáng dành cho những người cầm bút bị trả thù, ám hại, đánh đập, giam cầm, sách nhiễu, mà RSF chúng tôi muốn bảo vệ và bênh vực, bằng mọi giá.

Ai cũng biết chắc chắn rằng, những nhà báo, phóng viên, blogger này bị các chế độ cầm quyền phi dân chủ thanh toán,

trù dập, khóa miệng, giết chết, vì e ngại những điều họ phơi bày trước công luận sẽ bất lợi cho những thế lực chuyên sử dụng bạo lực để cai trị dân, như nạn tham nhũng, lối cống của công chẵng hạn.

Ngoài ra, RSF chúng tôi sẽ có một vài sự ngạc nhiên trong buổi lễ trao tặng giải thưởng, nhưng rất tiếc là hiện chưa thể tiết lộ được với quý vị.

## Trường hợp Nguyễn Việt Chiến

**Đỗ Hiếu :** Về trường hợp của nhà báo Nguyễn Việt Chiến đang ngồi tù tại Việt Nam, bà có thể nói rõ lý do vì sao RSF đề cử ông, là một trong những người trúng giải, bên cạnh các nhà báo Nga, Nigeria, Syria, Cuba, Sri Lanka, Iran, Bắc Hàn, Miến Điện, Trung Quốc ?

**Clothilde Le Coz :** Nhà báo Nguyễn Việt Chiến được RSF đặc biệt quan tâm và ghi tên ông vào danh sách những người được tuyển chọn, vì ông đã mạnh dạn và công khai tố giác vụ án tham nhũng trầm trọng, xảy ra tại bộ giao thông, được gọi là xì căng đan PMU 18, dính líu tới hàng chục quan chức đầu não của bộ này, vì họ đã bỏ túi những món tiền khổng lồ, dành cho công tác phát triển cơ sở, rồi ném vào những lầu cá độ bóng đá quốc tế.

Do loạt bài phơi bày các hành vi sai phạm đó, ông Chiến bị xử phạt hai năm tù về tội "lạm dụng quyền tự do, dân chủ, tiết lộ bí mật quốc gia và gây thiệt hại cho quyền lợi nhà nước".

Giới truyền thông nói rằng, quyết định kết án tù ông Nguyễn Việt Chiến là một hình thức đe dọa những người cầm bút như ông, chỉ muốn trừng phạt tất cả sự thật, mà chính quyền không chấp nhận.

Việc RSF tăng thưởng cho nhà báo Nguyễn Việt Chiến là một hình thức để vinh danh công lao, tuyên dương sự can đảm, cũng như tinh thần yêu nghề, quyết bảo vệ công lý và tôn trọng sự thật, mà ông hăng hái theo đuổi. Dịp này, chúng tôi cũng cảnh giác công luận trước những mối hiểm nguy đang rình rập bất cứ lúc nào, mà các nhà báo chân chính có thể gánh chịu, trong khi họ hành nghề.

**Đỗ Hiếu :** RSF sẽ làm gì hẫu vận động công luận, các tổ chức quốc tế cũng như nhà nước Việt Nam, trong việc yêu cầu Hà Nội sớm trả tự do cho ông Nguyễn Việt Chiến ?

**Clothilde Le Coz :** RSF chúng tôi đã thường xuyên lên tiếng để bênh vực nhà báo Nguyễn Việt Chiến ngay từ khi ông bắt đầu gặp khó khăn với giới hữu trách, nay chúng tôi vẫn tiếp tục vận động mạnh mẽ hơn nữa.

Hiện nay, một số công việc phải thực hiện túc khắc, liên tục, là yêu cầu các tổ chức nhân quyền quốc tế, các tổ chức bảo vệ ký giả, các chính phủ dân chủ, cùng đồng loạt can thiệp cho ông, mỗi khi có cơ hội đối thoại với Hà Nội, đồng thời cung cấp thông tin đầy đủ, về trường hợp oan ức của nhà báo này.

Ngoài ra, RSF cũng gửi văn thư chính thức đến các nhiệm sở ngoại giao của Việt Nam, khắp năm châu, yêu cầu họ xem xét lại trường hợp của ông Nguyễn Việt Chiến đang bị cầm tù, một cách vô lý.

Quan trọng hơn nữa là RSF chúng tôi luôn lưu ý, nhắc nhở, đặt vấn đề với công luận quốc tế, với giới ngoại giao, các tổ chức bảo vệ quyền làm người, bênh vực người cầm bút, để trường hợp của nhà báo Nguyễn Việt Chiến đừng rơi vào quên lãng.

Với những cố gắng này, RSF chúng tôi rất hy vọng là ông sẽ được sớm thoát vòng lao lý.

**Đỗ Hiếu :** Xin cảm ơn bà Clothilde Le Coz, RSF Paris đã dành cho dài chúng tôi cuộc trao đổi hôm nay

## Sai lầm của chế độ khi áp bức những nhà dân chủ

Thanh Quang, phóng viên RFA - Bangkok 2008-12-04

Chúng tôi được tin nhà dân chủ hàng đầu trong nước, tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang, tiếp tục làm việc căng thẳng với công an. Vấn đề phát xuất từ việc ông Phạm Hồng Đức cùng ban biên tập với Nguyễn Thanh Giang trong tập san Tổ Quốc bị công an phát hiện tới lui nhà Nguyễn Thanh Giang và mang hàng trăm tờ báo này về Nghệ An, nên công an lập tức xét nhà ông hôm thứ Tư tuần rồi (26-11-2008) và thẩm tra ông cho tới giờ. Qua trao đổi với Thanh Quang, ông Giang cho biết như sau :

**Nguyễn Thanh Giang** : Tôi phải thú thật là cách đây hai ba hôm, công an đã khuyên tôi rằng trong lúc họ đang phỏng vấn, lấy cung như thế này thì tôi không nên trả lời phỏng vấn nước ngoài hay tiếp xúc với ai cả. Nhưng tôi cũng vượt rào và linh động để nói vài câu vẫn gọn như thế này : Mấy hôm nay tôi làm việc căng thẳng. Thí dụ như hôm kia, tôi phải hơn 10 giờ đêm mới về tới nhà, hôm qua hơn 11 giờ đêm mới về đến nhà. Nhưng không phải vì họ ép tôi làm việc như thế, mà tôi ép họ phải làm việc nhanh chóng để kết thúc việc này.

### Sẵn sàng đối chất trước tòa

Rồi nếu họ muốn đưa tôi ra tòa, thì tôi đã nói là tôi sẵn sàng ra tòa. Và khi tôi ra tòa, thì là họ cạn tàu ráo máng với tôi, tôi cũng không có việc gì mà không cạn tàu ráo máng với họ. Tôi già rồi, đã ngoài 70 tuổi. Tôi mà ra tòa, thì tôi sẽ tụt quần ra, chơi nhau với họ. Và tất cả những gì sai trái, bậy bạ của họ đối với đất nước, đối với dân tộc, với tôi, sẽ được công bố cho toàn thế giới biết.

Chỉ trừ họ bắn tôi ngay ở tòa. Mà nếu họ bắn tôi tại tòa thì tội lỗi đổ lên đầu họ, và lúc bấy giờ, những phát đạn của dư luận trong nước và trên thế giới sẽ nổ liên tục vào đầu của đảng cộng sản Việt Nam.

Tôi nói với các anh là tôi muốn quên đi, nhưng khi nghĩ đến những chuyện này tôi không thể nào bình tĩnh được. Tôi vốn hiền hòa, hiền hòa với cả công an. Tôi rất thân ái với họ, với anh em. Nhưng tội lỗi này là do mấy cái anh chỉ đạo họ.

**Thanh Quang** : Thưa tiến sĩ, phía cầm quyền có nói là họ hành động vì tiến sĩ vi phạm pháp luật không ?

**Nguyễn Thanh Giang** : Tôi không vi phạm pháp luật, mà chính họ vi phạm pháp luật với tôi. Họ sống với tôi vô đạo, vô lễ. Tôi là người ngoài 70 tuổi rồi. Tôi đã tham gia kháng chiến và dạy học từ thời chống Pháp, học trò của tôi, có nhiều người còn đi tham gia cách mạng trước Nông Đức Mạnh, trước Nguyễn Phú Trọng. Và suốt cả cuộc đời của tôi gian nan với cuộc cách mạng. Tôi đóng góp cho cuộc cách mạng không thể nhỏ hơn họ.

Nhưng nay động một tí là họ xông vào nhà tôi, khám xét, vạch lá tìm sâu. Nhưng vạch mãi không thấy gì, mà thỉnh thoảng họ lẩn mò vào người tôi, vào nhà tôi như vậy.

Không còn đạo lý nào cả, cho nên tôi không thể nghe các lời khuyên, mặc dù mấy cậu công an đó làm việc họ nói chân tình, để họ đỡ khổ mà tôi cũng đỡ khổ.

Nhưng cung cách như thế này thì tôi không thể dung tha được. Họ muốn làm gì tôi thì họ làm.

### Sai lầm là từ lãnh đạo, không oán trách công an

**Thanh Quang** : Thưa tiến sĩ, những ngày sắp tới tiến sĩ có phải tới công an nữa không, hay như thế nào ?

**Nguyễn Thanh Giang** : Hôm nay chưa biết. Họ bảo để họ sắp xếp rồi sẽ gọi tôi hay không. Cũng phải nói thế này công

an làm việc với tôi, nói chung, ôn tồn, lễ phép. Tôi cũng không chê trách gì mấy cậu công an đó. Tôi nói tôi thương các cậu, nhưng những chủ trương sai lầm làm khổ tôi và các cậu. Thái độ trân trọng ấy tôi cảm nhận ở họ.

Nhưng tôi sẽ quyết liệt với mấy anh lãnh đạo ngu dốt và dã man, sai các cậu công an làm mãi những công việc mà chính mấy cậu công an khám, lục soát nhà tôi, các cậu ấy cũng thấy khổ tâm và xấu hổ.

**Thanh Quang** : Như tiến sĩ đã cho biết là công an tịch thu cả tập giấy tờ tế nhị liên quan vấn đề tiền từ nước ngoài gửi về trợ giúp những nhà dân chủ, có mang bút tích xác nhận số tiền lãnh được của nhiều nhà dân chủ hay thân nhân. Thưa tiến sĩ, hiện những nhà dân chủ này và gia đình có bị công an gây khó khăn gì không ?

**Nguyễn Thanh Giang** : Dạ tôi cũng không biết. Nhưng mà ngoài những giấy tờ họ lấy được của tôi, rồi những lời khai của những anh em khác, nói rằng người này thì tôi cho máy tính... Thí dụ như hôm qua, công an đưa ra hàng loạt lời khai của anh em khác, như ông Nguyễn Mạnh Sơn ở Hải Phòng nói là tôi có cho ông ấy một bộ computer, rồi mấy triệu gì đấy ; rồi ông Nguyễn Văn Tín thì bảo là có viết bài gửi cho báo Tổ Quốc, và báo Tổ Quốc đăng 10 bài chống nhà nước thì được tôi biểu ống 4 triệu ; rồi ông Nguyễn Xuân Nghĩa cũng khai là báo Tổ Quốc đã đăng bao nhiêu bài đấy, và được tôi biểu bao nhiêu triệu, bao nhiêu triệu đấy... Công an đọc những lời khai như vậy.

### Không chống đảng thì đảng đã đổ từ lâu rồi

Tôi bảo tất cả những lời khai của anh em như vậy là đúng cả. Chỉ có điều là anh em hoặc bị ép cung hoặc sao đó mà họ nói mấy điều không đúng. Tôi xin cải chính.

Thứ nhất là tôi không có trả nhuận bút, và cũng không có tiền để trả nhuận bút. Những khoản tiền đó là tôi thương anh em, họ nghèo khổ. Chứ người giàu có mà viết thì không được đồng nào đâu. Còn anh em nghèo khổ thì tôi có khoản tiền nào đấy của bà con ở trong nước cũng như ngoài nước ủng hộ cho báo, tôi chia cho anh em. Và nếu chia không đủ, tôi rút tiền túi biểu anh em.

Thứ hai, anh em nói rằng những bài viết như vậy là chống nhà nước thì tôi nói là anh em bị họ ép cung sao đó nên họ nói không đúng. Tôi cải chính : Những bài ấy không phải là những bài chống nhà nước. Cũng như tôi, tôi đã nói là tôi không chống đảng, không chống chủ nghĩa Mác, không chống nhà nước. Nhưng tôi chống kịch liệt những sai trái của chủ nghĩa Mác, tôi chống kịch liệt những cái sai của đảng cộng sản Việt Nam. Vì những sai lầm đấy mà đất nước đau khổ, xương rời, máu đổ. Và Việt Nam bây giờ vẫn còn tật hâu xa so với thế giới. Chủ trương, đường lối của đảng cộng sản Việt Nam làm bao nhiêu tai họa cho đất nước, cho dân tộc tôi nên tôi chống nó. Cũng như ông Trần Đại Sơn đã nói nếu chúng tôi không chống đảng thì đảng đã đổ từ lâu rồi.

# THƯ CẤP BÁO

Kinh gửi :

- Các cơ quan Nhân quyền Quốc tế
- Chính phủ các nước dân chủ
- Các cơ quan thông tấn, báo chí trong và ngoài nước
- Đồng bào Việt Nam trong và ngoài nước

Do bị khủng bố tinh thần thô bạo, tôi đã phản ứng gay gắt và mạnh mẽ phê phán các nhà lãnh đạo. Đáp lại, đảng cộng sản và nhà cầm quyền Việt Nam đang tổ chức chiến dịch tấn công tôi trên các cơ quan thông tấn, báo chí nhằm :

- Bôi bẩn, hạ nhục tôi ;
- Gây nghi ngờ, hiềm khích nhằm ly gián tôi với các chiến hữu đang đấu tranh cho công cuộc dân chủ hóa Việt Nam ;
- Gây dư luận xã hội, ép cung, mờ cung cho một số người đang bị bắt giam để tạo chứng cứ giả nhằm tống tù tôi.

Một số bài viết trên các báo của đảng cộng sản Việt Nam không ngần ngại bịa chuyện một cách rất tráng tráo, bỉ ổi đang bộc lộ rõ những âm mưu, thủ đoạn trên.

Hơn mười năm qua nhằm góp phần đấu tranh ôn hòa cho dân chủ, nhân quyền, tự do ngôn luận, tự do tôn giáo... tôi chỉ phát biểu ý kiến cá nhân bày tỏ quan điểm chính trị và nêu những kiến nghị đổi mới thực sự đối với đảng cộng sản Việt Nam. Hàng nghìn trang chính luận của tôi được đồng đảo người Việt Nam trong và ngoài nước biểu dương tình và đánh giá cao. Tuy nhiên, nhà cầm quyền Việt Nam không những không thận trọng nhìn nhận mà còn tỏ thái độ thù địch nặng nề. Họ đã giáng trả tôi bằng những hành động sau :

- Năm lần khám nhà, tịch thu tài liệu, computer, máy photocopy...
  - Sáu lần chặn bắt đọc đường và câu lưu, tra vấn.
  - Giam cầm thời gian dài, không xét xử. không luận được tội mà không dẫn bù danh dự, thiệt hại vật chất và tinh thần.
  - Đưa ra dấu tố ở phường.
  - Cho đám đông côn đồ giả danh thương binh xông vào nhà thoả mãn, gây sự hành hung.
  - Cho côn đồ tông xe dọc đường, gây sự chửi bới.
  - Tổ chức cho bọn bồi bút viết bài hạ nhục trên các báo của đảng cộng sản Việt Nam.
  - Tổ chức gửi thư nặc danh đến nhà chửi bới, đe dọa.
  - Khủng bố tinh thần và quấy nhiễu ban đêm qua điện thoại.
  - Nhiều lần cắt điện thoại.
- Sau năm 1996, một số giấy mời dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế được gửi đến tôi nhưng đều bị nhà cầm quyền ngăn cản, không cho đi dự, v.v.

Tôi vốn sống rất chân thực, nghiêm túc và là người làm khoa học rất cần cù nên đã được mời tham gia nhiều tổ chức khoa học nước ngoài và tham dự nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế. Những đóng góp cho đất nước của tôi đủ lớn đến mức đã từng được đề nghị phong tặng danh hiệu anh hùng lao động.

Điều kỳ lạ là mặc dù đã liên tục giám sát, theo dõi, đã hàng chục lần khám xét mà không thấy được điều gì xấu xa, tội lỗi nơi tôi nhưng họ vẫn không buông tha. Nay tôi đã là một ông già 72 tuổi mà họ vẫn tiếp tục hành hạ, chà đạp con người tôi rất tàn nhẫn và vô lý. Lần khám nhà, tịch thu tài sản hôm 26

tháng 11 vừa qua và tiếp sau đó là cuộc tra vấn kéo dài đã làm tôi như con giun bị dày xéo dã man, không thể không quắn lên đến mức có nguy cơ sẽ bị bức tử. Trước thực trạng hiểm nghèo này tôi cầu xin các quý vị như sau :

- Hãy cho tôi được gặp mặt các quý vị tại nhà riêng hoặc trong nhà tù để trình bầy rõ sự thực.

- Đầu tranh để phiên tòa xử tôi, nếu có, phải thực sự là phiên tòa công khai để tất cả những ai quan tâm đều được tham dự.

- Đòi cho được các luật sư nước ngoài phải được tham gia bào chữa. Đây có thể xem là lời mời chính thức của tôi đến các luật sư có tấm lòng nhân ái

- Quan tâm giúp đỡ quảng bá thư viện trên mạng của tôi : [www.nguyenthanhgiang.com](http://www.nguyenthanhgiang.com) để thấu hiểu được con người tôi, tư tưởng của tôi, từ đấy thấy được sự dã man, tàn bạo của đảng cộng sản Việt Nam đến mức nào.

Sự quan tâm của quý vị đến số phận của tôi hy vọng cũng chính là cơ hội để quý vị chia sẻ được nỗi cay đắng của đất nước tôi, dân tộc tôi trước vấn đề dân chủ và nhân quyền.

Trước mắt, đề nghị quý vị in bức thư này từ computer và giúp gửi đến các địa chỉ mà bức thư này muốn gửi tới như đã nêu trên.

Xin chân thành cảm ơn.

Hà Nội, ngày 8 tháng 12 năm 2008

**Nguyễn Thành Giang**

Số nhà 6 - Tập thể Địa Vật lý Máy bay

Trung Văn - Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại : ( 04 ) 35 534 370

Email : thanhgiang36@yahoo.com

LT: Ngày 6-12-200, VietnamNet, cơ quan truyền thông trên mạng của chính quyền cộng sản Việt Nam, đã cho phát hành một bài viết tựa đề : Chân dung các "nhà dân chủ" thích... USD, ký tên Lê Doãn Tần.

Bài viết tố cáo "một số phần tử chống đối ở trong nước gia tăng các hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc chống nhà nước xã hội chủ nghĩa, kích động phá rối an ninh trật tự. Có nhiều chứng cứ cho thấy họ phản bội tổ quốc chỉ vì tiền".

Nội dung bài viết gồm hai phần.

- Phần đầu, với tiểu đề "Các nhà dân chủ thích tiền tài trợ nêu tên những người tranh đấu cho dân chủ trong nước tại Hải Phòng (Nguyễn Xuân Nghĩa, Nguyễn Mạnh Sơn, Nguyễn Văn Tính), Thái Bình (Nguyễn Văn Túc), Bắc Giang (Nguyễn Kim Nhân, Ngô Quỳnh), Hà Nội (Vũ Hùng) được Nguyễn Thành Giang khuyến khích viết bài và tài trợ tiền để hoạt động.

- Phần thứ hai, với tiểu đề "Chân dung nhà dân chủ", tố cáo đích danh Nguyễn Thành Giang là người chủ nhiệm "tập san Tổ Quốc" phát tán các bài viết trên mạng, sau đó tải xuống để in ấn, phát hành trái phép 54 số. Ngoài ra ông còn tổ chức nhiều cuộc tụ tập tại tư gia để hỗ trợ, bằng cách dùng tiền để "động viên" thân nhân một số tội phạm (Nguyễn Xuân Nghĩa, Nguyễn Văn Túc) đang bị cơ quan pháp luật Việt Nam điều tra, khiếu kiện và tham gia vào các hoạt động chống phá nhà nước.

## Chân dung người đi tìm một chủ thuyết phát triển cho Việt Nam

Hiền Lương

Mặc dù không có được học hàm, học vị cao (giáo sư, tiến sĩ), nhưng nhà dân chủ kỳ cựu Lê Hồng Hà (sinh năm 1926), được anh em dân chủ Việt Nam biết đến là một cây lý luận sắc sảo.

Cuối năm 1944, ông Lê Hồng Hà tham gia hoạt động cách mạng tại Sở Công an Hà Nội; năm 1946 được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam; năm 1951 được cử sang Trung Quốc đào tạo nghiệp vụ, sau đó về giữ chức vụ phó hiệu trưởng trường nghiệp vụ công an hàng đầu của Việt Nam - Trường Công an Trung ương, nay là Học viện An ninh Nhân dân ở Thanh Xuân, Hà Nội. Chức vụ cuối cùng trong ngành công an của ông là chánh văn phòng Bộ Công An. Trước khi nghỉ hưu (1993), ông Lê Hồng Hà là chuyên viên nghiên cứu của Bộ Lao Động. Sau khi nghỉ hưu, ông bắt đầu hoạt động dân chủ. Tháng 6-1995, sau gần nửa thế kỷ tham gia đảng cộng sản Việt Nam, ông Lê Hồng Hà bị khai trừ và bị bắt giam, xử hai năm tù (12-1995) về tội danh tiết lộ bí mật nhà nước (không phải là "bí mật công tác" như tướng Quắc trong vụ án PMU18 gần đây).

Ông Lê Hồng Hà là người hiểu rõ đảng cộng sản Việt Nam về lý luận cũng như thực tiễn mà ông đã có quá trình gắn kết trên nhiều cương vị khác nhau, khẳng định đảng cộng sản Việt Nam là lực lượng chính trị lãnh đạo đất nước, không thể lực nào có thể thay thế được. Chính vì vậy, mặc dù bị khai trừ, bị tống giam, bản thân ông vẫn kiên trì nghiên cứu lý luận, vạch ra cho đảng cộng sản Việt Nam những sai lầm khiếm khuyết về tư tưởng cũng như cương lĩnh hành động, kiên định với chủ trương đấu tranh ôn hòa, trở thành một trong những nhà bất đồng chính kiến hàng đầu ở Việt Nam.

Sau khi ra tù, năm 1996, ông để ra sách lược "Tiệm tiến", sau đó là "Tự vỡ". Năm 2007, khi phong trào dân chủ bị đàn áp khốc liệt, một số anh, chị em đấu tranh dân chủ kiên cường bị bắt giam như Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Phong, Trần Khải Thanh Thủy, bác sĩ Lê Nguyên Sang, Lê Nguyên Đạo, Nguyễn Bắc Truyền,... từ Hà Nội ông đã hội đàm dân chủ qua điện thoại với tiến sĩ Nguyễn Xuân Tụ và nhà thơ Bùi Minh Quốc ở Đà Lạt, tiếp tục khẳng định chủ trương đấu tranh ôn hòa. Gần đây, ngày 18-7-2008, ông đã có bài viết "Đi tìm chủ thuyết phát triển cho Việt Nam từ đầu thế kỷ 21 đến này", kiên trì kiến nghị đảng cộng sản Việt Nam đoạn tuyệt chủ nghĩa ngoại nhập Marx-Lénine, lấy tư tưởng Hồ Chí Minh thuần khiết (không thêu dệt) làm nền tảng tư tưởng, đưa đất nước hội nhập vững chắc vào thế giới.

Dẫu vẫn biết, chủ thuyết phát triển cho Việt Nam mà ông vừa nêu ra sẽ có chung số phận với sách lược "Tiệm tiến", "Tự vỡ" trước đây cũng như sáng kiến dân chủ ngày 18-3-2007 của ông gần đây: cả hai phía (đảng cộng sản Việt Nam, anh em dân chủ trong nước) đều không mấy mặn mà, hải ngoại thì chỉ trích quyết liệt. Điều khiến ông buồn nhất có thể là đảng cộng sản Việt Nam chẳng hề tỏ ra quan tâm đến các luận cứ của chủ thuyết mà ông đã dày công nghiên cứu, không mảy may cho ông một cơ hội để bảo vệ chủ thuyết của mình.

Riêng anh em dân chủ hoạt động dạng phong trào, lấy việc "cọ xát" với chính quyền, đối đầu với công an làm thước đo bản

lĩnh dân chủ nhằm gây chú ý của hải ngoại, chắc chắn phản đối, cho rằng ông là dân chủ nửa vời. Tiêu biểu cho sách lược này là Phương Nam Đỗ Nam Hải. Quan điểm của họ là đảng cộng sản Việt Nam không thể "tự vỡ" nếu không có lực tác động tương hỗ từ các nhà đấu tranh dân chủ và áp lực quốc tế; lãnh tụ Hồ Chí Minh chỉ là thần tượng do đảng cộng sản Việt Nam thêu dệt.

Với anh em hải ngoại, ông chẳng mấy buồn phiền bởi vì ông xác định yếu tố nội quyết định cho dân chủ Việt Nam. Đây là sự khác biệt giữa ông với một số anh em hoạt động dân chủ dạng phong trào. Trong số danh xưng dân chủ, đảng chính trị, được chung lên Internet thời gian qua không thấy có tên ông là điều dễ hiểu. Là người tâm huyết với dân chủ, ông không thể không buồn khi chứng kiến một số anh em hoạt động dân chủ với động cơ cá nhân, hoạt động dân chủ để kiếm tiền hải ngoại, hoặc tạo lý do để xin định cư Hoa Kỳ. Vì vậy, khi bị đàn áp, một số anh em bị mua chuộc, chạy trốn, đầu hàng để tránh tù tội, chính quyền có điều kiện để cài cắm nhân sự, tạo dựng dân chủ "cuôi" đánh phá phong trào. Điều này làm ông đau lắп, bởi ông đã từng giữ nhiều chức vụ cao trong ngành công an. Cuối cùng, ông buồn nhất là đến giờ này một số anh em vẫn chưa chịu nhận thấy sai lầm do vội vàng công bố danh xưng khi chưa có lực lượng và cương lĩnh hành động cụ thể, tổn thất dường như đã được báo trước mà vẫn cứ làm. Riêng tôi, vững tin chủ thuyết của ông sẽ được nhiều trí thức tiến bộ đón nhận, ông có thể tự hào sẽ có ngày nó được chiêm nghiệm.

Ở cái tuổi bát thập cổ lai hi, nhà bất đồng chính kiến Lê Hồng Hà tiếp tục đi tìm chủ thuyết phát triển cho Việt Nam. Đó là bi kịch cuối đời, góc tối của những khát vọng dân chủ đang nung nấu trong tâm can của ông, chỉ có ông thấy rõ nhất. Biết đến bao giờ góc tối này mới bừng sáng, anh em dân chủ, nhân dân và những đảng viên công sản Việt Nam tiến bộ nhìn nhận và xúc tiến chủ thuyết của ông, tạo ra các tiền đề cho dân tộc Việt hóa Rồng ?

Cuối năm 1996, ông đã đưa ra dự báo quá trình "tự vỡ" của đảng cộng sản Việt Nam sẽ diễn ra trong quãng thời gian từ 10 đến 15 năm. Nay đã cuối năm 2008, Việt Nam sẽ có đột biến trong vài, ba năm tới ? Hy vọng dự báo của ông chính xác, ông sẽ hánh diện ra đi trong sự tiếc nuối của anh em dân chủ trong và ngoài nước, cũng như những đảng viên công sản Việt Nam chân chính. Có lẽ điều quan trọng nhất, nhân dân Việt Nam sẽ vinh danh ông là giáo sư bất đồng chính kiến lỗi lạc.

Sài Gòn, ngày 6 tháng 11 năm 2008  
Hiền Lương

Bài liên quan :

- Lê Hồng Hà, "Nghĩ về cuộc vận động chuyển hóa dân chủ cho Việt Nam hiện nay", *Thông Luận*, ngày 15-3-2007.

- Lê Hồng Hà, "Hai phe lý luận ở Việt Nam hiện nay", *Thông Luận*, ngày 24-4-2007.

- Lê Hồng Hà, "Đi tìm chủ thuyết phát triển cho Việt Nam từ đầu thế kỷ 21 đến nay", báo *Tổ Quốc* số 49&50, ngày 15-9-2008, tr. 26 ; báo *Tổ Quốc* số 51, ngày 15-9-2008, tr. 10.

# Tương lai nào dành cho những người cộng sản ?

Việt Hoàng

Đảng cộng sản Việt Nam có khoảng ba triệu đảng viên, mỗi một đảng viên trung bình có hai con và bố mẹ, như vậy một người đảng viên có 4-5 người ăn theo. Theo giả thiết này thì Việt Nam có khoảng 12-15 triệu người liên quan đến đảng cộng sản.

Đây là một lực lượng đông đảo trong một nước có 80 triệu dân số. Tuy nhiên phần lớn đảng viên và gia đình của họ đều có cuộc sống bình thường, vất vả như bao nhiêu người dân Việt Nam khác, chỉ có một số bộ phận rất nhỏ trong số ba triệu đảng viên là những người có chức có quyền, đang tham gia trong bộ máy lãnh đạo đất nước là có cuộc sống vương giả và khác hẳn số đảng viên còn lại cũng như toàn thể nhân dân Việt Nam.

Con đường dân chủ hóa đất nước để Việt Nam có thể phát triển bình thường và nhanh chóng thoát khỏi thân phận nghèo khổ và nhục nhã là ước mong chính đáng của mọi người dân Việt Nam, thậm chí là cả những người cộng sản đang lãnh đạo đất nước. Thế nhưng ước mong tốt đẹp này vẫn mãi mãi không thể thực hiện được. Lý do thì có nhiều, ví dụ sự yếu kém của phong trào đổi lập, sự vô cảm của tầng lớp trí thức, sự thờ ơ của nhân dân và sự bảo thủ của đảng cộng sản... Đã bao nhiêu năm nay chúng ta đi tìm một mô hình để dân chủ hóa Việt Nam nhưng rồi vẫn chưa đâu vào đâu, mọi việc vẫn đậm đà tại chỗ, cuộc sống thì vẫn cứ trôi theo thời gian, thân phận và giá trị của người Việt không những được cải thiện thêm mà còn bị rẽ rúng đi.

Câu hỏi "Làm gì bây giờ?" đã khiến cho bao nhiêu người yêu nước trăn trở, thao thức ngày đêm. Chẳng lẽ cứ mãi như vậy sao? Nếu thay đổi thì phải thay đổi như thế nào? Ai? Lực lượng nào sẽ chèo lái con thuyền mục nát Việt Nam ra khơi?

Nền dân chủ sẽ mang lại lợi ích vô cùng to lớn cho mọi tầng lớp người dân Việt Nam thì đã có nhiều người đề cập đến, tuy nhiên một vấn đề rất gai góc và nhạy cảm mà chưa ai nêu ra: đó là tương lai nào? Số phận nào sẽ dành cho những người cộng sản sau khi đất nước có dân chủ? Tất nhiên những người cộng sản ở đây là những người đang lãnh đạo đất nước chứ không phải những người đảng viên bình thường như bao người dân khác.

Việt Nam sẽ thay đổi như thế nào? Theo tôi chỉ có một cách tốt nhất là thay đổi "từ trên xuống", Đảng Cộng Sản Việt Nam phải chấp nhận dân chủ, phải chấp nhận đa đảng và sau đó dân chủ được áp dụng cho cả nước. Một cuộc thay đổi từ thượng tầng chính trị sẽ tốt hơn hàng ngàn, hàng vạn lần so với những cuộc thay đổi "từ dưới lên", tức là những cuộc cách mạng đường phố, do người dân đứng dậy vì không chịu nổi sự áp bức. Những cuộc thay đổi đó sẽ là vô cùng tai hại cho nhân dân, cho đất nước bởi vì máu sẽ đổ, sẽ là sự trả thù, là sự đập phá diên cuồng và khi đó không có một lực lượng chính trị nào có thể ngăn chặn được sự cuồng nộ của đám đông. Cứ nhìn sang Thái Lan là chúng ta có thể hiểu được sự nguy hiểm của các cuộc "cách mạng đường phố".

Thế nhưng làm thế nào để đảng cộng sản chấp nhận đổi

thoại, chấp nhận dân chủ hóa đất nước?

Lý do gì khiến họ không chấp nhận đa đảng? Theo tôi là họ sợ! Họ sợ rằng khi có dân chủ, có đa đảng họ sẽ bị trừng phạt. Họ sẽ bị phân biệt đối xử, bị tịch thu tài sản, bị tù tội... Họ sợ họ sẽ bị đối xử như họ đã từng đối xử với nhân dân từ trước đến nay. Thế nên họ phải tìm mọi cách, mọi biện pháp để bảo vệ chế độ đến cùng. "Đa đảng là chết" có lẽ là câu thần chú nhiệm màu để gắn kết sự đoàn kết trong nội bộ đảng lại với nhau.

Câu nói nổi tiếng của ông chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết "Bỏ điều 4 Hiến pháp (chấp nhận đa đảng) là chúng ta tự sát" có lẽ chính là tâm lý lo sợ nêu trên.

Tâm lý lo sợ đó của những người cộng sản đang lãnh đạo Việt Nam bắt nguồn từ quá trình lãnh đạo đất nước với đường lối "chuyên chính vô sản" và "bạo lực cách mạng". Từ trước đến nay đảng cộng sản luôn dùng sức mạnh và bạo lực để áp đặt ý chí lên dân chúng trong bất cứ lãnh vực nào. Đảng đã tạo ra nhiều án oán với mọi tầng lớp nhân dân nên lúc nào cũng lo là nhân dân sẽ trả thù khi có cơ hội.

Một điều nữa cũng khiến cho đảng cộng sản lo lắng là sự chống cộng "cực đoan" của một bộ phận đồng bào hải ngoại, những người không thể "đội trời chung" với cộng sản. Những lo sợ này có cơ sở hay không? Theo tôi là có. Chẳng lẽ cơ đồ (mà những người cộng sản) xây dựng bao nhiêu năm nay lại đổ hết xuống sông xuống biển sao?

Như đã đề nghị, Việt Nam chỉ có một con đường hòa bình để thay đổi đất nước đó là thay đổi "thượng tầng chính trị". Con đường đó chỉ có thể thực hiện được nếu có sự "hợp tác" của đảng cộng sản. Để có được sự hợp tác đó của đảng cộng sản tôi xin đưa ra một vài đề nghị (trước khi có các cuộc thương lượng hay đổi thoái diễn ra giữa các đảng phái chính trị với đảng cộng sản) rằng những người dân chủ đổi lập phải chấp nhận một cách dứt khoát:

- Bất cứ một chính phủ tương lai nào cũng sẽ không truy cứu về bất cứ những hành động nào trong quá khứ của tất cả các đảng viên cộng sản Việt Nam. Tất cả các quan chức lớn nhỏ của đảng cộng sản Việt Nam đều được bảo đảm sự bất khả xâm phạm về cơ thể cũng như tài sản.

- Tất cả những người cộng sản, các quan chức, công chức chính phủ, của nhà nước sẽ không bị phân biệt đối xử. Tất cả đều có quyền và có cơ hội tiến thân như nhau.

- Sẽ không có bất cứ một phiên tòa nào mang tính chính trị. Nghiêm cấm mọi hành động trả thù cá nhân.

Nói một cách dễ hiểu là sẽ không có trả thù báo oán, sẽ bỏ qua quá khứ hoàn toàn. Khi nào đổi lập dân chủ đồng thuận với những đề nghị này một cách dứt khoát và thành tâm thì khi đó tôi tin rằng đảng cộng sản sẽ chấp nhận đổi thoái để mở ra một trang sử mới cho dân tộc.

Những đề nghị trên có thực tế không? Khi đưa ra những đề nghị này tôi đã nghĩ đến ba triệu đồng bào tôi đã bỏ nước ra đi bấp chấp nguy hiểm bởi chính sách phân biệt đối xử của người cộng sản. Tôi cũng nghĩ đến hàng vạn dân oan, bao nhiêu là số phận đã bị đảng cộng sản vùi dập. Tất cả

những người đã chịu thua thiệt, mất mát do chế độ cộng sản gây ra sẽ được đền bù (dù không hoàn toàn như mong muốn). Họ sẽ được minh oan, được phục hồi danh dự đầy đủ. Tóm lại những người bị oan sẽ được giải oan. Nhưng sẽ không có sự trả thù.

Tại sao đổi lập dân chủ phải chấp nhận như vậy? Không còn con đường nào khác, dân chủ phải khác với cộng sản. Nếu đổi lập dân chủ tiếp tục cứng rắn trên vấn đề này thì đảng cộng sản sẽ tiếp tục "cố thủ" và đất nước Việt Nam sẽ tiếp tục chìm đắm trong lạc hậu và nghèo khổ. Nhà Phật có câu "Lấy oán báo oán, oán đó sẽ chồng chất. Lấy ân báo oán, oán sẽ được hóa giải". Việc truy cứu, chứng minh, tìm kiếm những tài sản bất minh là rất phức tạp và khó khăn. Hơn nữa chúng ta ai cũng biết là đảng cộng sản đã buộc mọi cán bộ công chức lớn nhỏ trong mọi cơ quan nhà nước "tay nhúng chàm" bằng cách trả lương rất thấp nhưng lại tạo nhiều kẽ hở để tham nhũng, kiếm thêm tiền mới đủ sống.

Như vậy nếu kết tội tham nhũng thì phải kết tội hàng triệu người sao? Việc đó là hoàn toàn không khả thi. Và cũng không cần thiết, bởi vì chúng cần xây dựng lại đất nước chứ không đào sâu sự hận thù. Việc hàn gắn cũng không hề dễ dàng. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cũng đã lấy việc "Hòa Giải Dân Tộc" để làm lập trường chính cho việc xây dựng lại nước Việt Nam trong tương lai.

Thế nhưng nếu đảng cộng sản vẫn không chấp nhận đề nghị này thì sao?

Còn đang trong tay những người cộng sản, phất như thế nào là quyền của họ. Người dân Việt Nam sẽ tiếp tục đấu tranh cho hạnh phúc và quyền lợi của mình. Còn những người làm chính trị chân chính phải giữ cho cái đầu lạnh, tức là lúc nào cũng phải tỉnh táo không được để tình cảm lấn lướt lý trí, phải biết đặt quyền lợi của nhân dân lên trên hết. Phải biết hy sinh cái nhỏ để được cái lớn hơn cho mọi người, cho tổ quốc. Nếu đảng cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục bảo thủ, tiếp tục con đường dùng "bạo lực cách mạng" thì một tương lai đen tối sẽ đến với họ là điều mà ai cũng có thể thấy được.

Nếu người cộng sản vẫn cố chấp sau khi đổi lập dân chủ đã mở rộng đường để tiến tới đổi thoại thì tôi chỉ tiếc cho tương lai con cháu của những người cộng sản.

Dù rằng những người cộng sản đã dành được chính quyền bằng bạo lực, bản thân nhiều người trong số họ chỉ "vũ trang" bằng lòng yêu nước, kiến thức về thế giới bên ngoài rất hạn chế do họ trưởng thành trong "chiến đấu" và từ "trong lao tù thực dân, đế quốc", thế nhưng con cái họ thì khác, đa số đã được học hành đến nơi đến chốn trong những môi trường tiến bộ. Nhiều người trẻ dù là "con ông cháu cha" nhưng vẫn trưởng thành thật sự, đây là thành phần ưu tú có thể giúp chấn hưng đất nước. Thế nhưng nếu cha ông họ vẫn tiếp tục kìm hãm đất nước với sự lãnh đạo độc tài thì họ, dù không có tội nhưng sẽ bị vạ lây. Khi người dân phải làm cách mạng theo kiểu "từ dưới lên" thì con em những người cộng sản cũng sẽ bị trừng phạt. Thủ tướng đương nhiệm Thái Lan chỉ vì dây dưa là người nhà của thủ tướng bị phế truất Thạc-xỉn nên dù không bị "phốt" gì cũng bị người dân biểu tình chống đối đến cùng. Và dù Thạc-xỉn giàu có và nổi tiếng như vậy mà cũng không dễ tìm được một chốn dung thân cho mình và gia đình. Thật là nhục nhã và cay đắng. Đây cũng là bài học cho những người cộng sản đương chức đương quyền.

Đề nghị "bỏ qua quá khứ" trên chỉ là ý kiến cá nhân nhưng tôi tin rằng nó phù hợp với đường lối của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, một tổ chức chính trị luôn hướng tới tương lai. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cũng là tổ chức chính trị duy nhất lấy việc "Hòa Giải Dân Tộc" làm lập trường căn bản để xây dựng và hàn gắn đất nước Việt Nam.

Tất nhiên đổi lập dân chủ không chỉ có một mình Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên mà còn nhiều tổ chức khác, với những quan điểm khác. Tôi mong muốn mọi người cùng nhau thảo luận để đi đến đồng thuận trong lực lượng dân chủ đổi lập về đề nghị trên. Lý tưởng chủ đạo của chúng ta phải là "hướng tới tương lai" thay vì "đào bới quá khứ". Đổi lập dân chủ phải chấp nhận "liều thuốc đắng" để Việt Nam có được dân chủ trong tương lai gần, quả bóng đang nằm trong chân của đảng cộng sản.

Với đảng cộng sản thì cũng chỉ có một con đường duy nhất là đổi thoại với dân chủ đổi lập để dân chủ hóa đất nước. Dưới sự lãnh đạo duy nhất của đảng cộng sản thì không thể xây dựng được đất nước, đó là điều chắc chắn. Mọi cố gắng chỉ là sự chấp vá hổ lốn chứ không mang lại kết quả gì tốt đẹp, đó cũng là nhận định của tiến sĩ Hoàng Ngọc Giao trong cuộc trả lời BBC mới đây rằng "cải cách ở Việt Nam không có lộ trình".

Một vấn đề nữa cũng đang ngăn cản quá trình dân chủ hóa Việt Nam là thái độ của chúng ta đối với Trung Quốc. Vấn đề này đã được đưa ra trong *Dự Án Chính Trị của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên* (Thành Công Thể Kỷ 21), đó là chúng ta sẽ theo đuổi mô hình ngoại giao "chủ nghĩa nước nhỏ" (Khiêm tốn và hòa hoãn với mọi quốc gia, nhẫn nhục hôm nay để giàu mạnh ngày mai). Thực hiện một chính sách đổi ngoại giao bình và một chính sách láng giềng tốt. Tìm mọi cơ hội để thắt chặt quan hệ hợp tác với các nước đã phát triển mạnh, đặc biệt là Hoa Kỳ. Phát huy mọi sáng kiến để hóa giải những vấn đề còn tồn đọng với Lào, Kampuchea và Trung Quốc, đi đến quan hệ láng giềng tốt - Những định hướng lớn - *Dự Án Chính Trị*. Chúng ta sẽ tập trung vào việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống người dân, chúng ta sẽ không liên kết với bất cứ một nước nào để chống lại một nước thứ ba. Tôn trọng và thực thi đầy đủ các nghị quyết của Liên Hiệp Quốc. Tất nhiên là chúng ta sẽ làm mọi việc để bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ dựa trên các công ước quốc tế và ưu tiên giải quyết các tranh chấp chủ quyền bằng đường ngoại giao hoặc thông qua tòa án quốc tế.

Câu hỏi cuối cùng là ai sẽ là người lèo lái con thuyền Việt Nam ra khơi? Câu trả lời cũng không quá khó! Bất cứ một tổ chức chính trị nào đều có thể nêu ra đường lối và cương lĩnh xây dựng đất nước của mình ra cho bà con thiên hạ tỏ tường và đồng thời thuyết phục mọi người đồng ý với cương lĩnh đó. Cuối cùng là một cuộc bầu cử tự do, dân chủ, công bằng. Chính người dân Việt Nam sẽ là giám khảo để lựa chọn những người, những tổ chức chính trị ưu tú và xứng đáng để đứng ra quản lý đất nước. Chính lá phiếu của người dân Việt Nam sẽ quyết định ai sẽ là người xứng đáng để chèo lái con thuyền đất nước qua cơn nguy khó này.

Tôi hoàn toàn tin tưởng và tôn trọng sự lựa chọn của người dân Việt Nam.

**Việt Hoàng**  
(Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên)

# Điệp viên giỏi nhất?

Lữ Giang

Trong hai ngày 20 và 21-10-2008 vừa qua, Trung Tâm và Cơ Quan Lưu Trữ Lịch Sử Việt Nam (History of the Vietnam Center and Archive) thuộc Texas Tech University, Lubbock, TX, đã mở một cuộc hội thảo về chủ đề "Tình báo trong chiến tranh Việt Nam".

Có bảy buổi thuyết trình với bảy đề tài lớn như : CIA ở Việt Nam, Chương trình Phượng Hoàng, Công nghệ và Tình báo, Cuộc chiến bí mật ở Lào, Hoạt động tình báo Nga và Việt Nam.

Nhiều chuyên viên về tình báo đang hay đã từng làm trong ngành tình báo của Mỹ và Nga đến nói chuyện về kinh nghiệm của họ trong cuộc chiến. Đặc biệt, ông Merle Pribbenow, một cựu nhân viên CIA đã nói về "Những điệp viên vô danh nổi tiếng nhất trong cuộc chiến Việt Nam".

## Trận chiến truyền thông

Sau khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt, Hà Nội đã sáng chế nhiều tập chuyện hay phim tình báo giả như : Ván Bài Lật Ngửa, Ông Cố Vấn, Những điệp vụ của ký giả Phạm Xuân Ẩn, Thiếu tướng tình báo Phạm Xuân Ẩn, những điều chưa biết, v.v., phịa ra những chuyện hoang đường về hoạt động tình báo của Hà Nội trong chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, để che đậm những thất bại nặng nề mà cơ quan tình báo của họ phải gánh chịu, như đến 90% cán bộ cộng sản nằm vùng được cài lại sau hiệp định Genève đã bị phá vỡ, hai trùm tình báo của miền Bắc được gởi vào Nam chỉ huy ngành tình báo đã bị bắt, đó là đại tá Lê Cầu, chỉ huy quân báo, và Trần Quốc Hương (thường gọi là Muời Hương), chỉ huy về điệp báo, v.v.

Khi những phim và tài liệu này được Hà Nội cho phổ biến, chúng tôi tưởng rằng chỉ có dân miền Bắc hay giới bình dân ở miền Nam mới tin, còn những người biết rõ tình hình miền Nam lúc đó chẳng ai tin. Tuy nhiên, sau đó chúng tôi rất buồn khi thấy không phải chỉ giới bình dân ở miền Nam mà ngay cả một số viên chức cao cấp hay trí thức của miền Nam cũng tin ! Một vài người viết bình luận hay lịch sử cũng đã trích dẫn những tài liệu giả nói trên như là bằng chứng lịch sử và chỉ trích tình báo Việt Nam Cộng Hòa quá yếu kém ! Chúng tôi đã nói nhiều lần, một tên cán bộ tình báo hạ cấp như Vũ Ngọc Nhạ, thư ký đánh máy công nhật B3 ở Sở Cầu Đường, chưa bao giờ được gặp bất cứ thủ tướng hay tổng thống nào của Việt Nam Cộng Hòa, thế nhưng có người đã tin Vũ Ngọc Nhạ đã từng làm cố vấn cho ba đời tổng thống : Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu và Dương Văn Minh !

Chúng tôi càng thất vọng hơn khi đọc cuốn "Perfect Spy" (Người điệp viên hoàn hảo) của Giáo Sư Larry Berman thuộc đại học UC Davis viết về Phạm Xuân Ẩn. Ông Vũ Ánh đã ca tụng

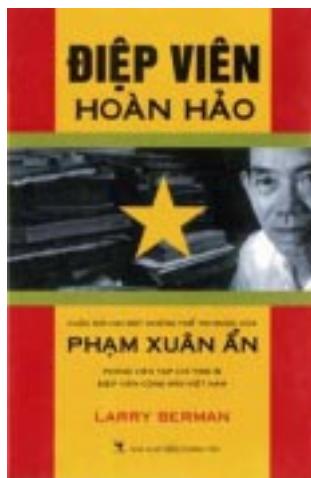
Larry Berman như là một nhân vật biết "phối kiềm và phỏng vấn đối tượng trên 100 giờ, tránh tối đa việc để cảm tính vào bài viết". Nhưng khi đọc cuốn sách này, chúng tôi thấy Larry Berman đã ghi nhận toàn những lời chứng láo khoét của cán bộ cộng sản về những chuyện mà chúng ta biết chắc chắn không thể có hay xảy ra ở miền Nam Việt Nam.

Dĩ nhiên, Hà Nội nói rất ít hay không nói đến các điệp viên có nhiều công trạng của họ, chẳng hạn như : đại tá Đinh Văn Đệ, chủ tịch Ủy Ban Quốc Phòng Hà Viện Việt Nam Cộng Hòa, một tay chân thân tín của tổng thống Thiệu ; Lê Hữu Thúy được Đỗ Mậu nuôi dưỡng ở Cục An Ninh Quân Đội, đã bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt bắt và dùng vào việc khai thác các cán bộ cộng sản nằm vùng bị bắt. Nhưng sau cuộc đảo chính ngày 1-11-1963, Đỗ Mậu bao che cho Lê Hữu Thúy hoạt động trở lại. Nay Thúy đang làm Cục Phó Cục Tình Báo Hải Ngoại của Hà Nội và đã đưa Đỗ Mậu về Việt Nam tuyên truyền cho chế độ và chống lại Giáo Hội Ái Quang, v.v.

Nhìn chung, tuy dùng nhiều phim ảnh và sách báo để ca tụng Vũ Ngọc Nhạ và Phạm Xuân Ẩn như là những "siêu điệp viên" và cho thăng tới cấp tướng, nhưng trong thực tế Hà Nội không tin dùng hai người này, luôn đặt trong tình trạng quản chế gắt gao và để cho sống lâu lết. Nói cách khác, Hà Nội chỉ dùng Vũ Ngọc Nhạ và Phạm Xuân Ẩn như như con bài để tuyên truyền mà thôi và, về phương diện này, đã thành công lớn !

Trung Tâm và Cơ Quan Lưu Trữ Lịch Sử Việt Nam ở Lubbock, TX, đã được thành lập từ năm 1989 để những chứng nhân của cuộc chiến, dù thuộc bên này hay bên kia, có thể đến trình bày các sự kiện lịch sử mà họ đã chứng kiến hoặc tìm thấy, nhưng cả những nhân vật của Việt Nam Cộng Hòa lẫn Hà Nội đã không thành công khi nói chuyện tại đây, bởi vì họ chưa bao giờ được thói quen thay vì trình bày những sự kiện mà họ được biết một cách khách quan, họ thường chỉ đưa ra những sự kiện mà họ muốn dùng để biện minh hay kết án đối phương, trong đó những lời biện minh hay kết án này có khi chiếm đến 3/4 bài thuyết trình, nên các bài thuyết trình của họ không còn giá trị gì cả.

Lần này, người thuyết trình không phải là một viên chức Việt Nam mà là một cựu nhân viên CIA của Mỹ. Dĩ nhiên, CIA nắm toàn bộ hệ thống tình báo của họ ở Việt Nam, nhưng luật pháp và nghề nghiệp không cho phép một cơ quan tình báo như CIA tiết lộ tài liệu hay trình bày trước công luận bất cứ hoạt động nào của họ, kể cả trả lời "Yes" hay "No". Nhưng CIA có thể cho phép nhân viên của mình, nhất là những người đã về hưu hay rời cơ quan, được phép tiết lộ một số sự kiện nào đó mà họ thấy không phương hại đến an ninh quốc gia, không ảnh hưởng đến hoạt động nghề nghiệp và



không gây tranh luận. Vì thế, chúng ta hãy nghe đài BBC giới thiệu về Merle Pribbenow và tóm lược những câu chuyện được ông kể lại.

### Điệp viên Ba Minh

Merle Pribbenow là cựu nhân viên CIA và chuyên gia tiếng Việt, từng phục vụ ở Sài Gòn từ 1970 đến 1975. Sau khi rời khỏi CIA năm 1995, ông dành thời gian để dịch các sách lịch sử của Việt Nam và viết về cuộc chiến.

Trong bài thuyết trình ở hội thảo nói trên, Pribbenow mô tả ba nhân vật hoạt động trong ba cơ quan tình báo khác nhau : CIA, Phòng Tình Báo Chiến Lược của Trung Ương Cục Miền Nam và Tình báo Quân đội Liên Xô.

Trong cuốn "Decent Interval" nói về sự sụp đổ của Sài Gòn, cựu phân tích gia của CIA, Frank Snepp, khi nói về cuộc tổng tấn công miền Nam năm 1975, đã dành sự công nhận đáng kể cho một người vô danh mà ông gọi là "điệp viên trong hàng ngũ thân cận của tổng thống Thiệu".

Nhiều tác giả nói nội dung cuộc họp tháng 12-1974 giữa tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và các tướng lĩnh đã bị tiết lộ.

Theo Snepp, người điệp viên cộng sản này đã gửi cho Bộ Chính Trị Bắc Việt nội dung cuộc họp tháng 12-1974 giữa tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và các tướng lãnh để đưa ra chiến lược của miền Nam trước viễn cảnh quân đội Bắc Việt tấn công vào năm sau, 1975.

Sự mô tả của Snepp dựa vào một đoạn trong hồi ký "Đại thắng Mùa Xuân" của đại tướng Văn Tiến Dũng. Tướng Dũng nói nội dung cuộc họp này đã được tình báo Bắc Việt lấy được. Merle Pribbenow nhận xét cho đến ngày hôm nay, ngoài đoạn văn của tướng Văn Tiến Dũng, Hà Nội chỉ đưa ra thêm một tiết lộ khác liên quan bản phúc trình tình báo này. Tiết lộ đó nằm trong hồi ký "Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng : Hồi ức", của đại tướng Võ Nguyên Giáp, ấn hành năm 2000. Trong hồi ký, tướng Giáp nói vào sáng ngày 12-12-1974, tình báo quân đội cho ông biết về những mệnh lệnh của tổng thống Thiệu tại cuộc họp.

Cả hai nguồn chính thức của Hà Nội đều không cho biết ai là người cung cấp thông tin. Vậy nhà tình báo ấy là ai ? Kể từ khi kết thúc chiến tranh, đảng cộng sản đã công bố thông tin về nhiều điệp viên hoạt động bên trong chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. Trong số các điệp viên nổi tiếng này, liệu có ai là người chuyển cho miền Bắc nội dung cuộc họp kể trên ?

Mạng lưới Vũ Ngọc Nhạ - Huỳnh Văn Trọng bị phá vỡ năm 1969. Một điệp viên cao cấp khác nằm trong ngành tình báo miền Nam, Đặng Trần Đức, thì đã trốn vào vùng căn cứ cách mạng sáu tháng trước ngày có cuộc họp tháng 12-1974. Nhà tình báo Phạm Xuân Ẩn, và Đinh Văn Đệ, khi đó là chủ tịch Ủy Ban Quốc Phòng Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa, cũng là các ứng viên. Tuy nhiên, cả hai không có khả năng tiếp cận nội dung cuộc họp này, trừ phi một nhân viên Việt Nam Cộng

Hòa đã tuồn ra cho họ.

Theo giả thuyết của tác giả Merle Pribbenow, người điệp viên có nhiều khả năng nhất trong trường hợp này không phải là một sĩ quan miền Nam cao cấp, cũng không làm việc tại Phủ Tổng thống, cũng không nằm trong nhóm tùy tùng thân cận của ông Thiệu.

Tên người này là Nguyễn Văn Minh (tức Ba Minh). Sinh năm 1933 ở Sài Gòn trong một gia đình gốc Bắc, ông Minh làm hạ sĩ quan phụ trách tài liệu mật trong văn phòng của đại tướng Cao Văn Viên, tổng tham mưu trưởng quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

Mặc dù nhân viên cấp thấp này không thể được dự cuộc họp trong Phủ Tổng thống năm 1974, nhưng biên bản và mệnh lệnh được đưa ra trong cuộc họp có thể đã qua tay người thư ký này. Bài báo trên tờ *Quân đội Nhân dân* năm 2005 không nhắc đến cuộc họp tháng 12-1974, nhưng cho biết ông

Ba Minh thường xuyên chuyển đi các loại thông tin tương tự, như kế hoạch của các quân khu miền Nam, nội dung trao đổi giữa tướng Cao Văn Viên với các viên chức Mỹ.

Bốn năm sau khi gia nhập quân đội Việt Nam Cộng Hòa, năm 1963, ông Minh được đưa vào làm tại văn phòng của tướng Nguyễn Hữu Có, và vài năm sau, ông chuyển lên văn phòng của tổng tham mưu trưởng Cao Văn Viên.

Năm 1973, sau Hiệp định Hòa bình Paris, Phòng Tình Báo Chiến Lược của Trung Ương Cục Miền Nam tìm kiếm các nguồn tình báo mới. Có vẻ như liên lạc giữa họ và Ba Minh đã mất nhiều năm, và chỉ đến lúc đó, liên hệ mới được nối lại. Theo tài liệu của Việt Nam, sau khi được liên hệ, ông Minh nhanh chóng trở thành người báo tin thường xuyên và có giá trị. Ông thức đêm để chép tay các bức điện, kế hoạch (vì lý do an ninh, ông không chịu sử dụng máy ảnh để chụp tài liệu). Từ đầu năm 1974 đến khi kết thúc cuộc chiến, Ba Minh đã chuyển cho phía cộng sản một khối lượng lớn các báo cáo quân sự.

Ngày 30-4-1975, khi xe tăng Bắc Việt tiến vào trụ sở tổng tham mưu trưởng, Ba Minh đã chờ họ tại đó. Ông trao chìa khóa văn phòng tướng Viên cùng các hồ sơ mật.

Sau này, ông Nguyễn Văn Minh được phong làm "Đại Tá Anh Hùng Tình Báo", như một sự tưởng thưởng cho công trạng của ông vào những năm cuối của cuộc chiến.

### Điệp viên Võ Văn Ba

Orrin DeForest, một nhân viên CIA phục vụ sáu năm ở Việt Nam, nhắc đến con người này với mật danh "Reaper" trong cuốn sách "Slow Burn : The Rise and Bitter Fall of American Intelligence in Vietnam". Một chuyên viên khác của CIA, John Sullivan, nói ông ta là "điệp viên giỏi nhất mà chúng ta từng có ở Việt Nam". Còn trong cuốn tiểu sử về sếp CIA ở Sài Gòn Ted Shackley, tác giả David Corn dẫn ra một sự đánh giá thời hậu chiến của CIA rằng điệp viên này là "nguồn tin đáng tin cậy nhất về ý định của cộng sản" ở Việt Nam.



Cựu điệp viên Ba Minh (năm 2005)

Frank Snepp, một nhà phân tích tình báo có đôi lần gặp con người này, gọi ông ta là "diệp viên hàng đầu của chúng ta" ở Việt Nam. Văn phòng của CIA ở Sài Gòn thì đơn giản gọi ông này là "người tin Tây Ninh". Sau 1975, những người cộng sản mô tả nhân vật này là "diệp viên nguy hiểm trung thành với CIA" và nói CIA xem ông ta là "diệp viên có giá nhất tại Đông Dương" của CIA.

Tên của người này là Võ Văn Ba. Theo các ghi chép của phía cộng sản, nhân vật này sinh năm 1923, là một đảng viên cộng sản phụ trách tuyển mộ đảng viên mới ở khu vực Tòa Thánh Cao Đài và thành phố Tây Ninh.

Có những ghi nhận khác nhau về cách làm thế nào và nhò ai mà diệp viên này được tuyển mộ cho CIA. Orrin DeForest nói chú của ông Ba, ban đầu theo Việt Minh nhưng sau trở thành sĩ quan phục vụ trong ngành An Ninh Quân Đội của miền Nam, đã thu dụng người cháu. David Corn và John Sullivan viết rằng chú của Ba, người mà họ chỉ nói là một sĩ quan miền Nam, đã tuyển Ba làm chỉ điểm cho cảnh sát quốc gia Việt Nam Cộng Hòa.

Trước khi CIA vào cuộc, có vẻ Ba làm việc một thời gian cho quân đội Mỹ. Theo John Sullivan, một người trong CIA nói Ba từng làm cho tình báo cho quân đội Mỹ.

Không lâu sau khi đến tỉnh Tây Ninh năm 1969, sĩ quan CIA đầu tiên phụ trách Ba đã nhanh chóng chuyển diệp vụ mà lâu nay tiến hành khá nghiệp dư trở thành một hoạt động tình báo chuyên nghiệp, đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của CIA.

Từ nay ông Ba được yêu cầu báo cáo về những mục tiêu chiến lược, các kế hoạch hành động mang tính chất toàn quốc, chứ không còn là những mục tiêu chiến thuật cấp thấp. Ông Ba ở trong vị trí lợi thế để lấy được những thông tin chiến lược vì trong suốt giai đoạn này, trụ sở chính của Trung Ương Cục Miền Nam đặt rất gần chỗ ông, có lúc bên trong tỉnh Tây Ninh, có lúc ở tỉnh Bình Long kế cận. Các báo cáo của người này được chuyển qua các kênh thông tin của CIA, và chỉ một số ít người biết về sự tồn tại của Ba.

Để bảo đảm bí mật, chỉ một sĩ quan Cảnh Sát Đặc Biệt miền Nam và một nhân viên người Việt ở văn phòng CIA ở Tây Ninh được phép gặp mặt Ba ở Tây Ninh. Chỉ thỉnh thoảng Ba mới gặp nhân viên CIA người Mỹ và cũng chỉ gặp ở địa điểm mật tại Sài Gòn.

Thông tin mà ông Ba cung cấp thường xuyên được sử dụng trong các đánh giá của tình báo Mỹ về kế hoạch của phe cộng sản. Ngoài ra, mặc dù Ba chuyên môn theo dõi các khía cạnh chính trị chứ không phải quân sự, nhưng thỉnh thoảng ông cũng báo trước các cuộc tấn công ở khu vực Tây Ninh.

Tuy nhiên, vẫn có những câu hỏi về sự trung thành của ông Ba đối với CIA. Mấy lần kiểm tra ông bằng máy thử nói dối đều có kết quả không làm CIA hài lòng. Năm 1971, hai năm sau khi CIA tuyển mộ Ba, họ phát hiện rằng Ba vẫn ngầm liên lạc và báo cáo cho tình báo quân đội Việt Nam Cộng Hòa. CIA ngay lập tức liên lạc và yêu cầu quân đội Miền Nam ngừng mọi giao thiệp với Ba. Một số sĩ quan CIA cũng đặt câu hỏi làm sao Ba lại không bị Việt Cộng phát hiện mặc

dù các diệp viên cộng sản đã xâm nhập vào toàn bộ các tổ chức tình báo của miền Nam, những nơi biết về sự tồn tại của con người này. Nhưng rõt cuộc, sự chính xác trong các báo cáo của Ba làm tan biến mọi hoài nghi, và giới tình báo miền Nam và Mỹ xem Ba là tài sản quý giá của họ.

Những người cộng sản cũng ngày một nhận ra là họ có kẻ phản bội trong hàng ngũ. Những thiệt hại ở khu vực Tây Ninh năm 1969, những dấu hiệu là đối phương biết trước ý định tấn công, khiến những người cộng sản nghi ngờ trong nội bộ của họ có diệp viên. Một nữ cán bộ được cử điều tra tại Tây Ninh, nơi Ba có nhiệm vụ tuyển mộ và tổ chức chi bộ đảng. Nhưng nữ điều tra viên này lại bị an ninh miền Nam bắt được khi bà đi vào địa giới do Việt Nam Cộng Hòa kiểm soát, và bà bị giam cho đến hết cuộc chiến. Không có tư liệu cho biết liệu có phải ông Ba đã báo cho an ninh miền Nam bắt người này hay không.

Cuộc truy tìm nội gián trở nên gấp rút tới mức, theo một loạt các bài báo đăng trên báo chí Việt Nam năm 2004, một trong những diệp viên cao cấp của cộng sản trong chính quyền miền Nam, Nguyễn Văn Tá (tức Ba Quốc), được giao nhiệm vụ săn lùng nội gián vào năm 1972.

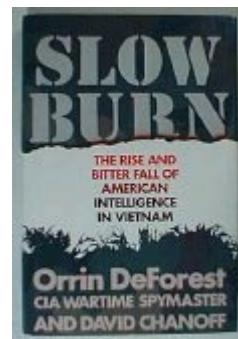
Ông Ba Quốc đoán rằng hồ sơ mà ông muốn có thể nằm trong một tủ khóa ở Nha Đập Báo (ban K) thuộc Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo. Ông vào được nơi này và định mở khóa, nhưng lại có người vào bất thình lình, khiến ông đành bỏ dở. Hai năm sau, các hoạt động của chính ông Ba Quốc bị phát hiện và ông phải trốn vào căn cứ cách mạng ở đồng bằng sông Cửu Long.

Hồ sơ mật về ông Võ Văn Ba được an toàn cho đến ngày Sài Gòn sụp đổ hôm 29-4-1975. Khi quân đội cộng sản chiếm văn phòng Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo ở Sài Gòn, Viễn Chi, cục trưởng Cục Tình Báo của Bộ Công An Bắc Việt, được nói là đã tìm thấy hồ sơ về Ba trong ngăn khóa của Nguyễn Khắc Bình, tổng giám đốc Cảnh Sát Quốc Gia.

Cho đến khi cuộc chiến gần kết thúc, ông Ba tiếp tục có những báo cáo giá trị cho CIA. Thế nhưng đến tháng một năm 1975, khi Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Bắc Việt ra Nghị Quyết tổng tấn công để "dứt điểm" Miền Nam Việt Nam, Võ Văn Ba đã không báo động trước cho CIA về Nghị Quyết này. Đây không phải lỗi của Ba mà là do cộng sản nghi là có người phản bội trong hàng ngũ của họ, thành ra giới lãnh đạo Trung Ương Cục Miền Nam đã quyết định không phổ biến Nghị Quyết mới cho cấp dưới.

Vào giữa tháng tư 1975, ông Ba cho CIA một loạt báo cáo cuối cùng mô tả chung chung kế hoạch tấn công Sài Gòn của Bắc Việt. Những báo cáo này được xem trọng đến mức chúng được đưa vào bản phúc trình năm 1976 của đại sứ Mỹ Martin trước một ủy ban của Quốc Hội Mỹ về việc sơ tán khỏi Sài Gòn. Nhưng vào lúc Ba chuyển những báo cáo này thì số phận của miền Nam đã được định đoạt. Thực tế, số phận của chính ông Ba cũng được định đoạt, mặc dù lúc này ông chưa biết.

Diệp viên Võ Văn Ba bị bắt đúng ngày 30-4-1975. Khi Sài Gòn sụp đổ, CIA đề nghị đưa Ba và gia đình sang Mỹ. Nhưng ông này lại từ chối, nói là muốn ở Việt Nam thay vì



khởi nghiệp từ đầu ở xứ người trong lúc tuổi đã cao. CIA hứa họ sẽ làm mọi cách để ngăn không cho hồ sơ về ông Ba rơi vào tay đối phương. Tuy vậy, lúc đó quân đội cộng sản đã bắt được và tra hỏi một người mà có lẽ biết hoạt động của ông Ba rõ hơn ai hết.

Theo các ghi chép hậu chiến của Việt Nam, ông Nguyễn Văn Phong (hay Nguyễn Sĩ Phong) là một người di cư miền Bắc, 33 tuổi, làm việc cho văn phòng CIA ở Tây Ninh. Ông Phong là người liên lạc của Ba với CIA kể từ 1969, ngay sau khi CIA tuyển mộ Ba. Sau nhiều năm làm việc trực tiếp với Ba, sau này ông Phong rời khỏi Tây Ninh và làm ở văn phòng CIA ở Ban Mê Thuột.

Ngày 10-3-1975, lực lượng cộng sản nhanh chóng chiếm được Ban Mê Thuột. Ông Phong và gia đình chạy đến nhà của Paul Struharik, đại diện của USAID và là nhân viên người Mỹ duy nhất còn ở lại trong tỉnh. Nhưng ngôi nhà lập tức bị bao vây và mọi người trong đó bị bắt.

Ông Phong thú nhận ông đã làm việc cho CIA và khai ra tên của Võ Văn Ba. Ngày 29-4-1975, quân cộng sản chiếm thành phố Tây Ninh và bắt được Phan Tất Ngưu, sĩ quan miền Nam phụ trách trường hợp ông Ba. Bản thân ông Ba bị bắt ngày 30 tháng 4.

Phía Việt Nam nói ông Ba tự sát ngày 8-6-1975 trong lúc đang bị giam trong trại của Bộ Công an. Sự thật về cái chết của Võ Văn Ba - có phải đó là tự sát hay là một điều gì khác - có lẽ sẽ không bao giờ được biết.

Còn có thêm một đoạn kết khác cho câu chuyện về điệp viên Tây Ninh. Vào năm 1980, trong cao trào thuyền nhân, Paul Struharik, đại diện của USAID ở Buôn Mê Thuột và là người có nhà bị bao vây hồi tháng 3-1975, nhận được lá thư gửi về địa chỉ nhà ông ở Mỹ. Lá thư được gửi từ Malaysia, và người viết là Nguyễn Văn Phong.

Phong nói ông đã trốn được khỏi trại giam Bắc Việt bằng cách nhảy khỏi xe trong lúc chuyển tù. Ông nói sau khi trốn thoát, ông tìm thấy vợ con và cả nhà sắp ra đi trên con thuyền với những người tị nạn vừa đến được bờ biển Malaysia. Theo Phong viết thì vì thuyền của ông vẫn còn đi biển được, phía Malaysia muốn đẩy họ đi tiếp, nhưng Phong nói ông thuyết phục được người ta gửi lá thư này về Mỹ. Phong nhờ Struharik giúp đỡ.

Câu chuyện của ông Phong nghe khó tin vì làm sao một người tù quan trọng như ông có thể trốn thoát, lại mang theo được cả vợ con. Tuy vậy người Mỹ biết rằng trong đời này cũng thỉnh thoảng gặp trường hợp phép lạ, thành ra họ vẫn gửi tin nhắn yêu cầu nhân viên chức trách để ý khi thuyền của ông Phong đến được trại tị nạn.

Khoảng hơn một tuần sau, một người Việt Nam lênh đênh trên biển Đông được một chiếc tàu đi ngang cứu được. Người này nói ông ta có mặt trên con thuyền của ông Phong. Ông nói con thuyền đó đã chìm trên đường tới Indonesia, và mọi người trên thuyền, kể cả ông Phong và gia đình, đã chết.

### Bài học cần rút

Trên đây chỉ là lời tường thuật lại của một cựu nhân viên CIA. Có thể ông ta chỉ nắm được một số góc cạnh của vấn đề, nên sự tường thuật của ông còn nhiều nghi vấn.

Nếu Võ Văn Ba được coi là điệp viên giỏi nhất của CIA ở Việt Nam, chúng ta thấy Việt Nam Cộng Hòa cũng có nhiều điệp viên xuất sắc hơn nhiều. Cứ đọc các tập tài liệu nói về hoạt động của cơ quan tình báo tại miền Nam của Hà Nội như "Bối phản hay chân chính" (Bản thảo 1, Bản thảo 2 và Bản thảo 3) của Dư Văn Chất, hay "Đoàn Mật Vụ của Ngô Đình Cẩn" của Văn Phan, trong đó các cán bộ công sản hoạt động tại miền Nam đã bị Đoàn Công Tác Đặc Biệt của chế độ Ngô Đình Diệm bắt và khai thác, đã nói lên những sự khâm phục của họ đối với hoạt động của đoàn này, chúng ta mới thấy được khả năng tình báo miền Nam cao như thế nào.

Nhóm này viết về Đoàn Công Tác Đặc Biệt như sau: "Đây là một ngành an ninh đích thực, nhưng là một "siêu tổ chức" với nhiều đặc thù mà không có bộ máy nào của Ngụy so sánh được. Nó tập trung quyền lực cao độ : cực quyền, với các phương thức hoạt động hết sức tinh vi, hiểm độc và táo bạo. Trong cái nhà tù không song sắt, công an mật vụ cùng với kháng chiến cộng sản ăn chung, ngủ chung, chơi chung và công tác chung. Chuyện khó tin mà có thật..."

Đây là một khía cạnh cần được khai thác khi nói về "Tình báo trong chiến tranh Việt Nam".

Ngoài ra, cách thức kể chuyện của Merle Pribbenow một lần nữa dạy cho các "bình luận gia" và "sử gia" Việt Nam rằng điều quan trọng cần được trình bày là các sự kiện chứ không phải là những lời giải thích, biện minh, lên án hay tố cáo. Phải bỏ lại những thứ đó bên ngoài, chúng ta mới có thể đi vào đấu tại "Trung Tâm và Cơ Quan Lưu Trữ Lịch Sử Việt Nam" ở Lubbock, TX, được.

Lữ Giang (California)

### MUA BÁO Gia nhập HVNHD

Họ (Nom) : .....  
Tên (Prénom) : .....  
Địa chỉ (Adresse) : .....  
Mã số hành chính (Code postal) .....  
Thành phố (Ville) : .....  
Điện thoại (Tél.) : .....

Tôi đăng ký (Je m'inscris) (\*) :

mua / gia hạn mua báo (35 EUR/năm)  
 pour un abonnement / réabonnement (35 EUR/an)

gia nhập Hội Việt Nam Huynh Đệ  
pour une adhésion à l'Association Vietnam Fraternité

(\*) đánh dấu nếu CÓ, bỏ trống nếu KHÔNG  
Cocher pour OUI, en blanc pour NON

Ngân phiếu (Chèque à l'ordre de) : Vietnam Fraternité  
Gửi về địa chỉ (envoyer à l'adresse) : 7 Allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Ngày (Date) : .....

Chữ ký (Signature).....

# Đại khủng hoảng 1929 và khủng hoảng tín dụng 2007

Nguyễn Huy Đức

Trong vài tháng qua đã có nhiều chuyên gia lên tiếng lo ngại rằng cuộc khủng hoảng tín dụng mà thế giới đang phải đương đầu sẽ kéo dài và có sức công phá mãnh liệt như Đại khủng hoảng 1929. Những bức tranh đen sẫm đã được trưng bày cùng những tiên đoán bi quan nhất. Điều khiến nhiều người đã tin vào dự đoán này là hiện tượng các khu vực kỹ nghệ như xe hơi, xây cất, dầu hỏa và nhất là khu vực công nghiệp nhẹ đang thi nhau đi vào trì trệ.

Để có thể đánh giá tình hình, cần nhận diện đâu là những mẫu số chung giữa cuộc Đại khủng hoảng 1929 và những khó khăn tín dụng hiện nay. Cũng cần tìm ra những khác biệt giữa hai biến cố này. Từ đó mới có thể đưa ra những kết luận về tiên đoán bi quan trên.

Nhưng đầu tiên, cần có đôi lời về cuộc Đại khủng hoảng. Đây là cuộc khủng hoảng lớn nhất trong lịch sử của hệ thống tư bản. Nó bắt đầu từ tháng 9-1929 và kéo dài đến 4-1933. Trong vòng 3,5 năm, mức sản xuất đã giảm đến 50%, vật giá giảm xuống đến 25% và thất nghiệp đã tăng đến tỷ lệ choáng ngợp : 25% dân số trong tuổi lao động tại Hoa Kỳ.

## Những khía cạnh có thể so sánh

Như moi cuộc khủng hoảng quan trọng, Đại khủng hoảng 1929 và khủng hoảng tín dụng lần này đều bắt nguồn từ những tiến bộ kỹ thuật vượt bậc. Vào thập niên 20 (The Roaring Twenties), máy phát thanh, xe hơi đã là những phát minh đáng ghi nhận. Những tiến bộ này có thể so sánh với những thành quả gặt hái được trong ngành viễn thông và tin học của đầu thế kỷ 21. Nó giúp các đối tác kinh tế vận dụng nguyên liệu và nhân lực một cách hữu hiệu hơn để tăng giá sản xuất và đem lại phồn vinh.

Tuy nhiên sự giàu có này đã không được tái đầu tư một cách hữu hiệu. Ngược lại, lợi tức đã được bơm vào những khu vực kinh tế kém hiệu quả. Trong thập niên 20, lợi tức đã được đầu tư vào nhà đất và rất nhiều trung tâm thương mại. Ngày hôm nay, những thành quả của các quốc gia vừa thành đạt (emerging countries) không được đầu tư tại các quốc gia này. Nó được bơm vào thị trường tiền tệ của các quốc gia tiền tiến mà hiệu quả của lợi nhuận không là bao nhiêu. Trong cả hai trường hợp, khối lượng tiền bơm vào những dự án thiếu hiệu quả tạo ra hiện tượng bong bóng. Nhưng với bản chất không hiệu quả, những bong bóng trên cuối cùng cũng phải xì hơi và xẹp xuống.

Sự mất giá của cổ phiếu và sản phẩm tài chính đã nhanh chóng lan tràn sang nền kinh tế thực thụ, làm chao đảo phần lớn các ngân hàng cho vay có thể chấp. Để tránh tình trạng vỡ nợ, các ngân hàng thi nhau bán tổng bán tháo những tài sản thế chấp. Hành động này gây hoảng hốt và đánh mất niềm tin của quần chúng vào hệ thống tài chính. Hết lụy của nó là đẩy đưa nền kinh tế Hoa Kỳ (năm 1929 và năm 2007) vào vòng xoáy giảm phát. Nếu không bước ra khỏi tình trạng giảm phát này, có lẽ cuộc khủng hoảng tín dụng sẽ dai dẳng và mãnh liệt như Đại khủng hoảng 1929 (xem Hình 1 và 2).

Song song đó, sai lầm trong chính sách tiền tệ của Quỹ

Dự trữ Liên Bang đã trầm trọng hóa Đại khủng hoảng cũng như khủng hoảng tín dụng hiện nay. Trong cả hai cuộc khủng hoảng, chính sách này đã khuyến khích giới trung lưu và hạ lưu Mỹ có thể mượn tiền để tiêu thụ vượt khả năng hoàn trả của mình. Kết quả là khi tài sản mất giá theo vòng xoáy của giảm phát, các "chúa Chổm" người Mỹ thi nhau khánh tận và gây thêm khó khăn cho kinh tế Hoa Kỳ.

Ngoài ra, khi Đại khủng hoảng bộc phát, sinh hoạt thường mại thế giới được an bài theo hệ thống "Kim Bản Vị" (Gold Exchange Standard). Hệ thống này định giá đồng bạc của một quốc gia theo tỷ lệ cố định mà đồng bạc này có thể chuyển ra vàng. Hậu quả của hệ thống này là tạo ra mối liên thuộc giữa các quốc gia : các nước thành viên phải tuân thủ một chính sách tiền tệ chung. Trong khi đó, tình hình kinh tế của từng quốc gia đòi hỏi một chính sách khác biệt. Khi Đại khủng hoảng bùng nổ, sai lầm lớn của Hoa Kỳ là lập tức áp dụng chính sách tiền tệ khắc nghiệt. Các quốc gia khác phải rập khuôn theo nếu không muốn lượng dự trữ vàng bị hao mòn (một đối tác kinh tế sẽ đổi tiền ra vàng và dùng vàng để đầu tư vào Mỹ kim). Nói tóm lại, hệ thống "Kim bản" đã toàn cầu hóa một sai lầm trong chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ.

Ngày hôm nay, tuy hệ thống này đã được hủy bỏ, tiến trình toàn cầu hóa của hệ thống tài chính đã đóng vai trò truyền nhiễm của hệ thống "Kim bản" trong quá khứ : như chúng ta biết, các món nợ của người Mỹ đã được tích sản hóa và bán ra thị trường thế giới. Những khó khăn kinh tế của Hoa Kỳ cũng có thể lôi kéo các nước khác vào vòng xoáy suy thoái.

Cuối cùng cũng phải nhìn nhận rằng bất bình đẳng trong thu nhập cũng là một hiện tượng được ghi nhận trước khi hai cuộc khủng hoảng bùng nổ. Thập kỷ 20 và những năm đầu của thế kỷ 21 cũng chia sẻ một tệ nạn : một phần rất nhỏ của xã hội (từ 1% đến 2%) nắm giữ gần 25% lợi tức của Hoa Kỳ.

Tại các nước kém phát triển, tình trạng này còn nhức nhối hơn. Cho dù bỏ qua khía cạnh đạo đức và chỉ nhìn qua lăng kính thực dụng, không ai có thể chấp nhận và không thể để hiện tượng này được duy trì : sau Đệ nhất và nhất là sau Đệ nhị thế chiến, thế giới đã đi vào hệ thống sản xuất có quy mô lớn. Như vậy, mọi xã hội đều cần có một nền tiêu thu nội địa đại chúng để có thể tiếp thu khối lượng sản phẩm của mô hình sản xuất hàng loạt. Nếu không, giải pháp còn lại là phát triển hệ thống vay mượn để mọi người trong xã hội có thể tiêu thụ. Thu nhập càng được tái phân phối một cách bất bình đẳng thì cần tinh vi hóa hệ thống tín dụng. Trong điều kiện đó, xã hội sẽ càng lệ thuộc vào ngân hàng. Nền kinh tế có thể dễ dàng suy thoái nếu khu vực ngân hàng gặp khó khăn và hạn chế chính sách cho vay. Khủng hoảng 1929 và khủng hoảng "nợ dưới tiêu chuẩn" là những bằng chứng hùng hồn nhất.

## Một vài bài học

Khác biệt lớn giữa hai biến cố trên là thời gian và những gì đã được rút tóm sau khủng hoảng 1929. Ngày hôm nay mọi người đều đồng ý rằng chính sách sai lầm của Hoa Thịnh Đốn



mới là nguyên do chính khiến một hiện tượng suy thoái vào năm 1929 đã trở thành một biến cố bất hạnh cho thế giới.

Đầu tiên, ngay khi thị trường chứng khoán mất giá trầm trọng vào tháng 9-1929, giới hữu trách Hoa Kỳ đã gần như không làm gì để nâng đỡ nền kinh tế. Tệ hại hơn, Quỹ Dự Trữ Liên Bang quan niệm rằng phải để cho thị trường tự điều chỉnh những gì quá đáng. Hơn nữa, tâm lý đạo đức lúc đó là phải trừng phạt giới đầu cơ và những ngân hàng đã có những hành động mạo hiểm quá lố. Những vụ phá sản của các ngân hàng lớn đã tạo ra tác động dây chuyền và làm tổn thương đến lòng tin của người dân. Từ năm 1930 đến 1933, hơn 50% các ngân hàng đã đóng cửa hay bị thu mua. Hậu quả của nó là hàng ngàn người đã đến các ngân hàng rút tiền và đóng trương mục : giới tài chánh càng điêu đứng. Hệ lụy tự nhiên của tình trạng này là thị trường tín dụng không còn hoạt động hiệu năng vì ngân hàng không còn và không dám cho mượn tiền nữa. Nói tóm lại, vào năm 1929, một sự suy thoái cần được điều chỉnh đã trở thành vấn nạn cho khu vực ngân hàng và truyền nhiễm đến khu vực kinh tế thực thụ và làm nổ tung tỷ lệ thất nghiệp.

Ngoài ra, hệ thống "Kim Bản Vị" (đã được đề cập trên) cũng đã góp phần vào những quyết định sai lầm của chính quyền Hoa Kỳ vào năm 1929. Trước tình trạng khánh tân lên cao, nhiều nhà đầu tư đã đổi Mỹ kim ra vàng với hy vọng bảo toàn tài sản. Để chặn đứng nguy cơ này, Hoa Thịnh Đốn không muốn và không thể bơm tiền vào các ngân hàng với hậu quả là phải phá giá đồng Mỹ Kim. Ngược lại, chính quyền Mỹ đã phải tiếp tục chính sách thắt lưng buộc bụng khiến các mức dự trữ tiền của ngân hàng thương mại suy giảm thêm và khiến khủng hoảng trầm trọng thêm. Mãi đến tháng 7-1932, dưới áp lực của Hạ Nghị Viện, Quỹ Dự Trữ Liên Bang mới bắt đầu cung cấp luồng tư bản vào ngân hàng và nền kinh tế. Quyết định này đã đem lại hiệu quả và kinh tế Hoa Kỳ đã hồi sinh vào cuối năm 1932. Hiện tượng này đã thuyết phục nhiều quốc gia hủy bỏ hệ thống lấy vàng làm mức đo hối đoái. Tất cả các thống kê đã chứng minh một điều : những quốc gia đã nhanh chóng rút ra khỏi hệ thống "Kim Bản" cũng là những quốc gia đã giải quyết sớm nhất những khó khăn kinh tế (Anh, Nhật và các quốc gia Bắc Âu). Ngược lại, kinh tế Pháp và Thụy Sĩ đã tiếp tục quẫn quại trong khủng hoảng vì là những nước rút ra sau cùng khỏi hệ thống.

Ngày hôm nay, chính giới Hoa Kỳ đã tỏ ra sáng suốt hơn. Hàng trăm tỉ Mỹ Kim đã được nhanh chóng bơm vào thị trường tiền tệ để tránh nguy cơ luồng tư bản bị "đóng lạnh". Hơn nữa, trừ sai lầm bỏ rơi ngân hàng Lehman Brothers (với những hậu quả tai hại của nó), không một ngân hàng nào bị dồn vào thế phải đóng cửa vi phả sản. Quan trọng nhất, ý thức hệ đã bị gat ngang khi phải huy động vốn cho các ngân hàng. Ở đây, mục đích không phải là quốc hữu hóa các công ty tài chánh. Mục tiêu là tái tạo nền tảng thuận lợi để các ngân hàng tiếp tục sinh hoạt bình thường. Chính vì vậy đã có rất ít những hành động quốc hữu hóa. Nếu có, nó chỉ ở những phạm vi rất nhỏ. Nhiều lăm, các chính phủ đã đề nghị thu mua một số cổ phiếu ưu đãi (preferred share) nhưng không có quyền bầu bán (non-voting share). Loại cổ phiếu này có lợi nhuận rất cao để tránh gây thiệt hại cho ngân sách quốc gia (trường hợp AIG, UBS).

Điều đáng ghi nhận là có những ngân hàng, sau khi nghiên cứu đề nghị của chính phủ, đã từ khước sự giúp đỡ của nhà nước (trường hợp Barclays). Tất cả những dữ kiện trên chứng



minh một điều : những hành động này rất thực tiễn. Chúng phải được xem như những hành động khẩn cấp. Và khi nói đến khẩn cấp thì không nên lôi thôi để cập đến ý thức hệ hay những thủ tục cần có trong một tình trạng bình thường. Không một anh cứu hỏa nào đòi hỏi các dì phuộc phải đội khăn, mặc áo trước khi được bế ra khỏi một tu viện đang bốc lửa !

Song song đó, các quốc gia Tây Âu đang ráo riết chuẩn bị những kế hoạch kích thích nền kinh tế bằng chính sách thuế má rộng rãi. Đây là những chính sách mang yếu tố quyết định cho cuộc chiến chống khủng hoảng tín dụng. Ngay cả trước khi chính thức trở thành tổng thống thứ 44 của Hoa Kỳ, ông Obama đã đưa ra một kế hoạch kích thích kinh tế. Pháp đã đưa ra một kế hoạch tương tự và Anh đã khiến cả thế giới ngạc nhiên khi đơn phương tuyên bố giảm thuế trị giá tăng (AVT). Đây là một khía cạnh mà, vào năm 1929, các chính giới không có để điều chỉnh nền kinh tế. Vào thời điểm 1930, chính kinh tế gia Keynes đã chủ trương những kế hoạch chấn hưng tương tự, mặc dù giá phải trả là thiếu hụt ngân sách. Nhưng lúc đó, rất ít nhà chức trách nào đã xem đây như một giải pháp khả thi. Viv vậy, khía cạnh này chỉ được tận dụng khi tổng thống Roosevelt quyết định thi hành chính sách "New Deal" với những công trình xây cất lớn.

Cuối cùng, những chính sách của các quốc gia tiền tiến đã được ban hành một cách đồng bộ. Trong một thế giới liên thuộc, mọi chính phủ đã hiểu rằng cần có một phản ứng nhịp nhàng và cần có sự hợp tác trên quy mô toàn cầu. Trái lại, khi khủng hoảng 1929 xuất phát, các quốc gia nạn nhân đã có những thái độ tiêu cực. Chính sách bảo hộ nền kinh tế quốc gia qua chế độ quan thuế bảo hộ đã được ban hành với sự cạnh tranh giảm giá. Điển hình là bộ luật Smoot-Hawley Tariff với đề nghị tăng thuế cho hơn 20 000 sản phẩm nhập cảng. Đây là một hành động làm trầm trọng hóa khủng hoảng 1929. Thật vậy, thái độ này đã gây nhiều tổn thương cho thương mại thế giới và đưa hàng ngàn hàng xưởng Mỹ vào tình trạng phá sản.

Có thể nói mà không sợ sai lầm rằng cả hai cuộc khủng hoảng đều bắt đầu vì một số yếu tố tương tự. Tuy nhiên, giữa hai khủng hoảng, phản ứng của các quốc gia đã hoàn toàn khác hẳn. Những sai lầm của quá khứ đã được rút kinh nghiệm. Hy vọng rằng những bài học mới cũng sẽ được ghi nhận. Khủng hoảng này dù thoát khỏi là mổ chôn của kinh tế thị trường. Nó chỉ là một báo động đòi hỏi một mô hình kinh tế hoàn hảo hơn. Hoàn hảo hơn giữa các thành phần trong một quốc gia và bình đẳng hơn giữa các quốc gia, nhất là giữa các quốc gia tiền tiến và các quốc gia trên đà phát triển.

Chúng ta có quyền lạc quan : sẽ có chỗ đứng xứng đáng cho những quốc gia như Việt Nam với điều kiện biết nắm lấy thời cơ để tạo cho đất nước một địa vị mới. Biết nắm lấy thời cơ có nghĩa là trong sạch hóa guồng máy tài chánh và hành chánh, đa dạng hóa và bình đẳng hóa các đối tác kinh tế (tư nhân-nhà nước; tiểu công nghiệp-kỹ nghệ tinh vi; xã hội dân sự-xã hội kinh tế...). Biết nắm lấy thời cơ cũng đòi hỏi tìm được đồng thuận căn bản cho đất nước sau khi đã lắng nghe mọi ý kiến, sáng kiến và nhất là mọi chính kiến.

Nguyễn Huy Đức (Paris)

Tìm đọc Thông Luận trên internet :  
<http://www.thongluan.org>

# Chủ quyền Việt Nam ở vùng Nam Côn Sơn, Tư Chính, Vũng Mây

Dương Danh Huy - Lê Minh Phiếu

Bất chấp chủ quyền không thể chối cãi của Việt Nam đối với vùng Tư Chính - Vũng Mây và bồn trũng Nam Côn Sơn, được luật quốc tế và các bên liên quan công nhận, Trung Quốc vẫn có yêu sách đối với vùng này. Nhưng, chiếu theo luật quốc tế, những yêu sách này cũng hoàn toàn không có cơ sở.

Năm 1992, Trung Quốc ký hợp đồng thăm dò dầu khí ở vùng Tư Chính - Vũng Mây với công ty Crestone.

Năm 1994, Trung Quốc phản đối hợp đồng dầu khí giữa Việt Nam và Mobil ở vùng Thanh Long với lý do vùng này thuộc quần đảo Trường Sa.

Năm 2007, Trung Quốc gây áp lực buộc BP ngưng hoạt động trong dự án dầu khí có vốn đầu tư 2 tỷ USD với Việt Nam ở hai vùng Mộc Tinh, Hải Thạch. Các vùng Thanh Long, Mộc Tinh, Hải Thạch nằm trong bồn trũng Nam Côn Sơn.

Tháng 7 năm nay, Trung Quốc gây áp lực với ExxonMobil yêu cầu không được cộng tác với Việt Nam trong một dự án thăm dò dầu khí ở bồn trũng Nam Côn Sơn.

Ngày 12-11 năm nay, Công ty Dầu khí Hải Dương Trung Quốc tuyên bố dự án có vốn 29 tỷ USD để khảo sát và khai thác Biển Đông, trong cả những vùng biển hiện đang nằm trong tình trạng tranh chấp.

Thái độ và hành động nói trên của Trung Quốc đã gây thiệt hại cho kinh tế và đe dọa nền độc lập và sự vẹn toàn lãnh thổ của Việt Nam. Thế nhưng, những thái độ và hành động đó lại không dựa trên một cơ sở nào của luật biển quốc tế.

Bài viết này sẽ chứng minh sự không có cơ sở đó theo Công ước Liên Hiệp Quốc về luật biển (UNCLOS - United Nations Convention on the Law of the Sea).

## Chủ quyền không thể chối cãi của Việt Nam theo luật quốc tế

Thứ trưởng Ngoại giao Vũ DŨNG nói : "Quyền của chúng ta thì chúng ta làm. Tất cả các dự án Việt Nam đang tiến hành đều nằm trong vùng thềm lục địa tối thiểu 200 hải lý của Việt Nam. Điều này tuân theo quy định quan trọng trong Công ước Luật Biển năm 1982. Công ước này quy định bất kỳ quốc gia ven biển nào đều có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa 200 hải lý, tức khoảng hơn 300 km.

Điều quan trọng, tất cả tài nguyên nằm trong thềm lục địa đó thuộc quyền chủ quyền của quốc gia đó. Công ước Luật Biển năm 1982 cũng quy định những nơi có vùng chồng lấn thì các bên liên quan tìm kiếm giải pháp công bằng.

Những dự án khai thác hiện nay trên thềm lục địa Việt Nam thuộc quyền chủ quyền của Việt Nam. Quyền của chúng ta thì chúng ta làm. Chúng tôi đã nói rõ quan điểm với Trung Quốc như vậy".

Trong sự kiện Trung Quốc phản đối và đe dọa BP vào năm 2007 và ExxonMobil vào năm 2008, nhiều người hiểu lầm rằng thái độ và hành động đó của Trung Quốc là sự tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Thật ra, theo luật quốc tế, giả sử như Hoàng Sa và Trường Sa có thuộc về Trung Quốc một cách hợp pháp di nữa, thì vùng Tư Chính - Vũng Mây và bồn trũng Nam Côn Sơn nằm ở phía bắc ranh giới với Indonesia vẫn thuộc về Việt Nam.

Nói cách khác, sự xác lập chủ quyền của một nước nào đó trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nếu có, hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến chủ quyền của Việt Nam ở vùng Tư Chính - Vũng Mây và bồn trũng Nam Côn Sơn.

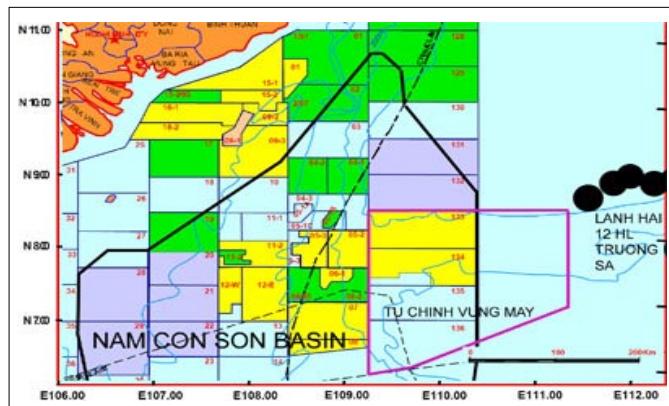
Chủ quyền đối với khu vực này, dù cho chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có là của bất cứ nước nào, cũng thuộc về Việt Nam, chiếu theo các quy tắc của luật biển quốc tế.

Trên thực tế, yêu sách của Trung Quốc đối với vùng này hoàn toàn sai với luật quốc tế. Chính sự hiểu lầm như đã nói trên, dù vô tình hay cố ý, đã che khuất đi phần nào sai trái của Trung Quốc trong việc tuyên bố chủ quyền đối với vùng Tư Chính - Vũng Mây và bồn trũng Nam Côn Sơn.

Theo Điều 57 và 76 của UNCLOS, các quốc gia ven biển được hưởng một vùng đặc quyền kinh tế rộng tối đa là 200 hải lý từ đường cơ sở và một vùng thềm lục địa nếu địa lý đáy biển cho phép thì có thể rộng tối đa là 350 hải lý từ đường cơ sở hay 100 hải lý từ độ sâu 2500 mét.

UNCLOS cũng quy định là nếu có tranh chấp, trong trường hợp vùng đặc quyền kinh tế hay thềm lục địa của hai quốc gia chồng lấn lên nhau, thì tranh chấp phải được giải quyết một cách công bằng (Điều 74 và 83).

Có hai nguyên tắc được dùng để đo lường sự công bằng này trong tập quán luật quốc tế và ngoại giao, đó là đường trung tuyến và tỷ lệ chiều dài bờ biển liên quan. Khi xét xử tranh chấp biển, Tòa án Công lý Quốc Tế (International Court of Justice) thường bắt đầu bằng cách vạch đường trung tuyến giữa hai nước làm ranh giới thử nghiệm, sau đó Tòa sẽ xét xử công bằng bằng cách xem tỷ lệ diện tích được chia cho mỗi nước có gần như tỷ lệ chiều



Bản đồ 1: Bản đồ vùng Tư Chính - Vũng Mây và bồn trũng Nam Côn Sơn (Nam Côn Sơn Basin). Vùng Thanh Long nằm trong lô 05-1B. Vùng Mộc Tinh nằm trong lô 05-3. Vùng Hải Thạch nằm trong lô 05-2. Vùng Lan Tây, Lan Đỏ nằm trong lô 06-1. Các vùng này nằm ngoài vùng lanh hải của các đảo Trường Sa. Vạch chấm đen là "đường lưỡi bò" của Trung Quốc trên Biển Đông.

dài bờ biển liên quan tới tranh chấp hay không.

Trong việc vạch ranh giới, tập quán luật quốc tế và ngoại giao không tính những đảo nhỏ, xa bờ, tự thân không có các điều kiện cho sự cư trú của con người và đời sống kinh tế riêng, như các đảo trong hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, để tránh việc những đảo này ảnh hưởng không công bằng tới vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Nguyên tắc này được Tòa án Công lý Quốc Tế tuyên bố từ năm 1969 trong phiên tòa chia thềm lục địa Bắc Hải và được khẳng định trong Điều 121, Khoản 3 của UNCLOS. Từ năm 1969 tới nay, Tòa án Công lý Quốc Tế luôn tôn trọng nguyên tắc này, thí dụ như trong những phiên tòa Lybia/Malta, Vịnh Maine, Guniea/Guniea-Bissau.

Đối chiếu với những quy tắc pháp lý kể trên với vùng Tư Chính - Vũng Mây và bồn trũng Nam Côn Sơn, ta thấy :

Phần lớn vùng Tư Chính - Vũng Mây và bồn trũng Nam Côn Sơn phía bắc ranh rối với Indonesia và Malaysia nằm trong phạm vi 200 hải lý từ bờ biển Việt Nam. Dù Việt Nam vạch đường cơ sở gần bờ thế nào đi nữa thì, theo UNCLOS, những vùng này cũng nằm trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Việt Nam (Xem Bản đồ 2).

Một phần nhỏ của vùng Tư Chính - Vũng Mây và một phần nhỏ của bồn trũng Nam Côn Sơn phía bắc ranh rối với Indonesia, tuy nằm ngoài phạm vi 200 hải lý từ bờ biển Việt Nam, nhưng nằm trong phạm vi thềm lục địa của Việt Nam. Theo Điều 76 của UNCLOS, thềm lục địa ở những vùng này thuộc về Việt Nam.

Phần lớn những nước tranh chấp Trường Sa và Biển Đông không tranh chấp chủ quyền của Việt Nam ở vùng Tư Chính - Vũng Mây và bồn trũng Nam Côn Sơn. Malaysia và Philippines không tranh chấp chủ quyền của Việt Nam ở những vùng này, dù các nước này tranh chấp Trường Sa. Indonesia đã có hiệp định ranh giới với Việt Nam và không tranh chấp những vùng này.

Chỉ có Brunei tranh chấp một phần nhỏ của vùng Tư Chính - Vũng Mây, nhưng cũng không tranh chấp lô 133 và 134. Điều này không chỉ là một sự công nhận về chủ quyền của Việt Nam ở vùng này mà còn cho thấy những nước Đông Nam

Á, dù có tranh chấp Trường Sa hay Biển Đông, vẫn tôn trọng UNCLOS và không có đòi hỏi lấn sâu vào vùng đặc quyền kinh tế hay thềm lục địa của Việt Nam.

Tuy Mỹ không có quan điểm Hoàng Sa, Trường Sa thuộc về nước nào, trong lời tuyên bố về sự hợp tác của Exxon Mobil ở bồn trũng Nam Côn Sơn, đại sứ Mỹ Michael Michalak tuyên bố là việc ExxonMobil cộng tác với Việt Nam trong vùng này là hoàn toàn hợp pháp. Theo báo *South China Morning Post*, ExxonMobil và các công ty dầu khí quốc tế cho là vùng đang bị Trung Quốc tranh chấp thuộc về Việt Nam.

Trên thực tế, PetroVietnam, BP và ONGC (Ấn Độ) đã hợp tác ở vùng Lan Tây, Lan Đỏ (lô 06-1) từ năm 1992 và hiện đang khai thác dầu khí mà không có nước nào phản đối, kể cả Trung Quốc. PetroVietnam, BP và Conoco cũng đã hợp tác ở vùng Mộc Tinh, Hải Thạch từ năm 1992-1993 ; cho tới năm

2007 Trung Quốc mới áp lực BP ngưng hợp tác với Việt Nam. Những vùng Mộc Tinh (lô 05-3), Hải Thạch (lô 05-2), Thanh Long (lô 05-1B) gần bờ Việt Nam hơn vùng Lan Tây, Lan Đỏ.

Ngoài ra, nhiều công ty dầu khí quốc tế khác đã hợp tác với Việt Nam từ thập niên 1990 trong vùng Nam Côn Sơn, thí dụ như, Idemitsu, Nippon Oil, Teikoku, Conoco Phillips, Vamex, Premier Oil. Vì Việt Nam là nước nhỏ yếu hơn Trung Quốc, việc những công ty này hợp tác với Việt Nam không thể do Việt Nam lấn át Trung Quốc hay những công ty này. Bằng những hợp tác trên, một điều chắc chắn rằng các công ty trên đã công nhận những vùng này thuộc về Việt Nam theo luật quốc tế.

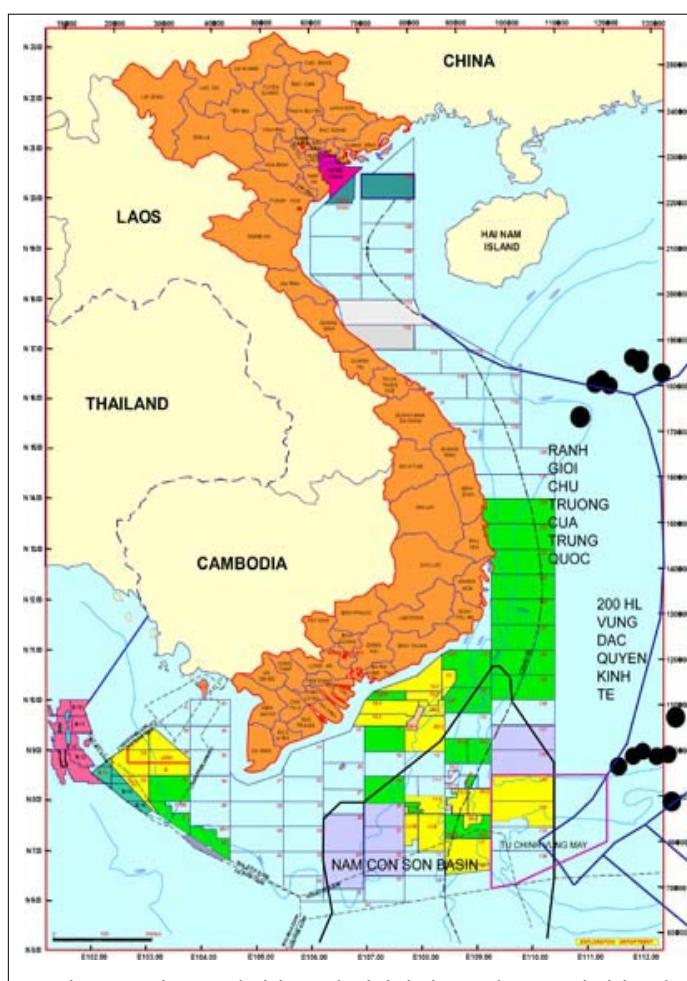
### **Yêu sách vô lý, không có cơ sở của Trung Quốc**

Bất chấp chủ quyền không thể chối cãi của Việt Nam đối với vùng Tư Chính - Vũng Mây và bồn trũng Nam Côn Sơn, được luật quốc tế và các bên liên quan công nhận như đã kể trên, Trung Quốc vẫn có

yêu sách đối với vùng này.

Nhưng, chiếu theo luật quốc tế, những yêu sách này hoàn toàn không có cơ sở.

Đảo Hải Nam cách vùng này khoảng 1000 hải lý. Vì vùng đặc quyền kinh tế được giới hạn tối đa là 200 hải lý, đảo Hải Nam hoàn toàn không phải là nền tảng theo luật quốc tế để xác lập chủ quyền của Trung Quốc đối với vùng này.



Bản đồ 2 : Vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý từ bờ biển Việt Nam. Các hình tròn đen là lanh hái 12 hải lý của các đảo trên quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. "Đường lưỡi bò" của Trung Quốc lấn sâu vào vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý từ bờ biển Việt Nam. Dựa trên bản đồ của PetroVietnam.

Quần đảo Hoàng Sa hoàn toàn cũng không phải là cơ sở để Trung Quốc xác lập chủ quyền đối với khu vực này, vì :

- Quần đảo này hiện là đối tượng tranh chấp chủ quyền giữa Trung Quốc và Việt Nam ;

- Cực nam của quần đảo Hoàng Sa cách vùng này khoảng 750 hải lý. Trong khi đó, vùng đặc quyền kinh tế được giới hạn tối đa là 200 hải lý ;

- Tập quán luật quốc tế và ngoại giao không dựa vào những đảo nhỏ như trong quần đảo Hoàng Sa để làm nền tảng cho việc phân chia vùng đặc quyền kinh tế. Sự xác lập hợp pháp chủ quyền của Trung Quốc đối với Hoàng Sa, giả sử có, cũng không cho Trung Quốc cơ sở pháp lý để tranh chấp vùng này.

Tất cả các đảo trong quần đảo Trường Sa đều có diện tích dưới 0,5 km vuông, tự thân chúng không có các điều kiện cho sự cư trú của con người và đời sống kinh tế riêng. Theo nguyên tắc và tập quán luật quốc tế đã dẫn, những đảo này không được hưởng vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Những đảo này chỉ được hưởng lãnh hải tối đa là 12 hải lý (Điều 121, khoản 2 và 3 của UNCLOS).

Bản đồ 1 cho thấy lãnh hải 12 hải lý của tất cả các đảo trong quần đảo Trường Sa nằm ngoài vùng Tư Chính - Vũng Mây và bồn trũng Nam Côn Sơn. Vì vậy, tranh chấp chủ quyền ở quần đảo Trường Sa không cho Trung Quốc cơ sở pháp lý để tranh chấp vùng này. Ngoài ra, Hình 1 cho thấy vùng này nằm trên thềm lục địa Việt Nam, hoàn toàn không liên quan

tới thềm lục địa của quần đảo Trường Sa.

Từ những lẽ trên, việc Trung Quốc tranh chấp vùng Tư Chính - Vũng Mây, vùng Thanh Long, Mộc Tinh, Hải Thạch, hay bất cứ vùng nào khác trong bồn trũng Nam Côn Sơn, với Việt Nam là một điều hoàn toàn vô lý và không có cơ sở pháp lý.

Tóm lại, việc tranh chấp và những thái độ, hành động của Trung Quốc liên quan đến vùng Tư Chính - Vũng Mây và bồn trũng Nam Côn Sơn không có cơ sở pháp lý, ngay cả khi đang tồn tại tranh chấp Hoàng Sa và Trường Sa.

Điều này cũng cho thấy yêu sách của Trung Quốc đòi 75% phần diện tích trên Biển Đông cũng hoàn toàn không có cơ sở pháp lý và vô lý ngay cả khi đang tồn tại tranh chấp

#### Hoàng Sa và Trường Sa.

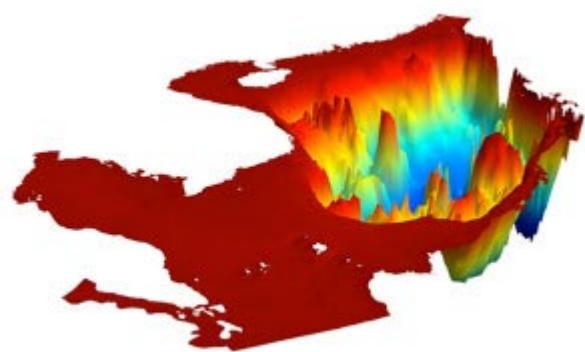
Nhằm bảo toàn tính toàn vẹn toàn lãnh thổ của Việt Nam, không chỉ ở vùng Tư Chính - Vũng Mây và bồn trũng Nam Côn Sơn, mà còn ở tất cả các vùng Biển Đông của Việt Nam, Việt Nam cần phải làm những việc sau :

- Kiên quyết giữ vững chủ quyền và thực thi chủ quyền ở vùng Tư Chính - Vũng Mây và bồn trũng Nam Côn Sơn. Việc Trung Quốc thành công trong việc xâm lấn vùng này có nghĩa là những quy tắc pháp lý, những giá trị hành xử được xây dựng ở tầm quốc tế đã bị chà đạp một cách nghiêm trọng và đây sẽ là một tiền lệ nguy hiểm cho tất cả vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý từ bờ biển Việt Nam ở Biển Đông.

- Không lẩn lộ, không để cho Trung Quốc viện cớ tranh chấp Hoàng Sa, Trường Sa để ngụy trang cho việc chiếm hữu các vùng đó của Việt Nam. Cần hiểu rõ và tuyên bố rõ ràng, dứt khoát với Trung Quốc và với thế giới rằng những vùng này nằm ngoài tranh chấp Hoàng Sa, Trường Sa và hoàn toàn thuộc về Việt Nam.

- Cần hiểu rõ và tuyên bố rõ ràng với Trung Quốc và thế giới rằng việc Trung Quốc tuyên bố chủ quyền đối với vùng biển có diện tích khoảng 75% Biển Đông là hoàn toàn sai trái, vô lý, không có cơ sở pháp lý ngay cả khi đang tồn tại tranh chấp Hoàng Sa và Trường Sa.

**Dương Danh Huy  
Lê Minh Phiếu**



Hình 1: Thềm lục địa vùng Nam Côn Sơn thuộc về thềm lục địa Việt Nam, khác biệt với quần đảo Trường Sa.

Nguồn : Marine Ecosystem Dynamics Modeling.



Bến cảng đảo Côn Sơn

## Hy vọng nào cho Việt Nam ?

Nguyễn Văn Huy

Năm 2008 chấm dứt trong hoang mang và lo sợ. Cuộc khủng hoảng tiền tệ và tài chính quốc tế, kéo theo suy thoái kinh tế trên qui mô toàn cầu, ảnh hưởng đến sự tồn tại của mọi quốc gia và đe dọa cuộc sống của từng gia đình. Không ai tiên đoán được những gì sẽ xảy ra trong năm tới, tất cả mọi chỉ số kinh tế, tài chính đưa ra đều bi quan : tỷ lệ tăng trưởng của các quốc gia phát triển phương Tây nếu không là âm thì cũng là số không. Tỷ lệ tăng trưởng của các quốc gia đang phát triển không lạc quan gì hơn : Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam không những không còn cơ sở để duy trì tăng trưởng cao mà còn có thể bị kéo xuống số âm, vì mất nguồn lợi chính do xuất khẩu mang lại.

Trước viễn cảnh đen tối này, phản ứng của thế giới đã ra sao ? Những biện pháp đưa ra có hy vọng mang lại ổn định không ? Còn hy vọng nào cho Việt Nam ?

### Khác biệt giàu nghèo

Theo dõi những hành động và tuyên bố gần đây của những nhà lãnh đạo các quốc gia phát triển, những số tiền dự trù chi ra để cứu nguy sinh hoạt tài chính và kinh tế thật là chóng mặt. Người ta không nói tới hàng trăm triệu, hàng tỷ, hàng chục tỷ mà là hàng trăm, hàng ngàn tỷ USD.

Chỉ riêng lãnh vực tài chính không thôi, tổng số tiền bị mất trong các thị trường chứng khoán quốc tế lên đến 36 000 tỷ USD. Để cứu vãn, kế hoạch Paulson của Hoa Kỳ dự trù chi ra 700 tỷ USD, Liên Hiệp Châu Âu hơn 900 tỷ USD. Để khắc phục suy thoái kinh tế, tổng thống Hoa Kỳ, George Bush, dự trù chi ra 168 tỷ USD trong khi tổng thống vừa đắc cử Barack Obama đưa ra con số 700 tỷ USD để phục hồi sinh hoạt kinh tế Hoa Kỳ. Trung Quốc dự chi 586 tỷ USD để thúc đẩy mãi lực trong nước. Nhật Bản dự trù 207 tỷ USD để nâng đỡ các xí nghiệp nội địa. Liên Hiệp Châu Âu đưa ra con số 360 tỷ USD để phục hồi bộ máy sản xuất, v.v. Đó là chưa kể những số tiền mà từng bộ, từng ngành, từng địa phương dự trù chi ra để tài trợ những sinh hoạt kinh tế cục bộ của từng ngành, từng vùng ; mỗi kế hoạch tối thiểu cũng từ vài tỷ đến vài chục tỷ USD.

Không biết những quốc gia giàu có này lấy tiền ở đâu ra để tài trợ nền kinh tế đang lâm nguy. Có thể họ sẽ vay mượn các định chế tài chính và tiền tệ quốc tế, hoặc lấy từ kho dự trữ, hoặc đánh thuế cao hơn. Nhưng cho dù có thể nào, các quốc gia giàu có này cũng sẽ có những số tiền đó, chỉ vì một lý do giản dị : tích sản và tổng sản lượng quốc gia của họ còn quá cao để thế chấp khi đi vay. Nguốc lại, cùng bối cảnh đó, các quốc gia nghèo yếu thuộc thế giới thứ ba khó có hy vọng vượt qua, vì quá kiệt quệ.

Cứ biết một tỷ USD là một ngàn triệu USD, chỉ riêng với một triệu USD không thôi người ta có thể xây dựng một nhà máy chế biến hay sản xuất nông nghiệp hiện đại có khả năng thu dụng cả ngàn nhân công tại châu Phi hay châu Á ; với một tỷ USD thì số người được tuyển dụng sẽ lên tới hàng trăm

ngàn người và mức sống của quốc gia đó cũng sẽ được nâng lên theo nhờ lợi tức do số tiền đầu tư canh tác nông nghiệp này mang lại. Nhưng đó chỉ là ước mơ, ngân sách của nhiều quốc gia nghèo khó không có nổi một tỷ USD để mua lương thực, thực phẩm.

Hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới này rất là trầm trọng. Chính vì quá trầm trọng nên những số tiền từ những quốc gia phát triển dự trù tung ra rất là đồ sộ, thứ nhất là để trấn an lư luận nước họ, thứ hai là để tiếp tục nắm giữ vai trò lãnh đạo kinh tế thế giới, ít nhất trong vài thập niên nữa. Lãnh đạo ở đây phải hiểu là các quốc gia nghèo khó sẽ tiếp tục phục vụ các quốc gia giàu có, nhưng lần này không do những quốc gia giàu có trực tiếp vào khai thác mà qua trung gian các quốc gia đang phát triển thay mặt họ vào đầu tư để sau đó xuất khẩu hàng hóa sang thị trường các quốc gia giàu có để tiêu thụ. Bù lại, các quốc gia nghèo khó này sẽ thu vào ngoại tệ do xuất khẩu mang lại. Nhưng đó là trường hợp của những quốc gia may mắn tại Đông Nam Á và Bắc Phi.

Đối với phần còn lại của thế giới, nhất là các quốc gia châu Phi da đen và Đông Nam Á chậm tiến, ngoài việc vơ vét tài nguyên thiên nhiên và nguồn lao động rẻ tiền trong nước xuất khẩu, sự tồn tại của các chính quyền này phần lớn nhờ vào viện trợ. Với nguồn viện trợ này, các chính quyền độc tài châu Phi và châu Á thường lấy làm của riêng để làm giàu cho mình hoặc phe nhóm mình, bất chấp sự nghèo khó của dân chúng.

Nếu tình trạng này không thay đổi, các quốc gia nghèo sẽ cứ tiếp tục nghèo, các quốc gia giàu cứ giàu thêm và các quốc gia trung gian sẽ vẫn là trung gian phục vụ sự ăn trên ngồi trước các quốc gia giàu có.

Cái gì đã làm các quốc gia phát triển trở nên giàu có ? Thật ra ít ai biết rằng sự cách biệt giữa giàu và nghèo này chỉ giàn dì là sáng kiến và ý kiến. Nhờ luôn luôn tôn trọng và khuyến khích sáng kiến và ý kiến, các quốc gia phát triển thường vượt qua khó khăn một cách dễ dàng. Trong cuộc khủng hoảng năng lượng và suy thoái kinh tế lần này, những nhà nghiên cứu phương Tây đang thiết kế những xưởng chế tạo xe hơi dùng năng lượng tái sinh ngoài dầu hỏa. Trong đó, vì thiếu sáng kiến và sự ý kiến, các quốc gia nghèo khó chỉ quanh quẩn tìm miếng ăn hoặc chìm đắm trong cám thù và tranh chấp, càng tranh chấp họ lại càng lệ thuộc nhiều hơn vào những quốc gia đỡ đầu để rồi cuối cùng bị khai thác một cách không thương tiếc, khi đã biết thì quá muộn màng.

### Tương lai nào cho Đông Á ?

Từ một vài năm trở lại đây, Tổ nghiên cứu Đông Á của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tại Nhật Bản, đã thường xuyên cung cấp những bài bình luận cũng như tin tức về các quốc gia Đông Á trên nguyệt san Thông Luận. Mục đích của loạt bài này trước hết là để thông tin và bình luận, kể là rút kinh nghiệm từ những chính sách đã thi hành để học hỏi. Đối tượng

lot bài viết này là những người còn quan tâm đến tương lai đất nước.

Về Trung Quốc, các bài viết đã lần lượt phân tích và bình luận sức mạnh kinh tế lẫn quân sự, có khi còn so sánh với các quốc gia khác trong vùng. Từ nhiều năm qua, Trung Quốc đã trở thành một cường quốc kinh tế lẫn quân sự. Nhưng sức mạnh này dùng để làm gì ?

Khác với các quốc gia phương Tây và Nhật Bản, sức mạnh của Trung Quốc chỉ nhằm hiếp dấp hay khai thác những quốc gia nhỏ bé và yếu kém hơn. Bắc Kinh đã không ngần ngại tuyên bố chủ quyền trên những vùng có nhiều tài nguyên khoáng sản trên Biển Đông và sẵn sàng dùng vũ lực để chiếm giữ những hải đảo ngoài khơi và bắn phá các tàu thuyền dân sự đi lại trên những vùng đang có tranh chấp.

Để truy lùng tài nguyên, Bắc Kinh đang khuyến khích phong trào "thảo du", nghĩa là xuất khẩu người đi du học hay đi làm việc tại nước ngoài, khi thành tài thì mang những kiến thức hay nguồn tài chánh dành dụm đó về nước phục vụ. Hiện nay số nhân công Trung Quốc làm việc tại các quốc gia dầu lửa rất đông, nhiều nhất là tại châu Phi, một lục địa mà các quốc gia châu Âu đang bỏ rơi vì không còn gì để khai thác. Chính vì bị châu Âu bỏ rơi, các quốc gia châu Phi đã dễ dàng ngả vào vòng tay của Trung Quốc. Nhưng một khi làm việc với người Trung Quốc, lãnh đạo các quốc gia nghèo kém mới chợt thấy mình đã bị khai thác một cách quá đáng và không hưởng một phúc lợi nào từ nguồn dầu tư này mang lại. Khi đầu tư tại các quốc gia này, các công ty Trung Quốc chỉ sử dụng người Trung Quốc của tiêu dùng hàng hóa Trung Quốc.

Tuy nhiên nếu quan sát kỹ, sức mạnh kinh tế lẫn quân sự của Trung Quốc không thể tồn tại lâu vì không có nền tảng xây dựng vững chắc. Sức mạnh kinh tế của Trung Quốc dựa vào xuất khẩu, nếu không xuất khẩu được nữa thì... khánh tận. Hiện nay, mỗi tháng có hàng ngàn công ty, xí nghiệp cỡ nhỏ và vừa đóng cửa, sa thải công nhân. Tổng số người mất việc hiện nay lên đến 200 triệu người. Lấy gì để nuôi khói người thất nghiệp khổng lồ này ? Bắc Kinh dự trù chi 586 tỷ USD để phục hưng sức mua của dân chúng. Sự thành công của biện pháp này rất đáng nghi ngờ vì người Trung Quốc chưa quen tiêu thụ, nếu dư tiền thì họ để dành phòng khi đau yếu.

Sức mạnh quân sự của Trung Quốc cũng không hù dọa được ai. Tất cả các bằng sáng chế vũ khí hiện đại mà Trung Quốc đang sản xuất đều mua từ nước ngoài. Nếu xảy ra chiến tranh, các kho vũ khí và căn cứ quân sự này chắc chắn sẽ bị phá hủy bởi vệ tinh thám thính. Thêm vào đó, sự trang bị của binh sĩ Trung Quốc còn rất kém so với các quốc gia khác trong vùng. Lực lượng hải quân và không quân Trung Quốc còn rất yếu, nếu có tranh chấp quân sự với Đài Loan ngay lúc này, các lực lượng quân sự trên không và dưới biển của Trung Quốc sẽ bị loại ra khỏi vòng chiến một cách dễ dàng vì trang bị yếu kém.

Nếu Việt Nam cứ tiếp tục xác nhận chủ quyền trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Trung Quốc sẽ không dám tấn công Việt Nam. Trước hết vì sợ dư luận quốc tế, thứ hai vì sợ bị thiệt hại, quân đội Trung Quốc rất e ngại binh chủng đặc công của Việt Nam. Sở dĩ phải lý luận dài dòng như vậy chỉ vì muốn trấn an chính quyền cộng sản Việt Nam : không

nên quá lo sợ Trung Quốc đến như vậy.

Trung Quốc hiện nay vó thể được ví như là Lưu Tường, vận động viên chạy vượt rào đoạt huy chương vàng tại Thế Vận Hội Athens năm 2004. Lưu Tường được báo chí và dư luận tâng bốc thành anh hùng dân tộc. Huy chương vàng mà Lưu Tường đoạt được xứng đáng với cố gắng của anh thời đó, nhưng Lưu Tường không phải là nhà vô địch vĩnh cửu. Trong Thế Vận Hội Bắc Kinh năm nay, Lưu Tường đã phải bỏ cuộc vì không đủ sức. Nền kinh tế của Trung Quốc giống trường hợp Lưu Tường, được dư luận bơm lên quá đáng trong khi khả năng có giới hạn. Cái hay của Lưu Tường là không khoe khoang, không hiếp dấp ai mà chỉ im lặng đi vào bóng tối. Trong khi Trung Quốc thì phô trương và hù dọa tất cả mọi người, khi đối diện với thực tế, tức cuộc khủng hoảng tài chánh và suy thoái kinh tế toàn cầu, Trung Quốc bị suy sụp nhanh chóng, người ta chợt phát hiện Trung Quốc không giàu và mạnh như lầm tưởng. Nguy cơ tan vỡ và loạn lạc đang ở trước mắt.

### Còn hy vọng nào ?

Trước bối cảnh đen tối vào dịp cuối năm, tương lai Việt Nam sẽ như thế nào ? Không ai dám tiên đoán. Có thể xấu và cũng có thể tốt. Tất cả tùy thuộc vào quyết tâm có muốn thay đổi để Việt Nam vươn lên hay không.

Nếu không làm gì cả tình hình sẽ rất bão động. Những chỉ số kinh tế, tài chánh trong những tháng cuối năm rất là bi quan : tăng trưởng kinh tế không thể ở mức 6-7%, thâm hụt thương mại đã lên tới 24 tỷ USD (do không dám nhập khẩu thêm từ tháng 7 đến tháng 12-2008 chứ không do xuất khẩu gia tăng), tỷ lệ lạm phát vẫn ở mức 30%, v.v.

Nếu chính quyền Việt Nam muốn thay đổi để vượt qua bế tắc, điều phải làm đầu tiên là trả tự do thật sự cho dân chúng. Nếu để dân chúng tự do phát huy sáng kiến và ý kiến, người ta sẽ thấy đất nước này sẽ thay da đổi thịt. Chính người dân sẽ cứu nguy chế độ chứ không phải ngược lại. Chính quyền có thể bị phê bình hay chỉ trích, nhưng đây là một phong thái sinh hoạt bình thường của mọi xã hội tự do. Phải có phê bình và chỉ trích, cũng như phải có cạnh tranh trong thi đua, mua bán mới có tiến bộ. Chỉ những kẻ gian và thành phần xấu mới sợ bị phê bình và chỉ trích.

Điều phải làm thứ hai là trả lại quyền sở hữu cho người dân. Người ta chỉ yêu thương và bảo vệ cái gì của chính mình, do chính mình làm ra. Điều kiện này trước hết có lợi cho chính đảng cộng sản, vì theo luật pháp tất cả bất động sản mà các cấp lãnh đạo cộng sản đang nắm giữ không thực sự là của họ. Nếu chưa có đạo luật tôn trọng quyền sở hữu, tranh chấp và thù oán sẽ tiếp tục kéo dài, xã hội sẽ rất khó hòa giải. Hiện nay chính các cấp lãnh đạo cộng sản là đối tượng của ganh ghét và oán thù vì giàu sang của họ quá thách đố (cá cược cả triệu USD). Khi trả lại quyền sở hữu cho người dân, chính quyền không cần làm một cố gắng nào, đất nước cũng tự nhiên có phát triển chỉ vì một lý do giản dị : ai cũng muốn tài sản của mình có thêm giá trị để trao đổi hay để tự hào. Chính những hành động giản dị và vô cùng tự nhiên này mới là động cơ thúc đẩy sáng kiến và ý kiến. Chính sáng kiến và ý kiến mới là động lực thúc đẩy đất nước di lên.

Nguyễn Văn Huy

# Danh

Chú tôi bảo vợ chồng tôi bắt buộc phải sang Paris vì vừa có đám cưới của em gái họ tôi vừa là dịp ngày sinh thứ 60 của ông. Chú tôi tên là Nguyễn Hiếu Danh. Hiếu với hào hinh như cùng một nghĩa nhưng nếu ai gọi lầm tên chú tôi thành Nguyễn Háo Danh ông sẽ nổi giận ngay. Người Việt Nam coi danh là quan trọng nhất. Tôi có vô số bạn bè tên Danh. Nào là Thành Danh, Phương Danh, Ngọc Danh, Hoàng Danh, Hữu Danh, Công Danh, v.v. và dĩ nhiên Văn Danh. Có những đứa lấy Danh làm tên đệm, Danh Hiến, Danh Toại. Có cả một thằng tên là Võ Danh Tiền. Nó giải thích "danh tiền" có nghĩa là trước hết phải có danh tiếng nhưng chúng tôi lại nghĩ khác, có thể bố mẹ nó đặt tên nó như vậy là để chúc nó vừa có danh lại vừa có tiền, nghĩa là nhất, vừa có tiếng lại vừa có miếng.

Chú tôi rất thích câu thơ của Nguyễn Công Trứ mà ông coi là thần tượng : *dã sinh ra ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông*. Và ông suốt đời mơ ước một chút danh. Hình như người Việt chúng ta tôn sùng chữ Danh như vậy là do ảnh hưởng của dân tộc Trung Quốc anh em. Họ dạy chúng ta rằng danh chính là tên ("xin anh vui lòng cho biết quý danh !"). Không có danh là kẻ như không có tên, nghĩa là không có trên cõi đời này.

Tôi thuộc một gia đình nho giáo. Ông nội tôi tuy chẳng dỗ đạt và có công danh gì nhưng cũng là một nhà nho và mơ ước cho con cháu trở thành danh nhân. Chú tôi đặc biệt chật vật vì chữ danh. Ông rất tháo vát, nếu chỉ tập trung giúp thím tôi buôn bán ông có lẽ đã giàu to nhưng ông lại hì hục viết báo để có danh tiếng. Điều trớ trêu là thay vì dùng tên thực ông lại dùng bút danh. Kết quả là ngoài gia đình tôi rất ít ai biết ông viết báo. Chú tôi chỉ thực sự nổi tiếng sau năm 1975, đúng ra là kể từ khi ông ty nạn tại Pháp. Ông hoạt động chính trị rất hăng say trên một lập trường chống cộng kịch liệt, lên án ngay cả những người chống cộng ôn hòa. Ông tỏ ra rất căm thù cộng sản đã khiến ông phải bỏ nước ra đi dù chính cái tai họa "bỏ nước ra đi" đã cho ông cơ hội được ăn nói và làm ra vẻ một lãnh tụ, điều mà trước đó ông không bao giờ dám nghĩ tới. Nó cũng giúp thím tôi buôn bán ăn nên làm ra nuôi các em tôi thành đạt. Cả ba đứa đều có những cái tên rất yêu nước. Thằng lớn, Quốc Việt, nay đã có vợ Pháp, có con và làm kỹ sư. Thằng thứ hai, Quốc Hùng, làm bác sĩ, lấy một cô y tá cũng người Pháp và vừa được một con trai. Con nhỏ út, Việt Hương, đã tốt nghiệp kinh doanh hai năm nay và bây giờ lấy chồng người Pháp.

Tôi rất ít quan hệ với các em tôi, không phải vì ở xa hay cách biệt tuổi tác mà vì không cùng quan tâm, và ngôn ngữ gần như bất đồng. Các em tôi biết rất ít tiếng Việt và cũng rất ít quan hệ với người Việt. Chúng cũng như chú thím tôi đều không thắc mắc về sự mâu thuẫn giữa những cái tên rất yêu nước và sự quan tâm rất ít ỏi, có thể là không có gì, dành cho nước Việt Nam. Có lẽ chú tôi đã chỉ đặt cho chúng những cái tên như thế để tỏ ra ông là người yêu nước vì trong thâm tâm ông cho rằng tỏ ra yêu nước là oai hùng, còn có yêu nước thực hay không là chuyện khác. Tôi tin như vậy qua cách hoạt động chính trị của ông. Ông đã gia nhập nhiều tổ chức nhưng đều rút ra vì không

## MỤC LỤC

01. Chấm dứt một phép mầu giả tạo

Thống Luận

02. APEC và ASEAN : nguyên cơ và cơ hội

Nguyễn Minh

04. Một New Deal ấn bản Obama

Nguyễn Gia Kiêng

07. Dân chủ thực sự và sự đắc cử tổng thống của Obama

Tân Thời Thiện

09. Phê bình chỉ trích hay đánh phá hoại ?

Trần Việt Trinh

11. Thấy gì sau lưng những phiên tòa ?

Bảo Trung

11. Lời chúc trước phiên tòa

Phạm Hồng Sơn

12. Vô phương chênh đỡ trước sự phát triển của blog

Trần Hiền Thảo, Hà Thị Đồng Xuân

13. Không thể chống tham nhũng nếu không có báo chí

Minh Quang

15. RSF vinh danh nhà báo Nguyễn Việt Chiến

Clotilde Le Coq

16. Sai lầm của chế độ khi áp bức những nhà dân chủ

Thanh Quang

17. Thư cắp báo

Nguyễn Thành Giang

18. Chân dung người đi tìm chủ thuyết phát triển cho Việt Nam

Hiển Lương

19. Tương lai nào dành cho những người cộng sản ?

Việt Hoàng

21. Điện viên giỏi nhất

Lữ Giang

25. Đại khủng hoảng 1929 và khủng hoảng tín dụng 2007

Nguyễn Huy Đức

27. Chủ quyền Việt Nam ở vùng Nam Côn Sơn, Tư Chính, Vũng Mây

Đường Danh Huy, Lê Minh Phiếu

29. Hy vọng nào cho Việt Nam ?

Nguyễn Văn Huy

32. Danh

Đáy

giành được những vai trò nổi bật. Ông cũng đã thành lập những tổ chức chỉ có một mình ông để làm chủ tịch. Cuối cùng ông hoạt động như một nhân sĩ. Ông đã viết những bài đả kích kịch liệt những người nổi tiếng. Có lần ông tâm sự với tôi về một nhân vật mà ông mạt sát : "Thằng này giỏi thực và đứng đắn lắm, nhưng khen nó thì ăn cái giải gì, phải đánh nó để chứng tỏ mình cùng tầm cõi với nó, nó lớn thì mình cũng lớn, làm chính trị phải có danh". Một số người nói chú tôi lưu manh. Thực ra chú tôi là người tốt trong cuộc sống hàng ngày, ông chỉ vì chữ danh mà trở thành phức tạp như hầu hết mọi người Việt Nam hoạt động chính trị.

Chú tôi không thành công một phần cũng vì tôi không ủng hộ ông. Ông đã giành tất cả phần nổi thì tôi còn được cái gì ? Mặc dù tên là Đáy, nghĩa là ở dưới chót, nhưng tôi cũng là người Việt Nam và cũng rất trọng chữ Danh. Tôi đã gia nhập nhiều tổ chức, hội đoàn nhưng rồi đều bỏ hoặc tuy không bỏ nhưng cũng như bỏ vì những lý do xoay quanh chữ Danh.

Tôi nhận xét là đám trẻ sinh ra và lớn lên tại nước ngoài hầu như không có ai tên Danh. Phải chăng là người Việt Nam đã đoạn tuyệt với văn hóa cũ và từ bỏ chữ Danh ?

Chú tôi giải thích :

- Ở đâu thì tao không biết nhưng ở Pháp D cũng đọc như Đ, chữ "danh" dễ bị đọc thành dingue, nghĩa là khùng.

Đáy